



CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: info@chanhphap.us

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình ảnh: **Phượng Hồng**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ◆ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ◆ NGUYỄN LỰC CỦA MỘT VỊ BỒ-TÁT (Tỳ kheo Thích Trí Quang), trang 8
- ◆ AN CƯ (HT. Thích Trí Thủ), trang 10
- ◆ BÀI KỆ LÂM TẾ (thơ Thăng Hoan), tr. 12
- ◆ PHÁP KHÍ VÀ PHÁP PHỤC (Điều Ngự tử Tin Nghĩa), trang 12
- ◆ ĐẠO TRẢNG AN CƯ KIẾT HẠ NĂM 2012 TẠI CHÙA BÁT NHÃ (HT. Thích Nguyên Trí), trang 16
- ◆ CUNG THỈNH THAM DỰ NGÀY VỀ NGUỒN 6 TẠI ÚC ĐẠI LỢI (TK. Thích Viên Trí), trang 17
- ◆ PHÁP MÔN NIỆM PHẬT TRONG KINH A DI ĐÀ (Thích Giác Như), trang 18
- ◆ NỘI BUỒN NHẦY MÙA, NHẬP THẾ, BÀN KHOẢN, SÓT LẠI (thơ Phù Du), trang 23
- ◆ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 2 – NĂM 2012 TẠI BẮC CALIFORNIA (TK. Thích Đồng Tuyên), tr. 24
- ◆ NGÀY PHẬT SINH - KHÉ GỌI TÊN THẤY (Huyền Lam), trang 25
- ◆ TẶNG ĐỜI (thơ Mật Nghiêm), trang 26
- ◆ SỐNG TRONG THẾ GIẠN VỚI PHẬT PHÁP (TN Tịnh Quang dịch), trang 26
- ◆ BƯỚC CHÂN HIỀN TRIẾT, TIẾNG CHUÔNG CHÙA QUÊ TÔI (thơ Tuệ Thiên Lê Bá Bôn), trang 30
- ◆ LANG THANG NHƯ ẮNG MÂY TRỜI... (Tịnh Minh soạn dịch), trang 31
- ◆ TIỂU SỬ BỒ-TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC (Môn đồ pháp quyền soạn), trang 32
- ◆ TÁCH TRÀ BUỒI SÁNG VÀ NHỮNG MẶT NGÓN TÌNH CỜ (Huệ Trân), tr. 33
- ◆ THÔNG BÁO KHÓA TU HỌC MÙA HÈ CHÙA BÁT NHÃ... (HT. Thích Nguyên Trí), trang 35
- ◆ TRÍ QUANG TỰ TRUYỆN: KHÔNG VẤN HOÀN KHÔNG (Trần Kiếm Đoàn), tr. 36
- ◆ ĐỌC THƠ TUYỆT CÚ (Lam Nguyễn), trang 39
- ◆ LỬA TỬ BI (thơ Vũ Hoàng Chương), trang 40
- ◆ MỘT ÍT THÔNG HIỂU VỀ CƠ THỂ HỌC VÀ SINH LÝ HỌC (Bs. Đỗ Minh Hạnh), trang 41
- ◆ MỘT SỐ TƯ LIỆU MỚI VỀ BỒ-TÁT QUẢNG ĐỨC (Trí Siêu Lê Mạnh Thát), trang 47
- ◆ TÁI ĐÁO THIÊN THAI (Võ Doãn Nhân), trang 50
- ◆ ĐÊM HUYỀN (thơ Tâm Tấn), TA NHƯ... (thơ Hồ Hương Lộc), ĐÊM THAO THỨC NGHE MÙA, KHÓI SƯƠNG (thơ Nguyễn thị Minh Thủy), trang 54
- ◆ CANH CHUA (Điều An), trang 57
- ◆ ĐỨNG TRÊN TẤT CẢ (Vĩnh Hào), trang 59
- ◆ PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 4. THE TRIPLE GEM / TAM BẢO (Tâm Minh Ngô Tăng Giao dịch), trang 64
- ◆ NHỆ KHÉP CỘNG SÀI (Mặc Không Tử) trang 66
- ◆ CHƠI VỜI, CÔ TỊCH (thơ Huyền Vũ), trang 67
- ◆ MÙI CỦA HOA SEN (Lam Khê), tr. 68
- ◆ KHÓC LÊN ĐI, ỒI TỰ DO! CRY FOR FREEDOM (Robert Thurman - Trí Thịnh dịch), trang 71
- ◆ ÂM NHẠC PHẬT GIÁO TRONG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ (Tâm Minh Vương Thúy Nga), trang 74
- ◆ LẮNG NGHE ĐỂ HIỂU, NHÌN LẠI ĐỂ THƯƠNG... (Tâm Lăng Nghe Sâu), trang 76
- ◆ MỘT TÀI NẠN VÌ SẴN BẮN – song ngữ (HT. Thích Trí Chơn dịch), tr. 78



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

Báo Chánh Pháp số 7, tháng 6 năm 2012, do ĐLHT. Thích Thăng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

An cư kiết hạ (hay kiết đông) là truyền thống lâu đời của Tăng đoàn, hàng ngũ những đệ tử xuất gia của Phật. Không chỉ là truyền thống, An cư là còn là nguyên tắc sinh hoạt bắt buộc phải có. Nơi đâu có tỳ kheo và tỳ kheo ni lưu trú, hành đạo, từ bốn vị trở lên, nơi đó phải được tổ chức An cư. Tuổi thọ (hạ lạp) của tỳ kheo được tính theo mỗi mùa An cư mà họ nhiệt thành và tự nguyện tham dự. Trong ý nghĩa sâu xa hơn, tuổi thọ của Chánh Pháp tùy thuộc nơi truyền thống An cư này. Bao lâu hội chúng tỳ kheo, tỳ kheo ni, còn vân tập trong thanh tịnh hòa hợp để sách tấn và thực hành giới luật, giảng luận và học hỏi giáo lý, Chánh Pháp vẫn còn tồn tại. Bởi vì An cư là biểu hiện sinh động của đời sống Tăng lữ. Qua An cư, giới luật được hội chúng tỳ-kheo nghiêm mình gìn giữ; và cũng qua An cư, tính cách hòa hợp của Tăng đoàn được thể nghiệm.

Một cách cô đọng, có thể nói là trong sinh hoạt Tăng đoàn, nhờ Giới luật mà có thanh tịnh, nhờ Vô ngã mà có hòa hợp. Đây là tiêu chí mà Đức Phật đưa ra để khích lệ các vị tỳ kheo nhằm giữ gìn giới thân huệ mạng của mình cũng như để bảo tồn mạng mạch Chánh Pháp. Hơn hai nghìn năm trăm năm qua, trải qua nhiều thế hệ tăng lữ của nhiều quốc gia, Chánh Pháp đã được lưu truyền trong cách đó.

***Giới luật** và **Vô ngã** không phải là lý tưởng hay lý thuyết để theo đuổi, mà chính là con đường thực hành. An cư là cơ hội cho sự thực hành ấy. Tức là thực hiện tinh thần Giới luật và Vô ngã ngay trong sinh hoạt của một cộng đồng, một tập thể mà trong số những người tham dự, không phải ai cũng đều là người thân thuộc, quen biết. Tôn ty trật tự của cộng đồng Tăng lữ được thực hiện một cách tự nhiên trên tinh thần giới luật và đức hạnh. Giới luật thì có giới bốn để qui chiếu, còn đức hạnh của từng cá nhân là do nơi nội lực thực hành Phật Pháp, không phải nơi việc xuất gia sớm hay muộn, thọ giới trước hay sau. Người đức hạnh là người thực hành Vô ngã. Vô ngã không phải một sớm một chiều tuyệt dứt bản ngã của mình, mà chính là dần dần lột bỏ từng sở chấp nơi tự tâm, buông xả từng vật, từng điều, từng thành tựu, từng sở đắc, từng ý niệm mà mình cho rằng mình đã hay đang sở hữu.*

Trong thế giới vô thường hữu hạn này, mọi thứ mà chúng ta tranh thủ để có được trong đời sống, có thể rời khỏi chúng ta bất cứ lúc nào. Nếu chúng không rời chúng ta, thì có thể qua một đêm mơ màng không bao giờ mở mắt trở lại, chính chúng ta sẽ rời khỏi chúng. Một căn nhà, một dinh thự hay tự viện nguy nga; tiền bạc, của cải, và những trang sức đắt giá; bằng cấp, học hàm, danh vọng và chức vị... Tất cả đều là sương khói, huyền mộng, sẽ không theo chúng ta qua đời sống kế tiếp.

Người thực hành Vô ngã là người không cố gắng theo đuổi hoặc níu giữ một cách vô vọng những điều huyền mộng của thế gian. Hương thơm đức hạnh chỉ có thể tỏa ra từ con người Vô ngã ấy.

Nhờ Vô ngã mà khi cần, một hành giả có thể từ bỏ huyền thân, cúng dường Chánh Pháp. Phật giáo Việt Nam đã từng có những vị chân tăng như thế. Chúng ta tôn xưng họ là những bồ-tát. Gần đây, trên mười hai tầng sĩ và cư sĩ Tây Tạng cũng đã thiêu thân cho lý tưởng tự do của đất nước và nền Phật giáo của họ. Đức vô úy, nhẫn nhục, tâm bố thí, lòng từ bi và hỷ xả, nói chung là tất cả đức hạnh cao đẹp của một hành giả chân tu, đều bắt nguồn từ tinh thần Vô ngã. Chỉ trong Vô ngã, buông hết tất cả, con người mới có được tất cả. Nói một cách quyết liệt hơn, mỗi người chúng ta phải chết đi bản ngã của mình, mới có thể làm sống dậy tinh thần của Chánh Pháp.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

SINGAPORE: Tín đồ Phật giáo tham gia lễ rước đèn

Singapore – Như một phần của các nghi lễ Phật Đản, một lễ rước đèn đã diễn ra tại Sân vận động Hougang vào ngày 28-4-2012.

Bộ trưởng Bộ Phát triển Quốc gia Khaw Boon Wan cùng hàng nghìn tín đồ đã tham gia buổi lễ.

Sự kiện này do Ban Phụng sự Phúc lợi Phật giáo Singapore (SBWS) tổ chức để kỷ niệm sự đản sinh, giác ngộ và nhập niết bàn của Đức Phật.

Sau phần trình diễn trống và ánh sáng rực rỡ, Bộ trưởng Khaw và các tín đồ cầm đèn hoa sen đi vòng quanh sân vận động.

Họ cũng đã tắm một tượng Phật và đánh chuông vì hòa bình, an lạc và trí tuệ.

Lễ rước đèn là một phần của một loạt các nghi lễ kỷ niệm Phật Đản, mà đỉnh cao là một buổi lễ tịnh hóa vào ngày 5-5-2012 (nhằm ngày rằm tháng 4 âm lịch).

(Tipitaka – May 2, 2012)



Bộ trưởng Khaw (giữa) và tín đồ Phật giáo cầm đèn hoa sen đi quanh Sân vận động Hougang - Photo: Alvina Soh

ẤN ĐỘ: Phát hành sách in bản thảo Kinh Pháp Hoa quý hiếm

Ngày 3-5-2012, một bản thảo Kinh pháp Hoa quý hiếm đã được quyết định sẽ phát hành thành

sách tại Ấn Độ.

Bản kinh này có niên đại từ thế kỷ thứ 5, được phát hiện vào năm 1931 trong một bảo tháp Phật giáo tại Gilgit, nay là vùng Kashmir thuộc Pakistan.

Người ta tin rằng đây là một trong những kinh điển Phật giáo đáng tôn quý nhất, ghi lại bài thuyết pháp của Đức Phật trước khi Ngài nhập niết bàn.

Bản kinh Pháp Hoa Gilgit được lưu giữ tại kho Lưu trữ Quốc gia Ấn Độ ở thủ đô Delhi. Các viên chức tại đây nói rằng bản thảo kinh cổ xưa này có thể tồn tại trong nhiều thế kỷ vì được viết trên vỏ cây bạch dương, vốn không bị hỏng và mọc được trong nhiệt độ đóng băng dưới 0 độ của vùng Gilgit.

Là ấn bản được sao chụp chính xác từ bản thảo kinh, cuốn sách sẽ được phát hành bởi kho Lưu trữ Quốc gia phối hợp với Viện Triết học Đông phương và tổ chức Soka Gakkai có trụ sở tại Nhật Bản, là một tổ chức phi chính phủ được Liên Hiệp Quốc công nhận.

(BBC News – May 3, 2012)



Kinh Pháp Hoa được phát hiện vào năm 1931 - Photo: Kho Lưu trữ Quốc gia Ấn Độ

TÍCH LAN: Phước lễ vì hòa bình thế giới

Để mừng việc hoàn thành một năm kỷ niệm lễ Đức Phật Thành đạo năm thứ 2.600, Hội đồng Tăng đoàn Phật giáo Thế giới (WBSC) chi nhánh Tích Lan sẽ tổ chức một phước lễ vì hòa

bình thế giới.

Chư tăng từ 29 nước thành viên của Hội đồng sẽ tham dự lễ.

Đại diện cho 3 giáo phái chính, 480 tăng sĩ nước ngoài từ phương Đông và phương Tây đã nhận lời tham dự. Khoảng 800 tăng sĩ Tích Lan cũng đã được mời tham gia sự kiện này.

Lễ khai mạc sẽ được tổ chức tại Nhà hát Ao Sen Mahinda Rajapaksa vào ngày 8-5-2012, với sự tham dự của Tổng thống Mahinda Rajapaksa như một khách mời đặc biệt.

Một bản Tuyên ngôn Hòa bình Thế giới sẽ được đọc, và các nhà sư nổi bật sẽ được trao tặng giải thưởng để tôn vinh công việc của họ.

Theo lịch trình, các phái đoàn sẽ thăm và tụng kinh vì hòa bình và hòa hợp thế giới tại Kandy và Anuradhapura, và sẽ rời Tích Lan vào ngày 11-5-2012.

(Sri Lanka News – May 4, 2012)

MÃ LAI: Tình nguyện viên làm đẹp cho Chùa Mekprasit nhân lễ Phật Đản

Trước ngày lễ Phật Đản, một số thanh niên tình nguyện người Thái dành thời gian và sức lực để làm sạch cho Chùa Mekprasit tại Jalan Tunku Abdal Rahman, thành phố Ipoh.

Nhóm tình nguyện viên này từ Perlis đã đến vào tuần trước. Họ giúp làm những việc như lau chùi các tượng, quét nền nhà và kiểm tra các bóng đèn và dây điện, để mang lại cho các tín đồ dự lễ nhiều màu sắc và sự vui tươi.

Sinh viên 21 tuổi Andy Wirat nói, "Phần khó nhất là lau chùi pho tượng Phật nằm dài 9,1 mét, vốn là hình tượng nổi tiếng của chùa. Chúng tôi đã dành hơn nửa ngày để làm việc này".

(thestar.com.my – May 4, 2012)

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Borobudur - ngôi đền được công nhận là một di sản của nền văn minh thế giới - tọa lạc tại Magelang, Trung Java.

Các sinh viên này thuộc Nhóm Sinh viên Phật giáo Indonesia (Hikmahbudhi). Họ đã phát hàng nghìn tờ truyền đơn về việc bảo tồn Borobudur cho Phật tử đến dự buổi thiền định tại ngôi đền trong lễ Phật Đản.

Truyền đơn cũng được phát cho công chúng đến dự lễ Phật Đản quanh Đền Mendut, cách Borobudur khoảng 3 km về phía đông.

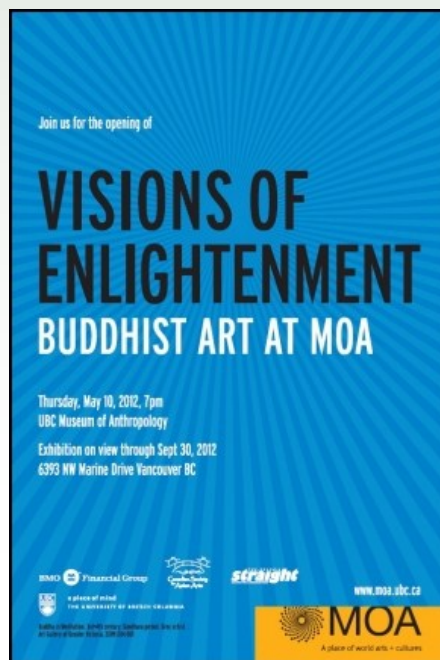
Trưởng nhóm Hikmahbudhi là Ivana nói rằng họ đã chuẩn bị 5.000 tờ truyền đơn cho cuộc vận động bảo tồn đền Borobudur để phát cho công chúng.

Ivana hy vọng cuộc vận động sẽ nâng cao nhận thức của công chúng về vai trò của mình trong việc bảo tồn ngôi đền này.

(Bernama - May 6, 2012)

Triển lãm cung cấp nhiều thông tin, bao gồm các tác phẩm điêu khắc (làm bằng đá, kim loại hoặc gỗ sơn mài), tranh, gốm sứ, bản thảo và hàng dệt. Một số học giả Phật giáo sẽ có những buổi thuyết trình về Phật giáo, nghệ thuật Phật giáo và về cuộc triển lãm Thị giác Giác ngộ này.

(BAN - May 9, 2012)



Poster của cuộc triển lãm Thị kiến Giác ngộ - Photo: BAN

PAKISTAN: Du khách Nam Hàn cầu nguyện tại Takht Bhai

Một phái đoàn 20 thành viên Nam Hàn đã viếng thăm và tổ chức một buổi cầu nguyện đặc biệt tại địa điểm khảo cổ Gandhara ở tỉnh Takht Bhai vào ngày 1-5-2012.

Họ nói rằng họ sẽ chia sẻ trải nghiệm của chuyến thăm này với nhân dân Hàn quốc và sẽ mời đồng bào của họ đến viếng các địa điểm Phật giáo tại Pakistan.

Phái đoàn Nam Hàn đã chỉ trích các phương tiện truyền thông Tây phương vì đã tuyên truyền một hình ảnh tiêu cực về Pakistan và đã gán cho nó vai trò một nhà nước tài trợ chủ nghĩa khủng bố.

Có mặt vào dịp này, Bộ trưởng Thể thao, Du lịch, Khảo cổ và Bảo tàng của Pakistan là Aquid Shah nói rằng chính phủ đang cố gắng



Lau sạch các tượng ở chùa Mekprasit



Một tình nguyện viên đang quét chùa Mekprasit. Phía sau là pho tượng Phật nằm nổi tiếng của chùa



Lối vào chùa Mekprasit - Photos: Fong Kee Soon

INDONESIA: Sinh viên vận động bảo tồn ngôi đền Borobudur

Jakarta - Ngày 5-5-2012, một nhóm sinh viên Phật tử đã bắt đầu cuộc vận động về việc bảo tồn



Đền Borobudur - Photo: Jakarta Post

CANADA: Triển lãm Nghệ thuật Phật giáo 'Thị kiến Giác ngộ'

Một cuộc triển lãm về Nghệ thuật Phật giáo được tổ chức tại Bảo tàng Nhân học của trường Đại học British Columbia ở thành phố Vancouver, Canada, từ ngày 10-5 đến 30-9-2012.

'Thị kiến Giác ngộ' trưng bày những mẫu hiện vật của nghệ thuật Phật giáo từ 3 truyền thống chính là Phật giáo Nguyên thủy, Đại thừa và Kim cương thừa.

Tại Vancouver, các cộng đồng người Hoa, Nhật, Hàn và Tây Tạng được thành lập là đại diện tốt đẹp của Phật giáo Đại thừa và Kim cương thừa. Và Phật giáo Nguyên thủy là điển hình cho các truyền thống của người Miến, Thái và các cộng đồng Đông Nam Á khác.

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

thu hút du khách nước ngoài, nhất là từ các nước Phật giáo, đến viếng các địa điểm Gandhara của tỉnh Takht Bhai.

Bộ trưởng muốn người Hàn quốc đến xem tình hình thực tế tại Pakistan và cho biết chính phủ đã thực hiện việc bố trí an ninh thích hợp để bảo vệ du khách.

Ông nói rằng các ngân khoản lớn đã được phân bổ cho việc khai quật và bảo tồn các địa điểm khảo cổ, và chính quyền tỉnh Takht Bhai đang cố gắng để bảo toàn tất cả các hiện vật khai quật và dành sự ưu tiên cho việc xây dựng những nơi thờ phụng tại các địa điểm này.

(Buddhist Art News – May 10, 2012)

MÃ LAI: Sư trưởng của Chùa Tích Lan ở Sentul, vị hòa thượng nhiều lần hiến máu

Hòa thượng Đại Trưởng lão B. Saranankara, Sư trưởng Chùa Tích Lan ở Sentul, Kuala Lumpur của Mã Lai, là một trong số hơn 100 tín đồ và người hảo tâm đã hiến máu tại chùa này vào ngày lễ Phật Đản.

Đến nay, hòa thượng đã hiến máu hơn 50 lần. Rời Kandy, Tích Lan để sang định cư tại Mã Lai từ năm 1983, ông là người thường xuyên hiến máu tại Bệnh viện Kuala Lumpur từ năm 1984 và tại Bệnh viện Đại học từ 1988.

"Tôi thường hiến máu 4 tháng một lần, nhưng trong hơn một năm nay, tôi đã không hiến máu thường xuyên mà chỉ hiến cho những trường hợp khẩn cấp", ông nói.

Ông rất vui khi hiến máu và giúp bất cứ ai cần đến. Ông đã nhận những cuộc gọi cấp cứu, đôi khi vào lúc gần nửa đêm.

Hòa thượng nói thêm rằng chùa cũng thực hiện những việc từ thiện như cung cấp thực phẩm và quần áo để phục vụ các nhu cầu cơ bản của người nghèo.

Năm nay chùa đã cấp phát miễn phí 10.000 hộp đồ chay ăn trưa.

(thestar.com.my – May 11, 2012)



Hòa thượng Saranankara (trái) đang hiến máu vào ngày lễ Phật Đản - Photo: Majorie Chiew

THÁI LAN: Chùa Hồ tại Kanchanaburi

Chùa Hồ tại Kanchanaburi là khu bảo tồn hổ do các tu sĩ Phật giáo điều hành.

Những con hổ tại đây ngoan ngoãn đi lang thang quanh khuôn viên chùa một cách tự do. Du khách có thể ôm và nô đùa với chúng như với một con mèo nhà nặng 500 pound.

Những tấm ảnh chụp từ khu bảo tồn cho thấy du khách vuốt ve và chụp ảnh với các con mèo lớn này, trong khi các nhà sư cảnh giác đứng cạnh đó.

Theo trang web của khu bảo tồn, có gần 90 con hổ sống tại chùa Hồ Thái Lan. Các nhà sư và một đội tình nguyện viên huấn luyện và chăm sóc những con vật này. Nhà chùa nói rằng đàn hổ rất điềm tĩnh vì từ nhỏ chúng đã được chư tăng nuôi dưỡng bằng tay, và chúng không còn xem con người như là một mối đe dọa nữa.

Chùa Hồ Thái Lan thu hút đến 600 khách tham quan mỗi ngày, với phí vào khu bảo tồn khoảng 30 đô la. Nhưng du khách cũng có thể trả tiền để cho hổ ăn hoặc tắm hổ, hoặc tham gia vào các buổi tập thể dục thường lệ của chúng vào buổi sáng hoặc chiều tối.

(NYDailyNews.com – May 12)



Du khách và hổ tại Chùa Hồ Thái Lan - Photo: RHEANA MURRAY

TÍCH LAN: Tổng thống Tích Lan khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo Thế giới và Phước Lễ

Colombo, Tích Lan - Tổng thống Tích Lan Mahinda Rajapaksa là khách mời chính tại Hội nghị Thượng đỉnh Phật giáo Thế giới do Hội Đồng Phật giáo Thế giới tổ chức, khai mạc vào ngày 8-5-2012 tại nhà hát Nelum Pokuna Mahinda Rajapaksa ở thủ đô Colombo.



Một Phước Lễ vì nền hòa bình và sự cùng tồn tại của thế giới cũng được cử hành, kết hợp với việc hoàn thành năm thứ 2.600 Đức Phật Thành đạo.



Gần 500 tăng sĩ nước ngoài từ 29 nước, bao gồm người đứng đầu Hội đồng Tăng đoàn Thế giới là Hòa thượng Trưởng lão Layavu Chunik và chư tăng từ Trung quốc, Hàn quốc, Nhật Bản, Indonesia, Thái Lan, Ấn Độ cũng như Anh quốc và Hoa Kỳ, và khoảng 800 tăng sĩ trong nước đã tham dự sự kiện này. Chư tăng tụng kinh theo các truyền thống Nguyên thủy, Đại thừa, Kim cương thừa và Hàn quốc và cầu phước cho hòa bình thế giới.



Tổng thống cũng trao các giải thưởng cho một số tăng sĩ đã cống

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

hiển cho việc truyền bá Phật giáo trên thế giới.

Ngoài ra còn có phần trình diễn của một chương trình văn hóa, miêu tả những sự kiện quan trọng của Phật giáo.



Photos: Colombo Page News Desk (Tipitaka Network – May 13, 2012)

TÍCH LAN: Trung tâm Văn hóa Phật giáo mở nhà hàng đồ chay

Colombo, Tích Lan - Trung tâm Văn hóa Phật giáo sẽ mở Nhà hàng Chay tại cơ sở ở Colombo để phổ biến tầm quan trọng của việc dùng đồ chay. Trưởng lão tăng Kirama Wimalajothi, Giám đốc Trung tâm Văn hóa Phật giáo nói rằng Nhà hàng Chay này sẽ mở cửa trước ngày Poya trăng tròn sắp đến.

Tích Lan có nhiều công thức nấu ăn của thực phẩm bản địa. Theo chương trình này, người dân sẽ có cơ hội thưởng thức những bữa ăn chay mà không gặp phiền toái gì.

Vị Trưởng lão tăng nói hiện nay người phương Tây cũng đang chuyển sang chế độ ăn chay. Sự ảnh hưởng này sẽ là một cơ hội tốt để khách du lịch thưởng thức thực phẩm của Tích Lan.

(dailynews.lk – May 15, 2012)

ẤN ĐỘ: Phát hành CD 'Buddham Saranam' (Qui y Phật)

Hyderabad, Andra Pradesh – Tại Nhà hát Quốc gia Ravindra Bharathi vào ngày 16 -5-2012, nhân dịp phát hành CD có tựa đề 'Buddham Saranam', đông đảo cử tọa đã nguyện phần đầu để biến giấc mơ về

một xã hội không giai cấp thành hiện thực.

Những người có mặt tại đó đã tập trung cao độ khi họ lập lại những lời tuyên thệ hướng đến cam kết phần đầu để tạo nên một xã hội không giai cấp theo tinh thần Phật giáo chân chính.

Trong CD 'Buddham Saranam' có 7 ca khúc do Ravi Kalyan phổ nhạc từ thơ của Jayaraj và Shakti. Các ca khúc này do Suresh và Sunita trình bày. Đây cũng là sự đánh dấu cam kết cống hiến bản thân họ lần nữa cho việc tuyên truyền những lý tưởng mở đường cho một xã hội ít giai cấp hơn.

(EOM – May 16, 2012)

THÁI LAN: Hội nghị thượng đỉnh toàn cầu kỷ niệm Đức Phật Thành đạo

Bangkok, Thái Lan - Từ 21 đến 25-5-2012, trên 600 đại biểu từ 99 nước sẽ dự một Hội nghị Phật giáo, như một phần của các hoạt động kỷ niệm năm 2.600 Đức Phật Thành đạo.

Hội nghị do Hội Đạo hữu Phật tử Thế giới (WFB) có trụ sở tại Bangkok tổ chức, với các hoạt động bao gồm cúng dường chư tăng, hội thảo học thuật và biểu diễn nghệ thuật theo chủ đề Phật giáo.

Vào ngày 22-5-2012, tất cả đại biểu sẽ được Hoàng hậu Thái Lan tiếp kiến tại chánh điện Chùa Phật Ngọc của Đại Cung điện.

Chính phủ cũng sẽ tổ chức những hoạt động tương tự trên

toàn quốc để kỷ niệm năm Phật giáo đặc biệt này từ ngày 29-5 đến 4-6-2012.

(Bangkok Post – May 19, 2012)



Cờ của các nước có đại biểu tham dự hội nghị được cắm dọc theo tường của Chùa Phra Chetuphon Wimon Mangkhalaramto - Photo: APICHART JINAKUL

TRUNG QUỐC: Dự án bảo vệ tượng Phật Mạnh Sơn

Thái Nguyên, Sơn Tây – Một dự án 11,1 triệu USD để giúp chống đỡ pho tượng Phật Mạnh Sơn sẽ bắt đầu vào trước cuối tháng 6-2012.

Nằm cách thủ phủ Thái Nguyên của tỉnh Sơn Tây hơn 20 km về phía tây nam, tượng Phật 1.461 năm tuổi, cao 63 mét này được khắc trên một vách đá trên núi Mạnh Sơn vào năm 551 trong thời Nam - Bắc Triều.

Dự án sẽ tăng thêm cây xanh và loại bỏ các nguy cơ tiềm



Tượng Phật Mạnh Sơn tại Sơn Tây, Trung quốc - Photo: Xinhua

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

ấn về địa chất trong khu danh thắng Mạnh Sơn, và cũng sẽ cải thiện điều kiện sống cho cư dân địa phương và giúp phát triển du lịch.

Công việc sẽ tập trung củng cố các mỏ xung quanh tượng Phật Mạnh Sơn, vốn từng bị nguy cơ sụp đổ và đã được sửa chữa vào năm 2008.

(Big News Network – May 20, 2012)

ANH QUỐC: Đức Đạt lai Lạt ma nhận giải thưởng Templeton

TIN ẢNH: Vị lãnh đạo Phật giáo Tây Tạng lưu vong nhận giải Templeton về 'sự khẳng định khía cạnh tâm linh của cuộc sống' tại một buổi lễ ở Nhà thờ St. Paul, Luân Đôn.

1 - Các nhà sư tụng kinh trước khi Đức Đạt lai Lạt ma đến Nhà thờ St. Paul



2 - Ông Richard Moore, giám đốc tổ chức từ thiện 'Trẻ em trong Lưới đạn,' chào đón Đức Đạt lai Lạt ma, người bảo trợ tổ chức này.



3 - Đức Đạt lai Lạt ma chào các nhà báo tại cuộc họp báo trước khi ngài nhận giải Templeton



4 - Đức Cha Micheal Colclough (trái), tu sĩ thành viên tại Nhà thờ St. Paul, và Tiến sĩ John Templeton (giữa) lắng nghe Đức Đạt lai Lạt ma phát biểu trong cuộc họp báo



5 - Đức Đạt lai Lạt ma được trao giải thưởng Templeton về việc khuyến khích nghiên cứu khoa học và sự hòa hợp giữa các tôn giáo, và tôn vinh những ai 'khẳng định khía cạnh tâm linh của cuộc sống' Giải thưởng Templeton là một giải thưởng quốc tế trị giá 1,1 triệu bảng, do Quỹ John Templeton tặng. Đức Đạt lai Lạt ma nói ngài sẽ tặng số tiền này để làm từ thiện



7 - Đức Đạt lai Lạt ma rời buổi lễ với Đức Cha Micheal Colclough và Giám mục Richard Chartres của Luân Đôn .



Ngoài Mẹ Teresa, Đức Đạt lai Lạt ma là người duy nhất được trao giải Templeton lẫn giải Nobel (News & Photos: The Guardian – May 15, 2012)

NGUYỆN LỰC CỦA MỘT VỊ BỒ TÁT

Tỷ kheo Thích Trí Quang

LTS: Hàng năm đến mùa An cư kiết hạ, các chùa thường có tổ chức lễ tưởng niệm Bồ tát Thích Quảng Đức. Công hạnh và nguyện lực của Ngài thật không thể nghĩ bàn. Nhưng viết ít mà đầy đủ như trích đoạn sau đây của Tôn giả thượng TRÍ hạ QUANG, thì chưa thấy ai làm được. Ở đây, người đọc sẽ tìm thấy ý nghĩa của việc thiêu thân cúng dường cũng như các điển tiền quan trọng, trước và sau khi tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức. Tựa đề do Chánh Pháp tạm đặt, trích từ "Tiểu truyện tự ghi" của tác giả.

"Thân người khó được", đó là lời dạy toàn bộ Phật giáo. Chỉ trong Phật giáo đại thừa mới nói đến sự tự thiêu. Nói ít nhưng trang trọng là Pháp Hoa. Đặc biệt Bồ tát giới Phạm Võng cấm đi và ở những nơi nguy hiểm, tai nạn, nhưng cũng nói đến sự tự thiêu. Cả hai xuất xứ trên đây đều nói tự thiêu là khổ hạnh. Khổ hạnh này xuất từ ý thức và tâm nguyện có hai đặc thái: xót xa Phật pháp điều đúng và xót thương quần chúng đau khổ. Khổ hạnh tự thiêu tuyệt đối phải là không phải tự sát. Khổ hạnh tự thiêu cũng không phải chỉ tự đốt thân thể, mà phụ thuộc việc này còn có những sự tự đốt một phần thân thể. Sự tự đốt một phần thân thể là vì muốn tự thử nghiệm nội lực, thử chịu khổ hạnh.

Phía người ngoài thì không ai được yêu cầu hay khuyến khích sự tự thiêu, được chăng chỉ có sự không trở ngại mà thôi. Chỉ có vị thầy truyền thọ Bồ tát giới mới có thể có lúc nói đến sự tự thiêu một phần thân thể để xét nghiệm người xin thọ Bồ tát giới có thể hay không thể có cái chí nguyện dũng mãnh. Không thể có thì vị thầy phải đào luyện cho họ có thể có cái chí nguyện ấy mới truyền thọ Bồ tát giới. Tự thiêu một phần hay toàn thân thể, như vậy, là xuất từ nguyện lực, một trong những sức mạnh mà Phật giáo nói đến...

Nay nói về ngài Quảng Đức.

Chính trong những ngày quyết liệt nhất mà tôi nhận được thư của Ngài. Thư viết trên miếng giấy nhỏ, dĩ nhiên để dễ mang đi cho kín đáo. Thư do một ký giả người Việt làm cho một hãng thông tấn ngoại quốc cần trọng đưa tận tay tôi. Thư viết chữ nghiêm trang. Rằng đạo pháp trong cơn nguy khốn mà tôi tuổi già sức mọn, không làm gì được. Nên tôi xin học đức Dược Vương, nguyện thiêu thân mình để cầu cho đạo pháp trường tồn. Ngưỡng mong liệt vị trưởng thượng tôn túc từ bi hứa khả, và quyết định cho lúc nào thực hiện.

Xét đây là việc trọng đại nên tôi không dám quyết định. Một cuộc họp được mở ra khẩn cấp, với sự hiện diện của ngài Hội chủ, các Thầy Trí Thủ, Thiện Siêu, Thiện Minh và tôi.

Ai cũng xúc động nhưng không quyết định gì, chỉ giao cho tôi xét kỹ nên chấp nhận ý nguyện của Ngài hay không, chấp nhận thì nên thực hiện vào lúc nào, dĩ nhiên là ở Sài gòn. Được giao như vậy, nhưng tôi trang trọng cất giữ trong người bức thư của Ngài mà chưa quyết định gì, kể cả việc phúc đáp cho Ngài. Thế rồi trong lúc Từ Đàm bị bao vây dữ dẫn thì tin ngài tự thiêu được ông Đăng mật báo liền cho tôi. Liền hôm sau ông Diệm mời Phật giáo thương thuyết. Sự tự thiêu của Ngài như vậy là cái mốc của giai đoạn mới trong cuộc Vận động 1963.

Trước đây tôi không quen biết với Ngài, chỉ gặp một lần khi Ngài trụ trì chùa Phước Hòa, biết Ngài chuyên tâm trì tụng và lễ bái Kinh Pháp Hoa. Giai đoạn trước khi Ngài tự thiêu tôi cũng chỉ biết mỗi một bức thư nói trên. Sau này mới biết, trước khi tự thiêu, Ngài chuẩn bị một cách chân thành, bình dị và kín đáo. Vẫn trì tụng lễ bái Pháp Hoa hằng ngày. Vẫn sinh hoạt bình thường. Tế nhị lắm mới thấy Ngài có vẻ như người sắp đi xa. Quan trọng nhất là di chúc của Ngài. Một vị tân tỷ kheo gần Ngài mà đến hôm Ngài sắp tự thiêu mới biết được





HÒA THƯỢNG THÍCH QUẢNG ĐỨC VỊ PHÁP THIÊU THÂN TẠI SÀI GÒN NGÀY 11-6-1963
Most Venerable Thích Quảng Đức, who made a self-cremation for the Dharma cause on June 11th, 1963 in Sài Gòn City

ý nguyện và bản di chúc ấy.

Bản di chúc ấy bình dị, chân thành, quan trọng nhất là ý thức chứa đựng bên trong. Chính ý thức này chứa đựng tâm nguyện Bồ tát của Ngài. Không oán trách đến cả ông Diệm, ngài chỉ nói tự đốt thân mình để cầu cho ông sáng suốt... Ngoài di chúc, Ngài còn một tấm ảnh và một quả tim. Về tấm ảnh, một ký giả chụp được lúc ngọn lửa bùng lên gần khắp người Ngài rồi, còn lại chỉ có một bên vai, gần một nửa trên đầu, trán cũng đã có lửa, chỉ mặt còn nguyên. Chính trong lúc như vậy mà nét mặt Ngài hoàn toàn bình thản, siêu thoát, không một nét nhăn hay một chút rúng sức. Bức ảnh này được giải thưởng quốc tế. Lại nghe nói lửa bùng lên hoàn toàn mà Ngài vẫn an tọa. Cho đến lửa tắt, một tấm hình khác cho thấy Ngài ngồi như pho tượng đồng đen. Sau đó một lúc Ngài mới gật đầu xuống như thể cúi chào tăng ni Phật tử, rồi nhẹ nhàng bật ngựa người ra. Ngài tự thiêu mấy hôm rồi tôi mới vào Sài Gòn. Tình trạng khi Ngài tự thiêu, nghe nói cực kỳ bi tráng, cho đến nay vẫn là không tiền khoáng hậu.

Về đám tang của Ngài, tôi sẽ nói đến trong chương 30. Nay hãy nói đến sự kiện quan trọng nhất là quả tim của Ngài, "quả tim Quảng Đức". Việc hỏa thiêu nhục thân của Ngài là do thầy Thiện Hòa chủ trì. Thiêu rồi lấy ra, trong đồng tro tàn còn một khối thịt mà vị trí cho biết đó là quả tim. Thầy Thiện Hòa cho vào lò thiêu lại cũng vẫn không cháy. Lại thiêu nữa nhưng xăng hết. Bây giờ rất đông ký giả hiện diện. Họ chạy kiếm xăng

giúp. Bấy giờ chỉ họ mới đi lại được dễ dàng. Họ kiếm được mấy can xăng super, đem thiêu kỹ, nhưng lấy ra vẫn không cháy. Việc này làm cho tôi tin, xưa, ngài La Thập sau khi hỏa thiêu cái lưỡi vẫn còn. Nhưng ở đây mọi thắc mắc dị nghị hoàn toàn không có được nữa. Vì đây là việc mà trên dưới 50 ký giả, đa số là ký giả quốc tế, không những cũng chứng kiến mà còn dự vào.

Về quả tim này tôi vẫn nói đến vào gần cuối bản tự ghi này. Ở đây chỉ nói khi hỏa thiêu ngài rồi, tôi thảo để ngài Hội chủ ký một thông bạch. Cuối thông bạch ấy tôi viết «*cầu nguyện vị nhục thân Bồ tát gia hộ cho cuộc vận động của Phật giáo được thành tựu*». Và niệem «*Nam mô đại hùng đại lực Quảng Đức bồ tát*»; Hồng danh Bồ tát Quảng Đức khởi đầu từ đó. Hồng danh ấy, và Bồ tát Quảng Đức, cho đến nay chính những người duy vật cũng không thể không công nhận. Một trong những sự bất diệt của cuộc vận động 1963 là sản xuất một vị Bồ tát.

Sự tự thiêu của Bồ tát Quảng Đức ngay khi mới xảy ra đã làm cho ông Diệm rụng rời. Rồi mấy giờ sau, cả thế giới, nhất là ở Mỹ, ngọn lửa tự thiêu của Ngài rực lên trên máy truyền hình, đốt cháy tan tành hình ảnh ông Diệm và chế độ của ông. Ngọn lửa Quảng Đức chung đúc và làm sáng lên cái thị thể cao độ mà ông Diệm không còn giữ được gì về thái độ và chính sách của ông.

Dân tộc Việt Nam có lắm vĩ nhân. Nhưng Bồ tát Quảng Đức là vĩ nhân mà siêu nhân.

AN CƯ

HT. Thích Trí Thủ

LTS: Bài này trích từ Yết Ma Yếu Chỉ - KARMAVACANĀBINDUSĀRA (chương Sáu, An Cư và Tụ Tử, tiết 1) của cố Đại lão Hòa thượng Thích Trí Thủ. Tác phẩm Yết Ma Yếu Chỉ sưu tập tất cả những gì do Đại lão Hòa thượng giảng dạy về Giới - Luật cho Tăng Ni tại khắp các Phật học viện, Tu viện trong nhiều năm; sau đó được biên tập bởi Trưởng lão Hòa thượng Thích Đồng Minh và Thượng Tọa Thích Nguyên Chứng. Nhân mùa an cư kiết hạ, Chánh Pháp trích đăng trong hai kỳ báo liên tiếp để chư tôn đức Tăng Ni và Phật tử tham khảo. Tiết 1 về An Cư gồm 4 tiểu mục. Chúng tôi xin trích đăng 2 mục đầu: 1. Duyên khởi và Ý nghĩa, 2. Hạn kỳ An cư. Mỗi kỳ báo sẽ đăng một mục.

1. DUYÊN KHỞI VÀ Ý NGHĨA

Theo luật Tứ phần[1] duyên khởi để đức Phật qui định mùa an cư của chúng tỳ-kheo xảy ra khi Ngài đang trú tại Xá-vệ, trong vườn của ông Cấp Cô Độc. Nguyên do của việc chế định này là bởi vì sự than phiền của các cư sĩ đối với nhóm sáu tỳ-kheo. Nhóm sáu tỳ-kheo này thường du hành trong dân gian bất cứ vào mùa nào. Khi mùa mưa đến, họ dẫm đạp chết vô số côn trùng. Các cư sĩ than phiền rằng những tu sĩ ngoại đạo hằng năm vẫn có ba tháng cố định tại một chỗ; ngay đến các loài cầm thú vẫn còn có mùa trú ẩn của chúng; huống chi những người Sa-môn họ Thích lại không biết nghỉ chân vào mùa mưa, trái lại du hành bất cứ mùa nào. Đức Phật hay biết sự này, và Ngài đã khiển trách nhóm tỳ-kheo sáu người ấy.

Ở đây, chúng ta có thể rút ra hai nhận xét. Thứ nhất sự than phiền của các cư sĩ chứng tỏ rằng an cư mùa mưa đã trở thành tục lệ chung cho mọi tu sĩ của các giáo phái tôn giáo thời bấy giờ. Các tỳ-kheo do bởi không chấp hành tục lệ này nên bị các cư sĩ chỉ trích. Thứ hai sự khiển trách của đức Phật chứng tỏ rằng mặc dù trước đó Ngài chưa qui định việc an cư mùa mưa,[2] nhưng các Thánh Tăng hay các tỳ-kheo sống tri túc và trì luật nghiêm chỉnh đều không đi lang thang trong các mùa mưa. Như vậy, sự ấn định ba tháng an cư mùa mưa của Phật là hợp pháp hóa một thông lệ hay một tập tục đã được chấp hành một cách tự nhiên giữa các tỳ-kheo nói riêng, và cũng chung cho mọi tu sĩ của các giáo phái ngoại đạo Phật đương thời.

Tuy nhiên, xét theo thực tế hành trì của giáo

đoàn Tăng lữ về việc an cư mùa mưa, thì sự an cư này không chỉ giới hạn bởi sự việc lại gây tổn hại cho các sâu bọ và các thứ cây cỏ sinh trưởng nhiều trong mùa mưa. Tham khảo thêm trong các kinh điển, chúng ta sẽ thấy việc an cư còn có những mục đích khác hơn thế nữa.

Trước hết, một đoạn ngắn trong kinh Điển tôn [3] có ghi sự kiện như vậy. Đức Phật kể lại một câu chuyện quá khứ. Trong một tiền kiếp xa xưa, lúc đức Thích Tôn còn hành Bồ-tát đạo. Bấy giờ Ngài thọ sanh làm vị đại thần có tên là Điển Tôn. Vị đại thần này được mọi người tôn kính, cho rằng là đã từng thấy Phạm thiên. Nhưng thực tế thì Điển Tôn chưa từng thấy Phạm thiên. Điển Tôn tự suy nghĩ rằng, theo truyền thuyết các bậc tôn túc nói lại, nếu ai tu tập bốn vô lượng tâm trong suốt bốn tháng mùa mưa sẽ được hội kiến với Phạm thiên. Do vậy, đại thần Điển Tôn xin phép nhà vua được nghỉ ngơi để có thể tu tập bốn vô lượng tâm trong suốt bốn tháng mùa mưa. Sau bốn tháng, quả nhiên Điển Tôn được hội kiến với Thường Đồng Hình Phạm Thiên, và được phạm thiên đích thân giảng giải đạo lý cho.

Câu chuyện kể như vậy chứng tỏ việc an cư cố định tại một chỗ để tu tập vào mùa mưa là một quan niệm đã có từ xưa, trước thời đức Thích Tôn rất lâu xa. Cho nên, việc an cư, hạn chế sự đi lại trong mùa mưa, không chỉ vì tránh dẫm đạp côn trùng và cây cỏ, mà mùa mưa còn được quan niệm từ xa xưa là thời gian thích hợp nhất cho sự tu tập để có những tiến bộ tâm linh đáng kể. Chính do điều này mà kinh *Chánh pháp niệm xứ* nói rằng vào thời kỳ an cư mùa mưa các tỳ-kheo ngoại trừ các việc đi đại và tiểu tiện, còn lại phải thường xuyên ngồi kiết già tại một chỗ để tu tập thiền định.[4]

Ngoài ra, sự an cư mùa mưa còn có một ý nghĩa quan trọng khác nữa. Đó là biểu hiện cho tinh thần sống chung hòa hợp của cộng đồng Tăng lữ tại một trú xứ. Điều này được thấy rõ trong luật Tứ phần.[5] Lúc bấy giờ đức Thích Tôn trú tại Xá-vệ, trong vườn Cấp Cô Độc. Sau ba tháng an cư mùa mưa, một số đông các tỳ-kheo ở Câu-tát-la đến hầu thăm Ngài. Đức Thế Tôn theo thông lệ hỏi thăm đời sống của họ như thế nào trong ba tháng an cư. Họ trình bày với Ngài sinh hoạt thường nhật của họ. Theo đó, các tỳ-kheo này giao ước với nhau trong suốt mùa an cư rằng không ai nói chuyện với ai bất cứ điều gì. Nếu có những việc cần thiết mà người này cần đến sự giúp đỡ của người khác thì chỉ được phép ra dấu chứ không được phép nói. Sinh hoạt này cũng thường xảy ra giữa các nhóm tỳ-kheo và được biết nhiều nhất là nhóm ba tỳ-kheo dòng họ Thích gồm tôn giả A-na-luật, tôn giả Nan-đê và tôn giả Kim-tỳ-la.[6] Các tỳ-kheo khi thì ở Bát-na-nạn-xà khi thì ở Sa kê đế, và luôn luôn được Phật khen ngợi. Nhưng trong trường hợp các tỳ-kheo ở Câu-tát-la này, thay vì được khen ngợi, đã bị đức Thế Tôn khiển trách. Ngài nói các tỳ-kheo này là những người ngu si, sống chung như vậy là khổ nhưng lại tưởng là an lạc; chẳng khác nào những kẻ thù cùng sống trong một trú xứ.[7] Nhiệm vụ các tỳ-kheo sống chung là phải giáo giới lẫn nhau, chỉ điểm và sách tấn nhau, chứ



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

không thể sống như những người cảm với nhau. Cùng một lẽ đời sinh hoạt, nhưng có trường hợp Phật khen ngợi, lại có trường hợp bị Ngài khiển trách, ấy là thế nào? Đức Phật luôn luôn ca ngợi đời sống trầm

lặng của các tỳ-kheo, sống xa lánh những nơi ồn ào náo nhiệt. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa rằng một tỳ-kheo nên sống tách biệt ngoài cộng đồng Tăng lữ. Sống chung và hòa hợp trong cuộc sống thánh thiện cao cả, giáo giới và sách tấn lẫn nhau, đó là sinh mệnh của Tăng đoàn. Đời sống của một tỳ-kheo là sống không gia đình, không cố định vĩnh viễn tại một trú xứ nào, nhưng các tỳ-kheo được nối kết nhau thành một cộng đồng thống nhất bằng giới bổn mà họ phải cùng nhau hòa hiệp để tụng đọc trong mỗi nửa tháng. Và sự hòa hiệp ấy được củng cố bằng ba tháng an cư vào mùa mưa.

Như vậy, an cư mùa mưa không phải đơn giản chỉ có nghĩa là hạn chế sự đi lại của các tỳ-kheo để tránh làm tổn thương các sinh vật bé nhỏ và các thứ cây cỏ non.

Trong lịch sử phát triển của đạo Phật, sinh hoạt an cư kiết hạ là một nhân tố tích cực để các đệ tử tại gia có điều kiện thuận tiện tham gia vào sự nghiệp củng cố và phát triển giáo đoàn Tăng lữ. Tăng đoàn thanh tịnh và hòa hiệp là tiêu biểu của sức sống cụ thể của giáo pháp mà đức Thích Tôn đã từng giảng dạy. Đó cũng là nơi nương tựa tinh thần vững chắc, và là niềm tin chân chính cho những người tại gia sống giữa cuộc đời hỗn tạp, đầy những hận thù và tranh chấp.

Một Phật tử tại gia, có niềm tin thuần tịnh trong sáng đối với Phật, Pháp, Tăng và Thánh giới, luôn luôn được ghi nhận với bốn đức tính: thân cận thiện sĩ, học hỏi chánh pháp, suy nghĩ sâu sắc những điều đã học hỏi, và hành trì những điều đã được chiêm nghiệm.[8] Trong bốn đức tính ấy, đức tính thứ nhất, thân cận thiện sĩ, tức gần gũi các bậc thiện tri thức, những bậc đạo cao đức trọng. Mỗi năm, vào mùa mưa, khi các tỳ-kheo tạm thời dừng chân tại một trú xứ, thì đây là thời gian mà những người tại gia có điều kiện thích hợp nhất để thường xuyên gần gũi các bậc thiện sĩ, học hỏi chánh pháp. Do thế, họ có thể phát huy các đức tính đặc trưng của một Phật tử tại gia có niềm tin thuần tịnh đối với chánh pháp.

Trong thời gian đức Thích Tôn còn tại thế, các Phật tử tại gia hoặc tự lực cá nhân nếu có đủ điều kiện, hoặc những người thân thuộc nhau, hoặc những người cùng sống trong một làng, một thành

phố, hợp tác nhau thỉnh các tỳ-kheo về tại trú xứ của mình an cư kiết hạ, và hỗ trợ các tỳ-kheo các nhu cầu cần thiết để các ngài có điều kiện thuận tiện cho sự tu tập suốt trong ba tháng mùa mưa. Các truyền ký của Phật giáo thuộc các nền văn học bản sanh và bản duyên thường ghi nhận có nhiều tỳ-kheo đã chứng đắc quả A-la-hán trong thời gian an cư này, nhờ sự hỗ trợ của các cư sĩ về các nhu cầu hằng ngày.

Một cộng đồng thanh tịnh và hòa hiệp, cùng học và cùng tu như sữa với nước vậy, quả là niềm tin và hy vọng cho con người sống giữa cảnh đời náo nhiệt; và nó chứng tỏ rằng Chánh pháp mà đức Thích Tôn đã giảng thuyết, nếu được thực hành một cách trọn vẹn, sẽ là cơ sở cho một thế giới an lành. Đây là điều mà vua Ba-tư-nặc đã bày tỏ với đức Thế Tôn về niềm tin của mình đối với chính pháp được Thế Tôn giảng dạy và chúng đệ tử thực hành trọn vẹn.[9]

Nói tóm lại, duyên khởi của sự an cư kiết hạ của chúng tỳ-kheo dù đơn giản được nói là do đức Thế Tôn tùy thuận theo ước muốn của các đệ tử tại gia, nhưng trong ý nghĩa sâu xa thì nó là sinh mạng tồn tại của Chánh pháp được duy trì bằng đời sống thanh tịnh và hòa hiệp của cộng đồng Tăng lữ. Chừng nào chúng tỳ-kheo còn nhiệt thành trong phận sự an cư ba tháng thì bấy giờ Chánh pháp vẫn còn là sức sống phong phú để loài người làm nơi qui ngưỡng và xây dựng một thế giới an lành.

(kính mời xem tiếp số tới: **2. HẠN KỲ AN CƯ**)

Chú thích:

- [1] *Tứ phần 37*, <An cư kiết hạ> (Đại 22, tr. 830b). Duyên khởi theo các bộ, đại thể giống nhau. Xem, *Ngũ phần 19*, Đại 22, tr. 129a; *Tăng kỳ 27*, tr.450c; *Thập tụng 24*, Đại 22, tr. 173b. Pali, *Mahāvagga* ii, Vin.iv. tr. 137.
- [2] Pali, AA. ii. 97: Phật bắt đầu quy định việc an cư vào năm thứ 20 sau ngày Thành đạo.
- [3] *Trường A hàm 5*, Đại 1, tr. 32b. Cf. D. 19. *Mahāvagga*.
- [4] Dẫn bởi *Tứ phần luật san phẩm bổ khuyết hành sự sao*, thượng 4 (Đại 40, tr. 58a).
- [5] *Tứ phần 37*, <Tự tứ kiết hạ>, Đại 22, tr. 835c.
- [6] *Trung A hàm 18* < Sa-kê-đế tam tộc tánh tử >, Đại 1, tr. 544b.
- [7] *Tăng kỳ 27*, tr. 451a6tt.
- [8] *Pháp uẩn túc luận 2*, Đại 26, tr. 438b: bốn Dự lưu chi. Cf. D. 33. *Saṅgīti: cattāri sotāpannassa aṅgāni*.
- [9] *Trung A hàm 59*, kinh <Pháp trang nghiêm>, Đại 1, tr. 795b. Cf. M.89. *Dhammacetiya*..

Bài kệ Lâm Tế

THĂNG HOAN, Pháp Tự là LONG HOAN là truyền thừa đời thứ 24 thuộc dòng LÂM THỂ CHÁNH TỔNG của hệ phái Tổ Sư BÍCH PHONG với bài kệ như sau mà sáng tác:

*Long chủng tâm nguyên tại
Huệ nhứt đạt dung thông
Thường trụ Như Lai tánh
Tùy thuận ứng hóa thân
Hàm linh năng đắc độ
Lý pháp diễn diệu ngôn
Giải minh phi nhị đạo
Tức liễu ngộ Chân Không.*

Dịch nghĩa:

*Mâm sống nguồn tâm vẫn ở đây
Mặt trời trí tuệ khắp soi đầy
Dung thông bản giác không rời tánh
Ứng hóa tùy cơ mọi tướng bày
Độ thoát hàm linh sanh tử kiếp
Triển khai Diệu Pháp hương chung quy
Con đường Bất Nhị phân rành lối
Lý thể Chân Không liễu ngộ ngay.*

THĂNG HOAN



PHÁP KHÍ và PHÁP PHỤC

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA

Đây là một danh từ rất phổ thông trong chốn thiền môn. Pháp khí là những đồ dùng trong chùa nhưng đúng với Phật pháp như chuông mõ, khánh, tang đầu, linh, chung cổ, v.v... Pháp phục là những y phục dành cho trong nhà chùa, cũng có thể cho hàng phật tử tại gia nhưng có thọ giới pháp của Phật. Có những cái đã có từ khi đức Phật còn tại thế như Y, Bát...; có những cái sau này chư tổ mới tùy duyên mà sáng chế ra tùy theo quốc độ, tùy theo phương tiện như tích trượng, chuông mõ, khánh, bồng, đại hồng chung...

Pháp khí có những cái liên quan đến cổ nhạc Phật giáo, nhưng có những cái dùng trong thường ngày.

Hầu hết những vị xuất gia hay tại gia tùy theo tông phái khi tụng kinh, bái sám, hành lễ đều ít nhiều có dùng đến những pháp khí nói trên. Và, cũng tùy theo buổi lễ để sử dụng cho đúng chỗ và đúng điệu của nó. Một bài tán hương cúng Phật được cử lên, ta đã thấy những cung điệu thật nhịp nhàng với nhau một cách tuyệt diệu. Bài tán là một bài thơ Phật pháp được phổ theo điệu nhạc thiền. Nếu bài thơ được phổ dồn dập lời nhạc thì được gọi là tán xấp, nếu phổ theo điệu nhạc lời thì được gọi là tán rơi. Và, khi ta đi vào bằng một tâm hồn thiền học thì ta thấy những âm ba ấy làm cho cõi lòng ta an nhiên tự tại và cảm thấy thanh thoát. Vì giá trị văn thơ và triết lý của bài thơ đã là cao sâu, nốt nhạc để diễn tả những văng thơ ấy lại càng thấm hương vị thiền rất là sâu sắc.

Viết về cổ nhạc Phật giáo, nhạc sĩ Nguyễn hữu Ba đã nói: "Trong âm nhạc giữa đời, chúng ta nghe có điệu như máu sôi, như lửa cháy, như quỷ khốc thần sầu, có khúc như say đắm dâm ô, như reo cười múa hát. Thật ra, âm nhạc tượng trưng cho cảnh vui buồn tương đối của trò đời giả dối vậy."

Trái lại, âm nhạc nhà Phật là phản ảnh của đời sống an lạc, đạm bạc, tâm hồn bình dị thanh khiết, của đạo mầu giải thoát khổ đau... Nội tâm thì bình tĩnh an vui, ngoại cảnh thì thanh thoát hồn nhiên, nên âm nhạc nhà Phật đã thấm nhuần tinh thần thoát tục siêu phàm, không vướng chút gì gọi là ưu sầu phiền lụy.

Ở đây có những nét nhạc lung linh như nển, uyển chuyển như khói trầm, nhẹ nhàng như hương sen, có những nét nhạc sáng sủa như vàng, huy hoàng như vàng son điện tháp, có những nét nhạc trầm hùng và tỏa rộng như chuông chiều, oai nghiêm như đại cổ..."

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Vậy thì, muốn dùng lễ nhạc Phật giáo đều cần những pháp khí như:

1.- Chuông:

Xuất xứ: Theo như trong kinh Tăng nhất A hàm có chép: Mỗi khi nghe tiếng chuông ngân lên, thì các hình phạt trong các ác đạo tạm thời dừng nghỉ, chúng sanh nào đang chịu những hình phạt ấy cũng được tạm thời an vui. Nghe được tiếng chuông là phiền não nhẹ vơi đi.

Trong chuyện Cảm Thông cũng có chép rằng:

"Ngày xưa khi đức Phật Câu lưu Tôn ở tại viện Tu đa La xứ Càng Trúc đã có tạo một quả chuông bằng đá xanh, thường vào lúc mặt trời vừa mọc khi tiếng chuông ấy vừa ngân lên thì trong ánh mặt trời ấy có các vị Hóa Phật hiện ra, diễn nói 12 bộ kinh, làm cho người nghe được chứng thánh quả không kể xiết".

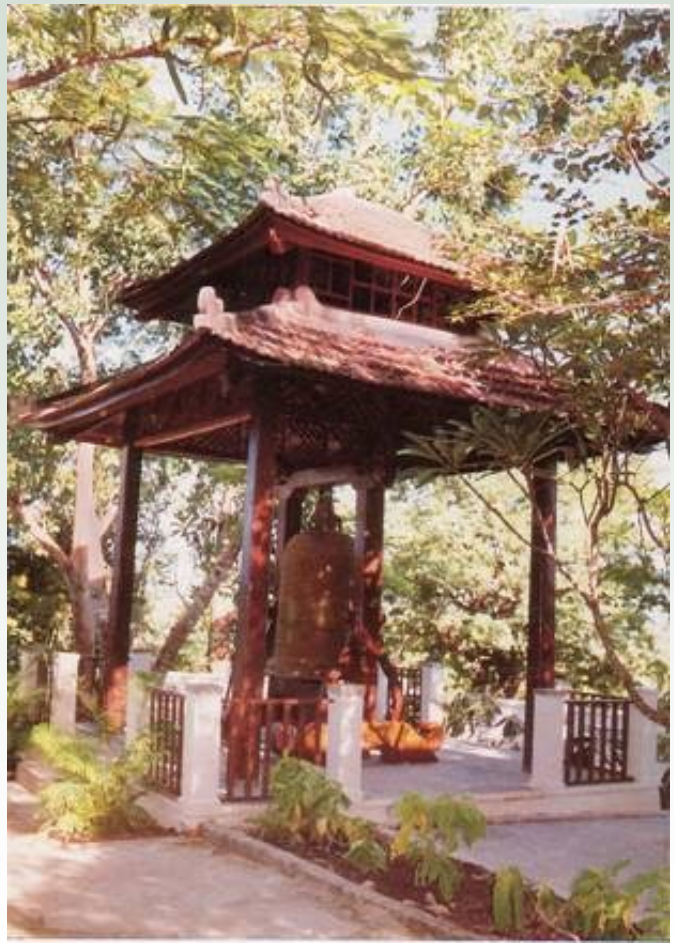
Trong bộ kinh Kim cang Chí cũng có chép: "Vua Hiếu Cao Hoàng đế đời nhà Đường, nhân vì nghe lời sàm tấu của Tống tề Khuu mà giết lầm kẻ tội trung tên là Hòa Châu, nên khi chết đọa vào địa ngục. Một hôm có một người bị bạo tử (chết thình lình) thần hồn đi lạc vào địa ngục ấy, thấy một tội nhân đang bị gông cùm, bị kèm kẹp đánh đập rất là khổ sở, hỏi ra thì mới biết là vua Hiếu Cao nhà Đường. Vua gọi vị bạo tử ấy vào mà nói rằng: Nhờ người trở lại dương thế nói giúp với hậu chúa ta rằng: Hãy vì ta mà đúc chuông cúng dường, và làm các việc từ thiện. Khi trở lại dương thế, người bạo tử liền đến yết kiến hậu chúa để chuyển lời nhắn nhủ của vua Hiếu Cao. Nghe vậy, hậu chúa liền thân hành đến chùa Thanh Lương phát nguyện đúc một quả chuông để cúng dường và cầu siêu cho Hiếu Cao Hoàng đế." (Tích này trong truyện Bá Trượng Thanh quy, trang 68 và 87). Đồng thời trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật cũng bảo ngài La hầu La đánh chuông để giảng cái lý thường cho Tôn giả A Nan nghe. Vì thế ta có thể hiểu rằng chuông đã có từ thời đức Phật còn tại thế.

Các loại chuông: Chuông lớn thường gọi là Đại hồng chung, chuông nhỏ gọi là Bảo chúng, chuông gia trì cũng có loại lớn, vừa và nhỏ...

a.- Đại hồng chung: Cũng có tên là chuông u minh (mờ mờ, mờ昧), thường được đánh vào lúc đầu hôm gần sáng.

Tiếng chuông đánh đầu hôm là nhắc nhở cho mọi người biết rằng cơn vô thường đến với chúng ta không hứa hẹn, rất ngắn ngủi, nhanh chóng. Đánh vào lúc ban sáng là nhắc nhở cho mọi người cố gắng tinh tiến tu hành để mau vượt thoát ra khỏi cảnh đau khổ, không vướng mắc cảnh tội lỗi và dễ dàng ra khỏi cảnh luân hồi sanh tử. Thông thường mỗi lần thỉnh chuông như thế là phải 108 tiếng với mục đích là khuyến tấn vạn loại hữu tình, mà đặc biệt là con người, cố gắng đoạn trừ 108 phiền não căn bản. Mỗi lần thỉnh chuông được đọc lên những câu kệ để chú nguyện theo tiếng chuông.

*Nguyện thử chung thanh siêu pháp giới,
Thiết vi u ám tất giai vãn,
Văn trần thanh tịnh chứng viên thông,*



Tháp chuông cũ chùa Hải Đức Nha Trang

Nhất thể chúng sanh thành chánh giác.

Nghĩa là:

*Nguyện tiếng chuông này vang khắp pháp giới,
Núi Thiết vi mờ昧 kia cũng đều được nghe,
Căn-cảnh thanh tịnh chứng được viên thông,
Hết thảy chúng sanh thành bậc chánh giác.*

Đồng thời, nguyện cho tất cả loài hữu tình lắng lòng nghe tiếng chuông, rồi duyên theo tiếng cũng bằng câu kệ :

*Văn chung thanh phiền não khinh,
Trí huệ trưởng, bồ đề sanh,
Ly địa ngục, xuất hỏa khanh,
Nguyện thành Phật độ chúng sanh
Án già ra để da tóa ha. (3 lần)*

Nghĩa là:

*Nghe được tiếng chuông, phiền não liền nhẹ,
Trí huệ thêm lớn, sanh tâm bồ đề,
Ra khỏi địa ngục, vượt thoát hầm lửa,
Nguyện được thành Phật, để độ chúng sanh,
Án già ra để da sa ha (3 lần)*

Tiếng chuông sớm hay tiếng chuông chiều không những chỉ để cảnh tỉnh cõi dương mà còn hướng dẫn cho cõi âm nữa. Vì thế mà thường gọi là chuông U minh.

b.- Bảo chúng: Cũng gọi là chuông Tăng đường, tức là chuông nhỏ, hình thái như đại hồng chung, được treo ở trai đường, dùng để báo tin trong lúc họp chư Tăng biết vào những lúc: Nhóm chúng, thọ trai, giờ chấp tác, giờ bái sám trong các tự viện.

c. Chuông gia trì: Loại chuông này dùng để

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

đánh lên trong lúc tụng kinh bái sám. Tiếng chuông gia trì được xử dụng trước khi tụng kinh hay báo hiệu sắp hết đoạn kinh đang tụng hay câu niệm Phật. Cũng thường dùng để đánh lên khi lạy Phật một mình. Còn khi có đông người thì để báo hiệu cùng lạy cho nhịp nhàng. Chuông nhỏ thường để cho hàng Phật tử tại gia bái sám nhiều hơn.

2.- Trống:

Xuất xứ: Trong kinh *Kim Quang Minh* có

chép: Một hôm người Tín trưởng Bồ tát nằm mộng thấy một cái trống bằng vàng. Trống ấy có chiếu ra hào quang sáng rực như mặt trời. Trong hào quang có rất nhiều đức Phật đang ngồi trên tòa sen lưu ly đặt dưới những gốc cây quý. Chung quanh các đức Phật đều có trăm nghìn ức vị đại đệ tử đang ngồi nghe pháp. Lúc ấy có một đạo sĩ Bà la Môn đang cầm dùi trống đánh mạnh vào chiếc trống vàng, tiếng trống vang rền nghe như lời kinh sám hối. Khi đã tỉnh mộng, ngài Tín trưởng Bồ tát liền đem những điều mà mình đã thấy nghe trình lên đức Thế tôn."

Trong kinh Lăng nghiêm cũng có chép: *Đức Phật dạy: "Này A nan, người hãy nghe tiếng trống mỗi khi dọn cơm xong, nghe tiếng chuông mỗi khi nhóm họp đại chúng trong tịnh xá Kỳ đà này. Tiếng trống hoặc tiếng chuông ấy trước sau nối tiếp nhau. Vậy, theo ý ông, mỗi khi ông nghe được các thứ tiếng ấy là vì nó tự bay đến bên tai ông, hay tai ông đến nơi chỗ phát tiếng ấy?"* (Đây là lúc đức Phật chỉ cái Tâm cho ngài A nan).

Trống có hai loại: Trống đại và trống tiểu.

a.- *Trống đại (lớn)*: Dùng để đánh vào những dịp lễ lớn. Trống lớn thường gọi là Trống Bát nhã. Đánh trống lớn có bài kệ của nó. Tiếng trống tượng trưng cho chánh pháp. Chúng sanh mỗi khi nghe tiếng trống chánh pháp ấy thì tội chướng được tiêu trừ và cũng nhờ đó mà được giải thoát vào cảnh giới an lạc. Vì khi nghe được tiếng trống Bát nhã, tùy loại chúng sanh mà thâm nhập tiếng trống và có thể nương vào tiếng trống mà cảm nhận được dung nhan của chư Phật. Tiếng trống Bát nhã đánh lên để cúng dường và cung thỉnh Phật đấng bảo tọa.

Cho nên có bài kệ như sau :

*Bát nhã hội, (ba lần)
Thỉnh Phật thượng đường,
Đại chúng đồng văn,
Bát nhã âm,
Phổ nguyện pháp giới,
Đẳng hữu tình,*

*Nhập Bát nhã,
Ba la Mật môn...
Nghĩa là:
Hội Bát nhã,
Thỉnh Phật thượng (giảng)
đường,
Đại chúng đều (được)
nghe:*

*Âm Bát nhã,
Vang khắp pháp giới,
Chúng hữu tình (vân vân),
(Đều nhập) lý Bát nhã,
Chúng (pháp môn) Ba la
mật.*

b.- *Trống tiểu*: Dùng để đánh mỗi khi tụng kinh nên cũng được gọi là trống kinh (tiếng bình dân gọi là trống cơm). Ngoài việc dùng để đánh lên để tụng kinh hằng ngày vào hai thời công phu khuya và chiều trong các tự viện, trống tiểu còn dùng để hòa âm trong cổ nhạc Phật giáo và cổ nhạc Việt nam. Trống tiểu thì khó đánh hơn trống lớn. Bài học để xử dụng cho trống tiểu rất nhiều, phức tạp và khó học. Có rất nhiều thể điệu khác nhau như là thể điệu thiên khi tụng kinh, thể điệu ai khi dùng vào đám táng... Nếu không học thì không thể xử dụng được.

3.- Mõ :

Xuất xứ : Trong bộ sách *Sắc tu Thanh quy Pháp khí* về chương *Mộc ngư* có chép rằng: Lời tương truyền: Loài cá luôn luôn thức không bao giờ ngủ và rất hoạt động. Vì vậy khi tạo loại pháp khí này thì mõ được chạm trở theo hình con cá với thâm ý là muốn thức tỉnh con người cũng như chúng hữu tình đang còn trong cơn mê muội, u trầm.

Trong sách *Chính ngôn* đời nhà Đường thì chép: Có một người bạch y đến hỏi một vị Trưởng lão ở Thiên trúc rằng: Tại sao các Tăng xá đều có treo mõ?

Vị Trưởng lão trả lời rằng:

- Vì để cảnh tỉnh chúng Tăng tại Tăng xá hay tự viện ấy.

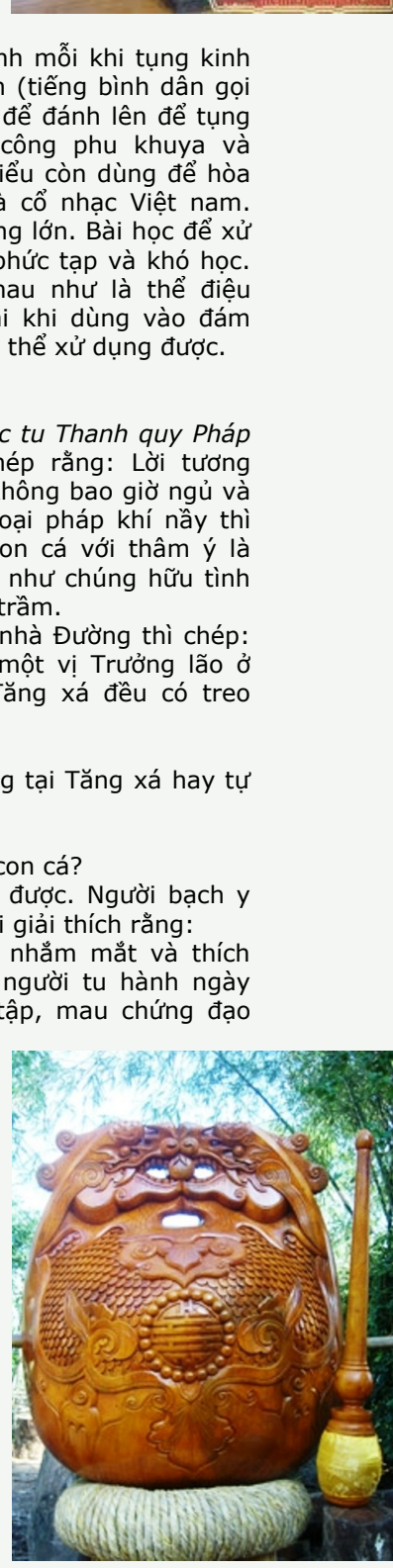
Người bạch y lại hỏi tiếp:

- Nhưng tại sao lại tạc hình con cá?

Vị Trưởng lão không trả lời được. Người bạch y lại hỏi ngài Hộ Biện và được ngài giải thích rằng:

- Cá là loài không bao giờ nhắm mắt và thích hoạt động. Cũng vì muốn cho người tu hành ngày đêm quên ngủ, gắng công tu tập, mau chứng đạo quả nên treo và đánh mõ và cái mõ được tạc hình con cá vậy."

Mõ có hai loại: Mõ có hình bầu dục và mõ có hình điệu. Tất cả đều được tạc theo hình



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

con cá.

- Mõ hình bầu dục dùng để tụng kinh, điều khiển buổi lễ khi đông người tụng được nhịp nhàng.

- Mõ hình điệu thì treo ở nhà trù dùng để báo hiệu khi thọ trai hay chấp tác. Ngoài ra, cũng có một loại mõ rất nhỏ dùng để chư Tăng đi kinh hành gọi là đi nhiễu Phật. Tiếng mõ vừa giữ cho buổi lễ được trang nghiêm lại vừa giữ cho tâm hồn khỏi tán loạn trong khi hành lễ. Bởi thế, người đánh mõ gọi là Duyệt chúng, tên này có nghĩa là làm đẹp lòng mọi người trong lúc cùng tụng kinh với nhau. Đánh mõ cũng phải học hẳn hoi, đúng điệu và đúng cú pháp của nó.

Ý Nghĩa Về Chuông Mõ :

a.- Trước tiên đánh ba tiếng (tiên khởi tam)

b.- Kế nhịp bảy (thứ lỗi thất)

c.- Tiếp đánh ba tiếng (tịnh đà tam)

d.- Giữa đánh mười (trung đà thập)

e.- Sau cùng dứt bốn (hậu diệt tứ)

*.- *Trước đánh ba tiếng*: Nghĩa là chúng sanh do ba nghiệp thân khẩu ý tạo tác mọi điều ác, sau sẽ đọa vào ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Nhưng cũng có nghĩa là cố trừ ba độc: tham, sân và si để vượt lên ba giải thoát để chứng đắc ba đức: Pháp thân, Bát nhã thân và Giải thoát thân. (Phần này sau này giảng lược đi nên không mấy ai biết đến. Chúng tôi viết ra đây cho đủ, vì là tài liệu).

*.- *Kế tiếp nhịp bảy tiếng*: Đây là tiêu biểu cho thất chi tội. Về thân thì có ba: Sát, đạo và dâm. Về khẩu thì có bốn: Vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt và ác khẩu. Sau khi đã đoạn trừ được bảy tội nêu trên liền chứng được thất giác chi: Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, trừ, xả, định và niệm.

*.- *Và đánh tiếp ba tiếng*: Là phát nguyện tu tam học tức là giới, định và tuệ để quyết chứng cho được ba thừa: Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát.

*.- *Giữa đánh mười tiếng*: Đó là tiêu trừ mười điều ác gồm thất chi tội cộng thêm của ý có ba là mười, từ đó chứng nhập mười thân gồm: Bồ đề thân, nguyện thân, hoá thân, lực thân, trang nghiêm thân, oai thế thân, ý sanh thân, phước thân, pháp thân và trí huệ thân. (Phần này, sau này giảng lược đi, không mấy ai dùng đến và cũng không mấy ai biết để ý đến. Chúng tôi viết ra đây là vì tài liệu nghiên cứu, phải làm cho đầy đủ mà thôi.).

*.- *Sau cùng dứt bốn tiếng*: Tức là để tiêu trừ bốn tướng: Sanh, lão, bệnh và tử để chuyển thành bốn trí:

+ Thành sở tác trí: Tiền ngũ thức (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt và thân),

+ Diệu quan sát trí: Đệ lục ý thức,

+ Bình đẳng tánh trí: Đệ thất Mạt na thức,

+ Đại viên cảnh trí: Đệ bát A lại da thức.

4.- Khánh và Bàng:

Xuất xứ: Bàng và Khánh là một trong những thứ pháp khí của nhà Phật. Hai loại này được thường dùng trong ngày ở các chùa, viện. Từ xưa đến nay đều dùng làm hiệu lệnh như báo tin giờ học, tụng

kinh, thọ trai, chấp tác của chư Tăng.

Trong sách *Tượng khí Tiêu*, quyển 18 có chép rằng: Ngài Vân Chương nói: Hình của Bàng giống như đám mây, nên người ta cũng gọi

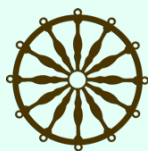
là Vân bàng. Còn theo lão Hòa thượng Tục sư có thuật chuyện vua Tống thái Tổ cho rằng: Tiếng trống hay làm giật mình người ngủ, nên thay vì dùng trống, Tống thái Tổ chế ra thiết khánh. Loại khánh này cũng được gọi là Vân bàng. Vì hình của nó cũng giống như hình cánh dơi trên bề lưng lẫn bề mặt có đám mây qua lại, loại này có nơi gọi là chinh (chiêng).

Cách chế tác và xử dụng: Theo ngài Vân Chương trong sách *Tượng khí Tiêu* thì hình của Bàng giống như đám mây và làm bằng đồng, thiết. Nhưng nay ở các tông lâm, tự viện thì dùng bằng gỗ và được chạm trở theo hình bán kính bát giác. Bề cao khoảng chừng bốn tấc tây, rộng chừng hai tấc tây. Bàng cũng được thay thế cho trống trong những trường hợp nói trên, đồng thời cũng dùng để phân phát đồ cúng dường hay phân xử việc của chúng Tăng... Bàng và Khánh trong luật được gọi là Kiên Chùy Thành. Cách dùng không khác nhau, chỉ khác nhau về hình tướng và vật liệu chế tác. Ngày xưa thiết và đồng còn khan hiếm nên chư tổ đã dùng bằng đá cẩm thạch. Tiếng kêu cũng tương tự như khánh đồng, nhưng nhỏ tiếng hơn. Ngày nay các tông lâm lại ít dùng Khánh mà dùng Bàng nhiều hơn.

Điều Ngự Tử TÍN NGHĨA

(còn tiếp một kỳ, nói về Pháp Phục và các pháp cụ tùy thân của tăng sĩ)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America—Bat Nha Buddhist Temple
803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704
Tel: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

THƯ CUNG THỈNH
THAM DỰ ĐẠO TRÀNG AN CƯ KIẾT HẠ NĂM 2012

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính Bạch Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni!

Thông lệ hàng năm, GHPGVNTNKH đều cố gắng tổ chức khóa AN CƯ KIẾT HẠ, cung thỉnh Chư Tôn Đức Tăng Ni câu hội để, trước tiên là tuân giữ truyền thống của Tăng đoàn từ thời Phật còn tại thế, thứ nữa là tạo điều kiện để Tăng Ni có cơ duyên gặp gỡ, học hỏi và trao đổi những kiến thức, kinh nghiệm hoằng Pháp nơi xứ người.

Tại Đạo tràng AN CƯ KIẾT HẠ của Giáo Hội tổ chức tại Phật Học Viện Quốc Tế năm vừa rồi, dưới sự chứng minh của Chư Tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, chúng con đã phát nguyện và tác bạch lên Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni cho phép Chùa Bát Nhã chúng con được đảm nhiệm tổ chức khóa AN CƯ KIẾT HẠ năm nay vì một nhân duyên đặc biệt:

Năm nay, Chùa Bát Nhã chúng con sẽ khởi công xây dựng ngôi Chùa mới để đáp ứng nhu cầu tu học ngày một đông của Tăng Ni và tín đồ Phật tử. Đại nguyện này có được thành tựu, trước tiên là nhờ ở nơi công đức tu tập, sự gia tâm chú nguyện, hồi hướng của Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni.

Trong niềm tin tưởng thiêng liêng và tuyệt đối đó, nên dù điều kiện nơi ăn chốn ở còn rất nhiều thiếu thốn khó khăn, chúng con cũng xin cố gắng hết sức mình để tổ chức khóa AN CƯ KIẾT HẠ năm nay. Lời thỉnh cầu của chúng con đã được tất cả Chư Tôn Thiên Đức Tăng Ni Đạo tràng AN CƯ KIẾT HẠ PL. 2555 tại Phật Học Viện Quốc Tế năm qua hoan hỷ hứa khả.

Nay chúng con kính thư này đến Chư Tôn Thiên Đức, cung thỉnh Quý Ngài hoan hỷ quang lâm tham dự khóa AN CƯ KIẾT HẠ PL. 2556 - 2012 sẽ được GHPGVNTNKH tổ chức **tại Chùa Bát Nhã, thành phố Santa Ana**, miền nam tiểu bang California, từ ngày **20 đến ngày 30/6/2012 (nhằm ngày mùng 2/5 đến 12/5 âm lịch)**.

Sự hứa khả quang lâm của Quý Ngài là thắng duyên cho Đại Phật sự Chùa Bát Nhã chúng con trong năm nay. Chúng con xin thành kính tri ân và kính chúc Quý Ngài vô lượng an lạc, Phật sự viên thành.

NAM MÔ TỐI THẮNG TRANG NGHIÊM VƯƠNG PHẬT

Chùa Bát Nhã, ngày 01 tháng 3 năm 2012

VIÊN CHỦ

HT. THÍCH NGUYỄN TRÍ



Văn Phòng Điều Hợp Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Liên Châu
CHÙA PHÁP HOA

20 Butler Avenue PENNINGTON S.A 5013
Tel: 61.8.84478477 – Fax 61.8.82401758

Phật lịch 2555, Adelaide ngày 15 tháng 2 năm 2012

THƯ CUNG THỈNH

Trích yếu v/v **LỄ HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ
ĐẠI HỘI GIÁO HỘI VÀ KHÁNH THÀNH BẢO THÁP**

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Chư Tôn Hòa Thượng, chư Thượng Tọa Đại Đức, Tăng Ni
Kính thưa chư thiện chư thiện nam tín nữ Phật tử các giới

Đây là lần thứ 6 Lễ Hiệp Kỷ Lịch Đại Tổ Sư đã được yết ma thành tựu trong Lễ Hiệp Kỷ tại chùa Thiện Minh Lyon, Pháp Quốc, tháng 9 năm 2011, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Úc Đại Lợi – Tân Tây Lan nhận lãnh và giáo hội Nam Úc, chùa Pháp Hoa chịu trách nhiệm tổ chức tại Adelaide, Nam Úc.

Bốn tự Pháp Hoa chúng con/ chúng tôi trong pháp duyên thù thắng này mạnh dạn đứng ra tổ chức lễ được sự bảo trợ của Giáo Hội PGVNTNHN tại UDL – TTL; đồng thời giáo hội địa phương có trình với Hội Đồng Điều Hành đồng thuận cùng tổ chức lễ khánh thành Bảo tháp Tam Bảo và lễ chúc thọ Hòa thượng Phương Trưởng tổ đình Pháp Hoa.

Thay mặt Ban tổ chức, chúng con/chúng tôi xin cung kính cung thỉnh chư tôn đức Tăng Ni và kính mời quý vị Phật tử hoan hỷ sắp xếp thời gian quang lâm về **chùa Pháp Hoa, Nam Úc vào thứ Sáu, thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày 16, 17, 18 tháng 11 năm 2012** để chứng minh và tham dự **đại hội, lễ hiệp kỷ và khánh thành.**

Sự thân lâm phó hội của quý Ngài và quý vị làm cho lễ hội thêm phần trang nghiêm và long trọng. Kính chúc chư Tôn Đức Pháp thể khinh an, Phật sự viên thành, quý Phật tử thân tâm an lạc, vạn sự cát tường như ý.

Cung kính khể thủ

Cố vấn và chứng minh

HT Thích Như Huệ

TM Ban Tổ chức
Trưởng Ban
TK Thích Viên Trí



PHÁP MÔN NIỆM PHẬT TRONG KINH A DI ĐÀ

Thích Giác Như



Phật giáo có nhiều pháp môn (1) tu để chuyển hóa khổ đau thành an lạc thật sự. Niệm Phật là một trong những pháp môn tu. Niệm Phật ở đây tức là niệm danh hiệu Phật A Di Đà, vị Giáo chủ cõi Cực lạc (Sukhāvātī, Great Happiness).

Trong kinh A Di Đà, cũng như nguyện thứ 18, một trong 48 lời nguyện của Phật A Di Đà, Đức Phật A Di Đà phát nguyện tiếp dẫn những chúng sinh tinh tấn chuyên trì danh hiệu của Ngài trong cuộc sống, vãng sinh nước Cực lạc (nguyện 18). Cực lạc, như đối với nghĩa cực khổ, là thế giới cực kỳ hạnh phúc, trong đó mọi chúng sinh không còn kinh quá sự khổ não và chỉ hưởng trọn vẹn sự an vui.

Mặc dù nói là hưởng sự an vui, nhưng mục tiêu của người cầu vãng sinh Cực lạc không phải để hưởng sự an vui đó. Mục tiêu của người cầu vãng sinh Cực lạc là để được giác ngộ trọn vẹn hay thành Phật. Nói cách khác, cảnh giới Cực lạc chỉ là môi trường hay phương tiện tối thắng giúp cho mọi người được vãng sinh “không còn thối chuyển” trên con đường giác ngộ, hay không còn thối chuyển trên con đường đạt đến hạnh phúc thật sự.

1. Thế giới Cực lạc: Phương tiện tối thắng cho sự giác ngộ

Trước hết, được gọi là Cực lạc bởi vì môi trường sống ở đó hết sức tốt đẹp. Đất được làm bằng vàng ròng và tất cả mọi nơi đều được trang hoàng bằng bày lớp lan can báu, bày tầng lướn báu, và bày hàng

cây báu. Có vô lượng ao hồ được làm bằng những chất liệu quý giá như: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, v.v...; và nước trong ao hồ tinh khiết, thơm tho. Trong mỗi ao hồ đều có hoa sen tỏa hương sắc vi diệu và rực rỡ. Bầu trời luôn luôn có hoa Mạn-đà-la (Mandarava) rơi xuống và ngày đêm sáu thời thường có nhạc trời hòa tấu. Trong không gian luôn luôn có các âm thanh hòa nhã từ các giống chim xinh đẹp, như Bạch hạc, Khổng tước, Anh vũ và Xá lợi (do Phật A Di Đà hóa thân), diễn nói các pháp như Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần và Bát Thánh đạo (2).

Ngoài môi trường sống như được mô tả một cách khái quát ở trong kinh A Di Đà như được nêu ở trên, phần chính yếu tạo thành thế giới Cực lạc là sự hiện diện Phật A Di Đà - vị Giáo chủ, cùng vô lượng Thánh chúng và dân chúng. A Di Đà dịch âm từ tiếng Sanskrit Amita, nghĩa là vô lượng - ánh sáng vô lượng (Amitabha) và thọ mạng vô lượng (Amitayus). Đức Phật A Di Đà có hào quang chiếu khắp mười phương và thọ mạng vô biên. Ánh sáng vô lượng biểu tượng cho trí tuệ rộng lớn và thọ mạng vô lượng biểu tượng cho lòng từ bi, vì Phật A Di Đà muốn trụ thế dài lâu để cứu độ chúng sinh. Thánh chúng là những vị được sự giáo hóa và nhiếp thọ của Phật A Di Đà, bao gồm các vị Bồ tát (3) và những vị đã chứng một trong bốn quả Thánh (4).

Dân chúng là những người đang trên tiến trình tu tập, được sự giáo hóa và hướng dẫn của Phật A Di Đà và chư vị Bồ tát. Căn cứ trên 48 nguyện của Phật

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

A Di Đà, mỗi người dân ở cảnh giới Cực lạc đều có 32 tướng tốt (nguyên 3), thân thể cường tráng, không bệnh tật (nguyên 32), thọ mạng vô lượng (nguyên 15), không còn phải lo lắng về đời sống vật chất như ẩm thực và y phục (nguyên 37), và quan trọng nhất là tâm trí của mỗi người dân đều hướng về mục tiêu đạt được giác ngộ (nguyên 12).

Nói tóm lại, thế giới Cực lạc là phương tiện tối thắng giúp cho hành giả “không còn thối chuyển” trên con đường giác ngộ. Phương tiện tối thắng đó là: môi trường tốt đẹp, kinh tế đầy đủ, thân thể khỏe mạnh, có trí tuệ và được thân cận học hỏi thực tập với các vị Thánh tức là Phật A Di Đà và Thánh chúng. Bất cứ ai với tâm trí nỗ lực hướng về một mục tiêu, được sống trong môi trường tốt đẹp, có sức khỏe điều kiện kinh tế ổn định, cùng với sự khích lệ khuyến tấn của bạn hiền, người đó không sớm thì muộn sẽ đạt được mục tiêu như được đề ra.



2. Tín (Saddhā, Confidence): Có thế giới Cực lạc hay không?

Thực có thế giới Cực lạc là phương tiện tối thắng cho sự giác ngộ không? Trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca và mười phương chư Phật đã nhiều lần nhắc nhở thính chúng trong hội Liên Trì và tất cả chúng sinh nên “tin” có thế giới Cực lạc và những phương tiện tối thắng như đã được trình bày ở trên. Để minh chứng có thế giới Cực lạc, chúng ta phải hiểu rõ ràng ý nghĩa chữ “Tín”. Chữ “Tín” theo nghĩa đích thật nhất trong Phật giáo là tin Phật, tin Pháp và tin Tăng. Theo kinh Vīmaśaka, để xóa tan sự hoài nghi và để thiết lập niềm tin vững chãi trong việc tu tập, Đức Phật cho phép các vị Tỳ kheo nghi vấn và tìm hiểu một cách cẩn thận về sự giác ngộ trọn vẹn của Ngài. Sau đó, Đức Phật khuyên các vị Tỳ-kheo nên an trú niềm tin như sau: “Tôi đặt niềm tin ở Đấng Đạo Sư: Ngài là bậc đã giác ngộ trọn vẹn, Giáo pháp được Ngài khéo thuyết giảng và chư Tăng là những vị đang thực tập hạnh giải thoát” (5).

Và Đức Phật còn nhấn mạnh rằng niềm tin này phải dựa trên nhận thức và lý trí (6). Niềm tin như đã được Đức Phật dạy ở trên liên hệ như thế nào với niềm tin có thế giới Cực lạc? Tin có thế giới Cực lạc là dựa trên căn bản tin Pháp, tức là tin vào lời dạy của Phật và tin những lời Phật dạy tức là tin giáo lý Nhân quả, Nghiệp báo, Duyên sinh (hay Vô thường, Khổ và Vô ngã). Nói một cách khác, chúng ta tin

vào giáo lý Tứ đế (7).

Dựa trên giáo lý Nhân quả và Nghiệp báo mà chúng ta tin hay biết được có thế giới Cực lạc. Luật Nhân quả là luật phổ biến, không những tác động trong nhiều giới mà còn trong lãnh vực đạo đức con người. Liên hệ đến lãnh vực đạo đức, nếu chúng ta tạo nghiệp ác, năng lực của nghiệp ác dẫn dắt chúng ta vào thế giới ác và ngược lại. Nếu chúng ta tạo nghiệp nhân cực ác thì thế giới chúng ta đến là thế giới cực khổ như địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh; và ngược lại, nếu chúng ta tạo nhân cực thiện thì thế

giới chúng ta đến là thế giới Cực lạc. Nhân cực thiện đây tức là tâm niệm danh hiệu Phật A Di Đà, cùng với hoạt động của thân và khẩu dựa trên căn bản lòng từ bi phù hợp với bản chất của Phật A Di Đà.

Như vậy, chúng ta tin hay biết được có thế giới Cực lạc là dựa trên luật Nhân quả và Nghiệp báo, và luật Nhân quả và Nghiệp báo là quy luật phổ biến mà tất cả chúng ta ai

cũng có thể nhận thức và kinh nghiệm được trong đời sống. Đây chính là ý nghĩa chữ “Tín” - dựa trên nhận thức và lý trí - được Đức Phật nói trong kinh Vīmaśaka, như được trích dẫn ở trên.

Ở đây, có một câu hỏi quan trọng phải được nêu lên, đó là, nếu có thế giới Cực lạc dựa trên niềm tin, Nhân quả và Nghiệp báo rõ ràng và dễ hiểu như vậy, tại sao ở phần cuối trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca nói rằng đây là “Kinh pháp khó tin”? Chữ “khó tin” ở đây phải được hiểu là “không sống, hay không thực tập”.

Mặc dù chúng ta hiểu lý Nhân quả và Nghiệp báo bằng óc, nhưng chúng ta lại không chịu sống hay thực tập nó bằng trái tim. Những gì chúng ta biết, nhưng chúng ta không thích sống với sự hiểu biết đó, thì điều đó gọi là “khó tin”. Phần lớn chúng ta thích tin và sống ở những gì? Phần lớn chúng ta thích tin vào hạnh phúc vĩnh cửu từ tiền bạc, danh vọng, tiện nghi vật chất đem đến, và sống với chúng bằng trái tim. Trong thực tế, những thứ như tiền bạc, danh vọng, tiện nghi vật chất là vô thường và không thể mang lại hạnh phúc vĩnh cửu cho con người.

Một điều khác khá quan trọng cần phải được nêu lên ở đây là, phần đông Phật tử tu pháp môn Niệm Phật đã dựa vào một số lý luận và kinh nghiệm cá nhân để tin có sự hiện hữu của thế giới Cực lạc. Những lý luận và kinh nghiệm cá nhân này cần phải

được giải thích và bổ túc (8) qua ánh sáng giáo lý Nhân quả và Nghiệp.

Đối với người có trí tuệ lớn, nếu siêng năng tinh tấn niệm Phật, họ sẽ có những sở đắc tâm linh – ví dụ, đạt được định lực hoặc niệm Phật tam muội (Samàdhi). Đối với những người bận rộn với công việc gia đình và những công việc sinh kế, nếu tinh tấn niệm Phật, họ sẽ được “đời nghiệp vãng sinh”.

3. Phát nguyện và Thực hành

Theo kinh A Di Đà, để được vãng sinh vào thế giới Cực lạc, ngoài sự thiết lập lòng tin có thể giới Cực lạc với những phương tiện tối thượng của nó, hành giả phải phát nguyện và thực hành niệm Phật. Phát nguyện đây tức là

nguyện vãng sinh về cõi Cực lạc. Đây là điều hết sức quan trọng mà trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca và chư Phật mười phương đã nhiều lần khuyên chúng sinh phải thực hiện. Phát nguyện vãng sinh Cực lạc tức là xác định điểm đến và lý tưởng của mình. Điểm đến là thế giới Cực lạc và mục tiêu tức là thành Phật hay đạt được sự giác ngộ trọn vẹn.

Nếu có người niệm Phật A Di Đà mà không phát nguyện vãng sinh Cực lạc - mặc dù có phước đức lớn do niệm Phật - người đó sẽ không được vãng sinh nước Cực lạc. Điều này có thể ví như một người đang làm một công việc mà không biết mình làm công việc này để làm gì, hay một người đang đi trên con đường mà không biết mình sẽ đi về đâu.

Song song với sự thiết lập niềm tin và phát nguyện vãng sinh, hành giả phải thực hành niệm Phật A Di Đà. Niệm (Sati, Mindfulness) nghĩa là chú tâm theo dõi và ghi nhận. Hành giả chú tâm theo dõi và ghi nhận bằng cách niệm to, niệm nhỏ, niệm thầm, hoặc niệm trong tâm danh hiệu Phật A Di Đà. Trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca dạy rằng:

“Nếu có người con trai lành hoặc con gái lành nào muốn sinh về cõi Cực lạc, thì người ấy phải niệm danh hiệu Phật A Di Đà với một lòng không tạp loạn, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày hoặc bảy ngày. Người ấy, đến khi lâm chung sẽ thấy được Phật A Di Đà và các vị Thánh chúng hiện ra trước mắt. Trong giờ phút ấy, tâm của người ấy được an trú trong định, không có điên đảo và tán loạn; do đó người ấy sẽ được vãng sinh ngay về nước Cực lạc”.

Như vậy, điều quan trọng trong sự thực hành niệm Phật A Di Đà để được vãng sinh đòi hỏi hành giả phải nhất tâm. Để có được kết quả là nhất tâm, hay một lòng không tạp loạn, hành giả phải tinh tấn nỗ lực niệm Phật và xem niệm Phật như là một sự



nghiệp chính trong đời sống. Nói cách khác, tâm của hành giả phải thường niệm A Di Đà và thể hiện tâm niệm này qua hành động và lời nói bằng cách ăn chay, bố thí, cúng dường Tam bảo, ái ngữ, không tà hạnh và sống đời sống có tiết độ (giữ Năm giới hoặc Mười giới). Trong đoạn kinh trên nói rằng hành giả niệm Phật A Di Đà hoặc một ngày hoặc hai ngày v.v... đây chỉ là con số thời gian tiêu biểu.

Thực tế trong đời sống, rất hiếm có người suốt đời không niệm Phật mà có thể nhất tâm niệm Phật hoặc một ngày, hoặc hai ngày, trước khi lâm chung. Do vì xem niệm Phật A Di Đà như là sự nghiệp chính của đời sống, tâm của hành giả thấm đẫm với bản thể A Di Đà, tức từ bi và trí tuệ, và kết quả tất yếu là tâm này sẽ dẫn

hành giả vãng sinh Cực lạc sau khi lâm chung. Điều này được xác quyết dựa trên giáo lý Nhân quả và Nghiệp. Cái được gọi “Đời nghiệp vãng sinh” hay mang nghiệp vãng sinh cũng được giải thích theo nguyên tắc này. Mang nghiệp vãng sinh nghĩa là tâm của hành giả niệm Phật vẫn còn những phiền não tham, sân, tật đố, ích kỷ, nhưng vẫn được vãng sinh Cực lạc, do vì hạt giống A Di Đà trong tâm hành giả đó quá mạnh. Nghiệp nào mạnh, nghiệp đó sẽ dẫn người tạo nghiệp vào thế giới tương ứng với nghiệp đó.

Lẽ dĩ nhiên, những hành giả đời nghiệp vãng sinh, so với những hành giả niệm Phật đã đạt được định (Samàdhi, Concentration) phải bỏ thời gian dài hơn để tu tập Giới, Định, Tuệ (hay Ngũ căn, Ngũ lực, Thất Bồ đề phần và Bát Thánh đạo) để được giác ngộ.

4. Niệm Phật và Thiền

Chữ “Niệm” như được giải thích ở trên là chú tâm theo dõi và ghi nhận. Niệm Phật là chú tâm theo dõi, ghi nhận danh hiệu, hình tượng và đức tính của Phật. Niệm Phật A Di Đà là tưởng nhớ, chú tâm theo dõi và ghi nhận danh hiệu, hình tượng và đức tính của Phật A Di Đà. Mục đích của hành giả niệm Phật A Di Đà, theo pháp môn Niệm Phật, là để thành A Di Đà; hay nói cách khác, để đạt được giác ngộ với trí tuệ vô lượng và từ bi vô lượng như Phật A Di Đà.

Những ai được vãng sinh và sống trong cõi Cực lạc mà chưa được giác ngộ thì những người đó phải tinh tấn niệm Phật, hay nói cách khác họ phải thực tập Giới, Định, Tuệ cho đến khi được giác ngộ như Phật A Di Đà.

Thiền (Dhyāna, Meditation), theo đúng nghĩa trong Phật giáo là phương pháp huấn luyện hay thanh lọc tâm, bao gồm hai phần tương quan mật thiết; Định (Samàdhi, Concentration) tức là tập trung tâm

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

lại; và Niệm (Sati, Mindfulness) chú tâm theo dõi và ghi nhận trên đối tượng thiền quán.

Tập trung tâm lại và chú tâm theo dõi và ghi nhận trên đối tượng (là những chủ đề của thiền quán như hơi thở, quán thân bất tịnh, v.v...) để trực nhận được bản chất của đối tượng là duyên sinh, hay vô thường và vô ngã. Khi trực nhận được (khả năng của trí tuệ) bản chất của đối tượng là duyên sinh, hay vô thường và vô ngã, tâm của hành giả xả ly lòng tham ái và bám víu về những gì mình yêu thích và mong chúng được tồn tại vĩnh cửu. Những khổ đau, buồn rầu, lo âu, thất vọng và sợ hãi của con người trong cuộc sống là kết quả phát sinh từ lòng ước vọng về những gì mình yêu thích được vĩnh cửu.

Nhưng cuộc đời là vô thường; do đó, ước vọng về những gì mình yêu thích được vĩnh cửu sẽ không bao giờ đạt được. Hậu quả tất yếu của sự ước vọng vĩnh cửu này là sự thất vọng, buồn rầu, đau khổ và sầu muộn. Thấy được bản chất của đối tượng thiền quán là vô thường tức thấy được tính vô thường của con người và cuộc đời. Do thấy được như vậy, tâm của hành giả an lạc tự tại, không còn bị buồn rầu, khổ đau, lo âu và sợ hãi chi phối trong cuộc sống. Giác ngộ hay thành Phật, nói một cách đơn giản, là sự nhận chân (từ khả năng của trí tuệ) được bản chất duyên sinh, hay vô thường và vô ngã của con người và cuộc đời qua phương pháp thiền định.

Nhìn từ phương pháp thực tập và mục tiêu giữa pháp môn Niệm Phật và Thiền, chúng ta thấy cả hai đều giống nhau: dùng Định và Niệm như là phương pháp tu tập để đạt được mục tiêu giác ngộ. Ngoài ra, niệm Phật còn là một trong sáu chủ đề thiền quán (9), Nếu có sự khác biệt giữa pháp môn Niệm Phật và Thiền thì sự khác biệt này chỉ là sự khác biệt về "duyên" hay những điều kiện thuận lợi giúp cho sự tu tập.

So với hành giả tu pháp môn Thiền, hành giả niệm Phật có được thẳng duyên là môi trường Cực lạc để giúp cho sự tiến tu bất thối, và tâm niệm của hành giả niệm Phật luôn luôn được an ổn vì có được Phật A Di Đà hộ niệm. Đây là một trong những lý do chính giải thích tại sao pháp môn niệm Phật A Di Đà phù hợp với tất cả mọi trình độ và được phổ biến tại các nước có Phật giáo Đại thừa như Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản và Hàn Quốc...

5. Cực lạc và Tịnh độ

Sau cùng có một điểm nhỏ cần phải được nêu lên ở đây là sự khác biệt tế nhị giữa hai từ ngữ, Cực lạc và Tịnh độ. Cực lạc (Sukhāvati) là thế giới của Đức Phật A Di Đà làm Giáo chủ. Tịnh độ (Pure land) là từ ngữ được dịch thoáng từ chữ "Phật độ" (Buddhaksetra), hay là thế giới do một vị Phật làm Giáo chủ. Nếu hiểu theo nghĩa này, thì từ ngữ Cực lạc và Tịnh độ có thể dùng thay thế lẫn nhau, nghĩa là chúng ta có thể gọi cõi Cực lạc hay cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà.



Tuy nhiên, nếu hiểu ý nghĩa từ ngữ Tịnh độ là đất trong sạch do sự phản chiếu của tâm trong sạch "Tâm thanh tịnh thì quốc độ thanh tịnh" như trong kinh Duy Ma nói, thì có sự khác biệt tế nhị giữa hai từ ngữ. Trước hết, bất cứ ai đạt được giác ngộ, hay tâm được thanh tịnh, không còn tham, sân, si, thì chỗ ở hay thế giới của người đó được gọi là Tịnh độ. Hiểu theo nghĩa này, nếu có người ở cõi Ta bà, tức thế giới chúng ta đang sống (Ta bà được dịch âm từ chữ Sanskrit Saha, nghĩa là khổ đau hay kham nhẫn) tâm được thanh tịnh, không còn bị tham sân chi phối, thì cõi Ta bà tức Tịnh độ. Quan trọng hơn nữa, Cực lạc thế giới dù có tồn tại lâu bao nhiêu đi nữa, thì cũng là thế giới hữu hình. Đã hữu hình, lẽ tất nhiên, phải bị chi phối của vô thường.

Ngược lại, Tịnh độ là cõi thường hằng thanh tịnh, do sự phản chiếu của tâm thanh tịnh. Cụm từ "thường hằng thanh tịnh" ở đây phải được hiểu theo nghĩa rộng, nghĩa là môi trường, hoàn cảnh hay cuộc sống không có khả năng chi phối, làm cho tâm hành giả tham đắm, vui buồn, sợ hãi, lo âu, v.v... vì tâm của hành giả đã được thanh tịnh hay giác ngộ.

Do đó, nếu có người nào ở cõi Ta bà tâm được thanh tịnh, hay đã đạt được giác ngộ, thì đây là cõi Tịnh độ. Vì sự khác biệt tế nhị giữa hai từ ngữ đó mà người viết cố ý dùng chủ đề là "Pháp môn Niệm Phật" thay vì "Pháp môn Tịnh độ".

6. Lợi ích của pháp môn Niệm Phật

Pháp môn niệm Phật A Di Đà cầu vãng sinh Cực lạc giúp hành giả không còn thối chuyển trên con đường giác ngộ. Thẳng tiến trên con đường giác ngộ tức là thẳng tiến trên con đường đạt đến hạnh phúc thật sự. Thối thất trên con đường giác ngộ đồng nghĩa với kinh nghiệm khổ đau, sầu muộn, lo âu và sợ hãi.

Trong kinh A Di Đà, Đức Phật Thích Ca đã biểu thị hai thế giới tương phản, thuận duyên và nghịch duyên cho chúng sinh trên con đường thực tập giác ngộ: Một bên là thế giới Cực lạc với những phương tiện tối thẳng như đã trình bày ở đề mục 1 và một bên là thế giới Ta bà đầy khổ đau và nghịch cảnh: kiếp sống ô trược, nhận thức sai lạc, đầy phiền não tham, sân và si, vạn vật vô thường và mạng người

ngăn ngại (Ngũ trước). Nhìn vào bản chất của Ngũ trước thì chúng ta sẽ thấy sự lợi ích cấp thiết của thế giới Cực lạc cho người tu tập như thế nào rồi.

Kể đến, pháp môn niệm Phật A Di Đà là pháp môn phổ biến và bất cứ thành phần nào trong xã hội - từ nông dân, thương gia, cho đến giới trí thức - đều cũng có thể thực hiện được. Điều này nói lên được tính chất khế lý và khế cơ tuyệt diệu mà chúng ta thấy chỉ có pháp môn niệm Phật mới có được. Do tính phổ biến, cũng như khế lý và khế cơ của nó, pháp môn Niệm Phật mở cửa giác ngộ cho mọi thành phần.

Đối với người có trí tuệ lớn, nếu siêng năng tinh tấn niệm Phật, họ sẽ có những sở đắc tâm linh - ví dụ, đạt được định lực hoặc niệm Phật tam muội (Samàdhi). Đối với những người bận rộn với công việc gia đình và những công việc sinh kế, nếu tinh tấn niệm Phật, họ sẽ được "đời nghiệp vắng sinh".



Thích Giác Như

Cương chú:

(1) Pháp môn (Dharma-Door): Cửa đi vào Phật pháp, hay là phương pháp tu tập để đạt giác ngộ.

(2) Ngũ căn (five faculties): Căn nghĩa là gốc hay thành phần cơ bản, gồm có: Tín căn: nghĩa là tin Phật, Pháp và Tăng; Tấn căn: siêng năng; Niệm căn: chú tâm theo dõi và ghi nhận; Định căn: tập trung tâm lại và Huệ căn: khả năng thấy được bản chất của các pháp là vô thường và vô ngã. Khi năm căn này được khởi động tu tập thì gọi là Ngũ lực, vì nó sẽ tạo thành sức mạnh giúp hành giả tiến đến giác ngộ. Thất Bồ đề phần (The seven limbs of enlightenment): Bảy chi phần hay yếu tố giác ngộ, gồm có Niệm: nghĩa là chú tâm theo dõi và ghi nhận; Trạch pháp: truy tầm và tìm hiểu bản chất của các pháp; Tinh tấn: siêng năng; Hỷ: vui mừng; Khinh an: trạng thái thư thái của thân và tâm; Định: tập trung tâm lại và Xả: không bị tác động bởi những tâm lý vui, buồn. Bát Thánh đạo (The Noble Eightfold Path): Con đường bao gồm tám nhánh liên hệ được "bước qua" hay thực hành bởi các vị thánh. Nói cách khác, đây là con đường hay phương pháp đoạn tận khổ đau.

- (i) Chánh kiến: Thấy rõ được bản chất của con người và cuộc đời là vô thường, khổ và vô ngã.
- (ii) Chánh tư duy: Tâm không bị tham, sân và si chi phối.
- (iii) Chánh ngữ: Không nói láo, không nói lời độc ác và thù ghét.
- (iv) Chánh nghiệp: Không giết hại, không trộm cắp và không tà dâm.
- (v) Chánh mạng: Không làm những nghề độc ác để sinh sống.
- (vi) Chánh tinh tấn: Tinh tấn đoạn trừ những việc ác đã sinh và ngăn ngừa những việc ác chưa sanh. Tinh tấn phát triển những điều thiện chưa sinh, và tinh tấn làm những điều thiện đã sinh.
- (vii) Chánh định: Giữ tâm trí tập trung, không bị vọng niệm.
- (viii) Chánh niệm: Chú tâm theo dõi và ghi nhận trên đối tượng thiền quán.

(3) Bồ tát (Bodhisattva): người phát tâm giác ngộ và trải qua nhiều đời kiếp tu tập để đạt được quả vị giác ngộ. Theo các kinh Đại thừa, Bồ tát là vị có mục đích là mong cầu giác ngộ để cứu giúp chúng sinh. Thông thường, Bồ tát được chia làm hai hạng, những vị đã giác ngộ và phân thân

hóa độ chúng sinh như: Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, Quan Thế Âm Bồ tát, Địa Tạng Bồ tát... và những chúng sinh phát tâm giác ngộ - như chúng ta - đang tu tập để đạt được mục tiêu ấy.

(4) Bốn quả Thánh: (i) Tu đà hoàn (Sota- āpanna, stream - enterer): Dụ vào dòng thánh để đạt được quả vị này, hành giả phải đoạn trừ thân kiến, nghi và giới cấm thủ và phải tái sinh lại bảy lần nữa trong cõi Người hoặc cõi trời Dục giới. (ii) Tư đà hàm (Sakad- āgāmin, once-returner): Quay trở lại một lần nữa. Ở quả vị này, tâm tham dục và sân của hành giả được hạ giảm và lắng dịu. Hành giả phải tái sinh một lần nữa trong cõi trời Dục giới. (iii) A na hàm (Anāgāmin, non-returner): Không còn quay trở lại. Trong giai đoạn này, hành giả đoạn trừ được thân kiến, giới cấm thủ, nghi, dục và sân. Hành giả không còn tái sinh nữa, mà chỉ an trụ trong cõi trời Sắc giới. (iv) A la hán (Arahant, the Enlightened One): Không còn bị nghiệp lực dẫn dắt tái sinh nữa. Ở quả vị này, hành giả đã đoạn tận tham ái về cõi trời sắc giới và vô sắc giới, lòng kiêu mạn và vô minh. Đây là quả vị giải thoát rốt ráo.

(5) "I placed confidence in the Teacher thus: "The Blessed One is fully enlightened, the Dhamma is well-claimed by the Blessed One, the Sangha is practicing the good way". Majjhima Nikāya. Trans. Bhikkhu Nanamoli and Bhikkhu Bodhi. Boston: Wisdom Publications, 1995. P.418.

(6) "Bhikkhus, when anyone's faith has been planted, rooted and established in the Tathagata through these reasons, terms and phrases, his faith is said to be supported by reasons, rooted in visions, firm". (Như kinh đã dẫn ở trên).

(7) Tứ đế (Cattāri ariya-saccāni, the Four Noble Truths): Bốn chân lý chắc thật, cao cả: Dukkha; Nguyên nhân của Dukkha; Sự đoạn tận Dukkha; Con đường dẫn đến sự đoạn tận của Dukkha.

(8) Phần lớn những người tu pháp môn Niệm Phật A Di Đà tin có thế giới Cực lạc dựa trên lý luận rằng Đức Phật Thích Ca luôn luôn nói lời chân thật. Tin Đức Phật luôn luôn nói lời chân thật là tin vào nhân cách của Phật, và tin vào nhân cách của Phật, nghĩ cho kỹ, cũng là do phát xuất từ lòng tin Pháp, hay những lời dạy của Ngài. Do vậy, không có gì sai trái khi những người đó tin có Cực lạc dựa trên nhân cách của Đức Phật. Tuy nhiên, lý luận này chỉ phù hợp với những người cùng là Phật tử và cùng tu pháp môn niệm Phật A Di Đà. Đối với những người tu các pháp môn khác, và nhất là đối với những người không phải Phật tử, việc dựa vào nhân cách của Đức Phật để cho rằng có thế giới Cực lạc thì rất là khó thuyết phục. Do đó, chỉ có giáo lý Nhân quả và Nghiệp báo - tức là tin Pháp - là cơ sở lý luận

vững chãi nhất để giúp cho tất cả mọi người biết được có thể giới Cực lạc. Có một số người khác tin có thể giới Cực lạc qua sự chứng kiến những hiện tượng cát tường của những người tu pháp môn Niệm Phật khi sắp lâm chung hoặc sau khi lâm chung, như hương thơm, hào quang, nhạc trời v.v... Đây là những hiện tượng kỳ diệu giúp tăng tín tâm cho những người tu tập pháp môn Niệm Phật; tuy nhiên, những hiện tượng kỳ diệu này chỉ là kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng không thể được xem là nguyên tắc căn bản hay kinh nghiệm phổ biến để giúp cho mọi người biết có thể giới Cực lạc.

Ngoài ra, khoảng chừng 20 năm trở lại, ngành Thiên văn học đã phát triển một cách đáng kể. Theo bảng kê khai từ trang web Wikipedia.org/exoplanet, có khoảng 650 ngoại hành tinh (exoplanets) đã được phát hiện, trong đó có những hành tinh có bầu khí quyển và nhiệt độ như hành tinh của chúng ta; thí dụ như hành tinh Gliese 581e. Cũng theo trang web Wikipedia, trong thời gian gần đây, Giáo sư ngành Thiên văn Matthew Bailes tại Swinburne University of Technology ở Melbourne đã khám phá ra một hành tinh bằng kim cương (vốn do từ những phản ứng của hóa chất hữu cơ Carbon hình thành). Hành tinh quay chung quanh ngôi sao trung hòa tử (Neutron star) và cách hành tinh chúng ta khoảng 4.000 light years. Sự phát hiện về hành tinh kim cương này làm chúng ta liên tưởng đến thế giới Cực lạc với đất làm bằng vàng, kim cương và những chất báu khác. Mặc dầu những sự phát hiện về những ngoại hành tinh của các nhà thiên văn hiện đại giúp chúng ta mở rộng tầm nhìn về sự hiện hữu vô lượng vô biên thế giới – điều mà Đức Phật Thích Ca đã nói cách đây hơn 2.500 năm – Điều này cũng không thể được xem là bằng chứng thuyết phục để kết luận rằng có thể giới Cực lạc.

(9) Lục niệm: Sáu đề mục thiền quán được Đức Phật dạy trong các Nikàya và được giải thích chi tiết trong “Thanh tịnh Đạo luận” (The Path of Purification). (i) Niệm Phật: Suy niệm về Phật là vị đã thấy được chân lý; xứng đáng được cúng dường bởi mọi loài chúng sinh; có trí hiểu biết cùng khắp; trí tuệ và đức hạnh vẹn toàn; đã đạt được hạnh phúc chân thật; biết giải tỏa những khúc mắc của thế gian; tối thượng; điều phục những kẻ đáng được điều phục; vị thầy của trời và người; vị giác ngộ trọn vẹn. (ii) Niệm Pháp: Suy niệm về lời dạy của Đức Phật, bao gồm giáo lý Nhân quả, Nghiệp, Duyên sinh hay Vô thường, Khổ và Vô ngã. Nói chung là giáo lý Tứ diệu đế. (iii) Niệm Tăng: Suy niệm về những vị thực hành lời dạy của Phật và giới luật để được giác ngộ. (iv) Niệm giới: Suy niệm về giới luật của Phật có khả năng ngăn chặn tội lỗi của thân và tâm. (v) Niệm thí: Suy niệm về sự bố thí để giúp đỡ những kẻ nghèo khó, và ngăn chặn lòng tham. (vi) Niệm thiên: Suy niệm về những điều kiện để sanh về cõi Trời như giữ giới, bố thí, tin Tam bảo.



thơ

NỖI BUỒN NHẢY MÙA

*mùa như trăng rừng đêm
ôi nỗi sầu ta tụyệt diệu
khóc lên đi
lệ rung run
nỗi thâm kín như sương mù
khóc khô sợi nước
mùa êm mưa hồn ta
ôi mộng nào chảy như rừng sóng bạc
khóc lên đi lệ thom tho
nỗi buồn đó theo ta sâu năm tháng
mùa đau cho đời ta
ôi nỗi buồn rục rờ
khóc lên đi lệ tình ta
buồn thiên thu trong hồn ta nhảy mùa.*

NHẬP THỂ

*muôn giọt sương khuya hút mặt trời
tơ trắng mùa trong lòng biển sáng
đóa hoa hồng vui môi em tươi
thân cầu vồng bay trong hồn rạng.*

BẢN KHOẢN

*từ nay xin hẹn một lần
giang sơn còn đó tang bồng ra đi
chút sương giọt nặng như chì
tâm tư còn biết nói gì với ai?*

SÓT LẠI

*dù sao cây cũng còn xanh lá
em vẫn còn đây với mộng vàng
tôi còn đây với tương tư lạ
cuối mùa hoa phượng gió thu sang*

*còn đây chuông sớm rung hư tịch
gác vắng tình sương vọng tiếng cười
giòng nước phân chia đời hai nẻo
tình xa dư vị đắng lòng tôi.*

PHÙ DU



Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada

Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2

BAN TỔ CHỨC

4273 Solar Way, Fremont CA 94538 * Email: tuhoc2usa@gmail.com

THÔNG BÁO

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật Tử,

Đức Phật và chư Tổ đã từng khuyến thị rằng đời người ngắn ngủi, vô thường lão bệnh đến không hẹn người, sớm còn tối mất khó ai biết trước, đến khi lâm chung thì tài sản vật chất không còn là của mang theo. Duy chỉ có nghiệp lực đuổi theo chúng ta như bóng với hình. Do nghiệp lực làm chướng nhân dẫn dắt chúng ta thọ sanh trong thế giới muôn vàn bất an và khổ lụy này. Để giải thoát khổ đau, không có con đường nào khác hơn là tu học Phật Pháp.

Chính vì lẽ đó, chư tôn đức giáo phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã quyết định tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ hàng năm để tạo thẳng duyên tu học cho đồng hương Phật Tử.

Năm nay, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2 sẽ được tổ chức vào các ngày từ **Thứ Năm đến Thứ Hai, ngày 02 đến ngày 06 tháng 8 năm 2012, tại Khách Sạn Santa Clara Marriott, 2700 Mission College Boulevard, Santa Clara, CA 95054; điện thoại: (408) 988-1500**. Khách sạn này có đầy đủ phòng ốc và phương tiện sinh hoạt cần thiết để tham dự viên được an tâm và hoan hỷ tập trung vào việc tu học.

Quý Phật tử nào phát tâm muốn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2 xin lưu tâm một số điểm như sau:

- 1- Gửi Đơn Ghi Danh và Hồi Báo về cho Ban Tổ Chức bằng thư hay email tại địa chỉ như trên letter-head đã ghi, từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 15 tháng 7 năm 2012;
- 2- Để giúp Ban Tổ Chức có đủ tài chánh trang trải chi phí thuê khách sạn trong suốt 4 ngày tham dự Khóa Tu Học, mỗi Phật tử tham dự xin đóng \$300 USD (ba trăm Mỹ Kim), nếu là vợ chồng thì xin đóng \$500 USD (năm trăm Mỹ Kim), và mỗi con em đi theo xin đóng thêm \$150 USD (một trăm năm mươi Mỹ Kim);
- 3- Ban Tổ Chức sẽ đài thọ việc ăn uống trong suốt thời gian Khóa Tu Học;
- 4- Khóa Tu Học cũng có lớp đặc biệt miễn phí dành cho chư Tăng, Ni. Vì vậy chư Tăng, Ni nào muốn tham dự Khóa Tu Học xin gửi Đơn Ghi Danh và Hồi Báo về Ban Tổ Chức từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 15 tháng 7 năm 2012;
- 5- Quý Phật tử ở xa đi bằng máy bay, xin mua vé máy bay về 1 trong 3 phi trường sau đây: Phi Trường San Jose, Phi Trường San Francisco, và Phi Trường Oakland để tiện việc đưa đón;
- 6- Để tiện việc đưa đón cho kịp thời gian sắp xếp phòng khách sạn và tham dự khóa họp đầu tiên thông qua Chương Trình và Nội Quy Khóa Tu Học, xin quý Phật tử mua vé đến 3 phi trường nói trên trước 3 giờ chiều ngày 02 tháng 8 năm 2012;
- 7- Theo tinh thần Giới Luật Phật và Nội Quy của Khóa Tu Học, cũng như để mang lại sự an lạc cho mình và pháp hữu, xin quý Phật tử tham dự đừng mang theo nhiều nữ trang quý giá, chỉ mang theo những giấy tờ tùy thân, vật dụng và thuốc men cần thiết;
- 8- Thời tiết tại vùng San Jose, California, vào những ngày đầu tháng 8 vẫn còn trong mùa hè nắng nóng, quý Phật tử tham dự không cần phải đem theo áo chống lạnh.

Quý Phật tử đã có thiện duyên tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 1 năm 2011 vừa qua, chắc hẳn cảm nhận được những lợi lạc vô giá cho con đường tu tập. Mong rằng năm nay quý Phật tử không những không bỏ qua cơ hội quý báu này cho bản thân mà còn giúp Ban Tổ Chức khuyến tấn những người thân và bằng hữu cùng tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2.

Vì lợi lạc tâm linh cho con đường giải thoát và giác ngộ, mong quý Phật tử tinh tấn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần thứ 2. Cầu nguyện chư Phật thù từ chứng minh và gia bị cho tất cả quý Phật tử bỏ đề tâm kiên cố và thân tâm thường an lạc.

Nay Thông Báo,

Fremont, ngày 15 tháng 02 năm 2012,

Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 2

Trưởng Ban,

Tỳ kheo Thích Đồng Tuyên

Ngày Phật Sinh - KHẼ GỌI TÊN THẦY

Huyền Lam

Còn vài hôm nữa đến ngày sinh của Thầy. Trong sách xưa người ta nói Thầy sinh vào mùa sen nở, tháng tư trăng tròn, lịch ta. Mùa này miền Bắc Mỹ vẫn còn lạnh giá, cây sen, cây sủng chỉ mới nhồi lên vài lá.

Theo năm tháng những lá sen non đầu mùa báo tôi biết sắp đến ngày sinh của Thầy. Đó cũng là lúc tôi dành chút thời giờ giữa đêm khuya chiêm nghiệm về Thầy.

Nhân gian đến với Thầy bằng nhiều cách khác nhau. Có người nhìn Thầy như đấng tối cao có thể che chở thể xác, tâm hồn yếu đuối. Có người cảm được khả năng ban phước lộc trên cõi đời. Có người học hạnh Thầy dẫn thân, nguyện làm việc thiện giúp người bất hạnh. Giới khoa bảng không thiếu người đến với Thầy như một triết gia, nhà cách mạng, nhà khoa học.

Nhiệm mầu thay, dẫn đến với Thầy bằng cách nào đi nữa, mỗi lần nghĩ đến Thầy, nhìn hình Thầy: tất cả đều cảm được sự an tâm, thánh thiện, hạnh phúc nhẹ nhàng, làm tiêu đi muộn phiền lo âu.

Không phải ngẫu nhiên nhiều người trên thế giới, đồng lần tây ngày nay trình bày hình tượng Thầy trong nhà, trong vườn như một yếu tố đem lại tươi mát, rũ bỏ căng thẳng, thăng bằng cuộc sống.

Lật vài trang sách xưa, ghi lời Thầy dạy cách đây trên hai ngàn năm, tôi hiểu được vì sao giới khoa học gia hiện đại rất lấy làm ngạc nhiên, khâm phục trí tuệ siêu việt của Thầy.

Thuở xa xưa ấy, Thầy đã thấy rõ những tương quan trong vũ trụ, giữa con người với thiên nhiên, giữa cá thể trong tập thể, vạn vật tương tác vô thường, không gì mất đi, tất cả chỉ là sự hoán đổi. Trí tuệ thông thái của Thầy là tấm gương học tập không ngưng nghỉ, từ nhỏ đến trưởng thành, học từ vô số giáo sư lỗi lạc làm nền tảng cho sự tự học sau này, tự nghiên cứu nhiều năm để khám phá, phát hiện cái thâm sâu, bồng tình cuối cùng.

Tuy nhiên điều làm tôi tôn kính chính là tình thương vô tận Thầy dành cho con người và muôn loài. Thầy rũ bỏ quyền lực, cuộc sống giàu sang vua chúa, vượt qua được tất cả khó khăn, gian khổ, thậm chí có lúc bên bờ sinh tử mong manh, chỉ duy nhất tìm phương pháp giúp con người có cuộc sống hưởng thiện, an lành hạnh phúc trong sự tôn trọng môi trường sống muôn loài.

Giữa đêm khuya thanh vắng trong mùa Phật Đản, tôi xúc động, rung cảm bàng bạc trước nhân cách khiêm tốn của bậc đã đạt được thấu hiểu xuyên suốt mà chúng ta thường gọi là giác ngộ hay thành đạo. Trong mấy mươi năm hướng dẫn loài



người hướng thiện, Thầy chưa bắt ai phải nghe lời, đi theo, thậm chí còn khuyên người nghe thực hành, kiểm chứng để biết đúng sai.

Thầy tôn trọng tất cả, bất kể giàu nghèo, vua chúa, thường dân, nam nữ. Thầy nhìn mọi người cũng như chính mình, khuyên mọi người hãy sống như Thầy thì sẽ vượt qua được khổ đau, bất an.

Chất liệu yêu thương, tình thức sẽ đến với Thầy. Cuộc đời Thầy tràn ắp năng lượng tình thương, an nhiên, tự tại không giây phút hư hao. Ngay cả khi rời bỏ cõi trần Thầy vẫn thư thái mỉm cười, nhìn nhân gian thương yêu với vợ.

Chính năng lượng không thể diễn tả bằng lời này đã cảm hoá tất cả người đến hăm hại Thầy, trở thành những học trò thánh thiện. Năng lượng tình thương vô úy, vô bờ ấy mạnh đến nỗi đã trên 2500 năm Thầy từ giã cõi trần, chưa một học trò dám nhân danh Thầy làm tổn hại sinh mạng của bất cứ ai.

Đêm khuya thanh tịnh, tôi nhìn Thầy thật lâu, mỉm cười cùng Thầy, trong tâm an ổn nhẹ nhàng chi lạ. Đốt nét hương trầm, tưởng nhớ đến ngày Thầy đến cùng nhân gian, tôi khẽ gọi tên Thầy trong niềm xúc cảm vô biên: - Đức Phật Thích Ca ơi, con xin cố gắng học hạnh khiêm tốn, làm người tinh thức mang chất liệu yêu thương đến với cuộc đời.

Cung kính nương tựa Đức Thầy Thích Ca Mâu Ni, bậc giác ngộ yêu thương.

Nam mô bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật
(Namyō Sakya Muni Buddha)

thơ

Tặng Đời

Nhân đọc bài pháp "Ba Ảo" của Thầy Trí Siêu, tác giả "Ý, Tình, Thân" [Cuộc đời là ảo mộng - Thân người là ảo tưởng - Các pháp là ảo ảnh]

*Đời là những gì đẹp nhất hôm nay
Đời là những gì cuộc sống phô bày
Thời gian cứ trôi, nhân duyên tụ tán
Xét cho cùng là ảo mộng cuồng quay*

*Ta sinh ra trong cuộc sống đời này
Chấp cái Ta, Của Ta mỗi phút giây
Ai động tới lập tức liền phản ứng
Cả hai đều ảo tưởng tựa mây bay*

*Chúng sinh cùng vũ trụ hiển bày đây
Là pháp giới mênh mộng màu nhiệm thay
Vẫn sinh diệt thì chỉ là ảo ảnh
Ba ảo là đại huyền cuộc mê say*

*Ai đồng ý ... xin vỗ một bàn tay
Ai không đồng ... xin vỗ cả hai tay*

MẬT NGHIÊM

California, 13-5-2012



SỐNG TRONG THẾ GIẠN VỚI PHẬT PHÁP

Hòa Thượng Ajahn Chah

Thích nữ Tịnh Quang dịch

Hầu hết mọi người vẫn không biết bản chất của thiền tập. Họ nghĩ rằng chỉ có thiền đi, thiền ngồi và nghe pháp là sự thực hành. Điều này đúng, nhưng đây chỉ là hình thức thực tập bên ngoài. Việc thực hành thực sự diễn ra khi tâm tiếp xúc với một đối tượng tri giác. Đó là nơi để tu tập, là khi sự tiếp xúc với tri giác xảy ra. Lúc mọi người nói những điều mà chúng ta không thích bèn có sự giận dữ, nếu họ nói những điều mà chúng ta thích thú thì chúng ta phát khởi niềm vui. Ngay đây là nơi để tu tập. Chúng ta sẽ tu tập như thế nào với những điều này? Đây là điểm rất quan trọng. Nếu cả đời chúng ta chỉ chạy lòng vòng để đuổi theo hạnh phúc và tránh xa đau khổ thì dù chúng ta có thể thực hành cho đến ngày chúng ta nhắm mắt xuôi tay cũng không bao giờ thấy được Phật Pháp. Điều này chỉ vô ích. Khi niềm vui và nỗi khổ phát sinh chúng ta sử dụng Giáo Pháp như thế nào để thoát khỏi chúng? Đây là điểm tu tập.

Thông thường khi người ta đụng phải một điều gì đó khó chịu cho họ, họ không tháo mở với nó. Chẳng hạn như khi người ta bị chỉ trích bèn cho rằng: "Đừng làm phiền tôi, tại sao đổ lỗi cho tôi?" Đây là người ta đã tự đóng chặt chính mình. Ngay đây là nơi để chúng ta tu tập. Khi mọi người chỉ trích chúng ta, chúng ta nên lắng nghe. Họ nói đúng không? Chúng ta cần phải cởi mở và xem xét những gì họ nói. Có thể là có một điểm nào đó với những gì họ nói, có lẽ có một điều gì đó mà chúng ta thực sự mắc phải bên trong chúng ta. Họ có thể đúng và ngay đây chúng ta lập tức nhận lỗi. Nếu mọi người chỉ ra sai lầm của chúng ta, chúng ta nên cố gắng loại bỏ sự sai lầm đó và cải thiện chính mình. Đây là cách mà những người thông minh sẽ thực hành.

Ở đâu có sự sai lầm thì ở đó hòa bình có thể phát sinh. Khi sự sai lầm bị xuyên thủng với sự hiểu biết thì những gì còn lại là hòa bình. Một số người không thể chấp nhận những lời chỉ trích, họ đang kiêu ngạo. Thay vào đó, họ quay lại và tranh luận. Vì thế, điều này cũng đặc biệt khi người lớn đối phó với trẻ em. Thực tế trẻ em thành thạo có thể nói một vài điều thông minh nhưng nếu bạn là mẹ của chúng, bạn không thể nhượng bộ chúng. Nếu bạn là một thầy giáo và học sinh của bạn đôi khi có thể nói cho bạn biết một điều gì đó mà bạn không biết, nhưng bởi vì bạn là thầy giáo nên bạn không thể nghe. Tư tưởng này không đúng.

Vào thời Đức Phật, có một vị đệ tử của ngài rất thông minh. Một hôm khi Đức Phật đang thuyết pháp, ngài quay sang nhà sư này và hỏi: "Xá Lợi Phất, ông có tin điều này không?" Ngài Xá Lợi Phất

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

trả lời: "Không, con chưa tin điều đó." Đức Phật ca ngợi câu trả lời này. "Hay thay, Xá Lợi Phất, ông là người mà ta trao truyền trí tuệ. Người có trí tuệ thì không dễ dàng tin. Ông biết lắng nghe với một tâm trí cởi mở và rời quán sát sự thật của vấn đề đó trước khi tin tưởng hoặc hoài nghi."

Ở đây Đức Phật đã thiết lập một ví dụ tốt cho một vị thầy. Điều mà ngài Xá Lợi Phất nói là sự thật, Tôn giả chỉ nói đơn giản những cảm xúc chân thật của mình. Một số người nghĩ rằng để nói bạn đã không tin tưởng việc giảng dạy, sẽ giống như đặt câu hỏi về thẩm quyền của người dạy, họ sẽ sợ hãi để nói một điều như vậy. Họ chỉ muốn tiếp tục và đồng ý. Đây là cách thế gian hành xử. Nhưng Đức Phật đã không mắc phải sai lầm này. Ngài dạy rằng bạn không nên xấu hổ về những điều sai hoặc dở đó. Khi cho rằng bạn không tin hoặc nếu bạn không tin thì không phải là sai lầm. Đó là lý do tại sao ngài Xá Lợi Phất nói, "Con chưa tin điều đó." Đức Phật đã tán thán câu này. "Tôn giả này có nhiều trí tuệ, ông ta cẩn thận xem xét trước khi tin tưởng bất cứ điều gì." Hành động của Đức Phật ở đây là một ví dụ tốt đối với những người làm thầy của người khác. Đôi khi bạn có thể tìm hiểu những sự kiện ngay cả những đứa trẻ, đừng bám víu một cách mù quáng vào các vị trí có uy quyền.

Dù bạn đang đứng, ngồi, hoặc đi bộ xung quanh ở những nơi khác nhau, bạn có thể thường xuyên quán sát những điều xung quanh bạn. Chúng ta học hỏi theo cách tự nhiên, tiếp thu tất cả mọi thứ, có thể là khung cảnh, âm thanh, mùi, vị, cảm xúc hay suy nghĩ. Người khôn ngoan thì quán sát tất cả. Với sự tu tập thực sự, chúng ta đạt đến điểm mà nơi đó không còn bất kỳ sự lo âu nào đè nặng lên tâm trí chúng ta.

Nếu chúng ta vẫn không hiểu thế nào là thích và không thích khi chúng phát khởi, tâm chúng ta vẫn còn lo lắng, nếu chúng ta hiểu biết sự thật của những điều này, chúng ta sẽ hồi tỉnh: "Ồ, cảm giác này chẳng có gì liên quan ở đây. Nó chỉ là một cảm giác sinh và diệt. 'Không thích' thì không có gì thêm, chỉ là cảm giác sinh khởi rồi hoại diệt. Tại sao tạo ra bất cứ điều gì với chúng?" Nếu chúng ta nghĩ rằng niềm vui và nỗi đau là sở hữu cá nhân, sau đó chúng ta tiếp tục trong sự lẫn lộn, chúng ta sẽ không bao giờ vượt khỏi sự âu lo hoặc các phiền não khác trong

một chuỗi khổ đau vô tận. Đây là những gì mà hầu hết con người mắc phải.

Nhưng lúc này người ta không đề cập đến bản tâm khi giảng dạy Giáo Pháp, họ không nói về sự thật. Nếu bạn nói sự thật, mọi người có thể phản đối. Họ nói những điều như, "Anh ấy không biết nơi biết lúc, không biết nói một cách thú vị." Tuy nhiên mọi người cần nên lắng nghe sự thật. Một giáo viên thực sự không chỉ nói chuyện từ bộ nhớ, ông ta còn nói sự thật. Những người trong xã hội thường nói từ trí nhớ, y cũng cần nói sự thật. Những người trong xã hội thường nói từ bộ nhớ, và những gì họ thường nói theo cách như vậy là để tôn vinh bản thân. Nhà sư chân chính thì không nói như thế, ông ta nói về chân lý sự thật, với những gì đang xảy ra.

Làm thế nào để giải thích chân lý vốn chẳng dễ dàng cho mọi người hiểu không phải là vấn đề. Thật khó để hiểu được Giáo Pháp. Nếu bạn hiểu Giáo Pháp bạn nên thực hành cho phù hợp. Có thể không cần thiết để trở thành một nhà sư, mặc dù cuộc sống của tu sĩ là hình thức lý tưởng cho sự tu tập. Để thực sự thực hành, bạn phải từ bỏ sự nhầm lẫn của thế gian, từ bỏ gia đình và tài sản, và chọn những nơi yên tĩnh. Đây là những nơi lý tưởng để thực hành.

Nhưng nếu chúng ta vẫn còn có gia đình và trách nhiệm thì chúng ta phải tu tập như thế nào? Một số người nói rằng như thế không thích hợp với sự thực hành Giáo Pháp với một cư sĩ. Thử coi nhóm nào lớn hơn, tu sĩ hay cư sĩ? Có nhiều cư sĩ hơn. Bây giờ nếu chỉ có tu sĩ tu tập và cư sĩ thì không, thế thì điều này có nghĩa là sẽ có rất nhiều nhầm lẫn. Đây là sự hiểu biết sai. "Tôi không thể trở thành một nhà sư ..." Trở thành một nhà sư không phải là vấn đề! Là một tu sĩ không có ý nghĩa gì nếu bạn không tu tập. Nếu bạn thực sự hiểu việc thực hành Phật Pháp thì vị trí và nghề nghiệp mà bạn có trong cuộc sống như thế nào không thành vấn đề, là một giáo viên, bác sĩ, công chức hoặc bất cứ điều gì, bạn có thể thực hành Giáo Pháp hằng ngày trong từng giờ phút.

Cho rằng mình không thể tu tập khi là một Phật tử là đánh mất mục tiêu của con đường hoàn thiện. Tại sao mọi người có thể tìm thấy sự khích lệ để thực hiện những việc khác? Nếu họ cảm thấy họ đang thiếu một cái gì đó thì họ tạo nên một nỗ lực để có được nó. Nếu thỏa được mong ước người ta có thể làm bất cứ điều gì. Một số người nói rằng, "Tôi



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

không có thời gian để thực hành Giáo Pháp." Tôi nói, "Thế thì, làm thế nào mà bạn có được thời gian để thở?" Hơi thở là quan trọng đối với cuộc sống của con người. Nếu họ thấy rằng sự thực hành Phật Pháp quan trọng như cuộc sống của họ, họ sẽ thấy nó quan trọng như hơi thở của chính mình.

Việc thực hành Giáo Pháp không phải là một cái gì đó bạn phải chạy lòng vòng cho kiệt sức của mình thêm. Chỉ cần nhìn vào những cảm xúc phát sinh trong tâm của bạn, khi mắt nhìn thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi, và v.v..., chúng đều bắt nguồn từ tâm của "một người tinh thức." Điều gì xảy ra bây giờ khi tâm cảm nhận những điều này? Nếu chúng ta thích đối tượng đó thì chúng ta có kinh nghiệm hân hoan, nếu chúng ta không thích nó, chúng ta có kinh nghiệm bất như ý. Đó là tất cả những gì chúng ta có với nó.

Vì vậy, bạn sẽ tìm thấy hạnh phúc nơi đâu trong thế gian này? Bạn có mong đợi tất cả mọi người chỉ nói những điều dễ chịu với bạn suốt đời không? Có thể như thế không? Không, không thể như thế. Nếu không thể như thế thì bạn sẽ đi đâu? Thế gian này chỉ đơn giản là như vậy, chúng ta phải biết thế gian – Lokavidu (thế gian giải) - biết sự thật của thế gian này. Thế gian là điều gì đó mà chúng ta nên hiểu rõ. Đức Phật đã sống trong thế gian này, ngài không sống ở bất cứ nơi nào khác. Ngài đã trải qua cuộc sống gia đình, nhưng ngài thấy sự giới hạn của nó và tách mình ra khỏi. Bây giờ làm thế nào bạn có thể tu tập khi bạn còn là cư sĩ? Nếu bạn muốn thực hành Phật Pháp, bạn phải thể hiện một sự tinh tấn để đi theo con đường này. Nếu bạn kiên trì với sự thực tập, bạn cũng sẽ thấy những sự giới hạn của thế giới này và có thể bước qua nó.

Những người nghiện rượu đôi khi nói rằng, "Tôi không thể từ bỏ nó ngay." Tại sao họ không thể từ bỏ nó? Bởi vì họ chưa thấy được tác hại trong nó. Nếu họ thấy rõ tác hại của nó họ không phải chờ đợi người khác khuyên để từ bỏ nó. Nếu bạn không thấy tai hại của điều gì đó có nghĩa rằng bạn cũng không thấy sự lợi ích của việc từ bỏ nó. Sự thực hành của bạn trở nên có hiệu quả ngay khi bạn đóng vai trò tu tập. Nếu bạn thấy rõ tác hại hay lợi ích của một điều gì đó, bạn sẽ không phải đợi người khác khuyên nhắc về điều đó. Hãy suy nghĩ về câu chuyện của một ngư dân tìm một cái gì đó trong cái sọt bắt cá. Y có thể nghe tiếng nó đập ở bên trong cái sọt. Suy nghĩ nó là một con cá, y thò bàn tay của mình vào cái bẫy, rồi chỉ nhận ra một loài vật khác. Y có thể chưa nhìn thấy nó, do đó y có hai tâm lý về nó. Một

mặt, nó có thể là một con lươn, nhưng sau đó một lần nữa nó có thể là một con rắn. Nếu y ném nó đi, y có thể hối tiếc nó... nó có thể là một con lươn. Mặt khác, nếu y tiếp tục giữ nó và hóa ra nó là một con rắn và có thể cắn y. Y rơi vào một trạng thái nghi ngờ. Sự ham muốn của y rất mạnh mẽ nên y lưỡng lự, chỉ trong trường hợp nó là một con lươn, nhưng phút giây y đem nó ra và thấy da sọc, y ném nó xuống lập tức. Y không phải chờ đợi người khác hô lên, "Nó là con rắn, nó là con rắn, vút đi!" Hình ảnh của con rắn báo với y những gì để làm nhiều hơn nói. Tại sao? Bởi vì y thấy sự nguy hiểm - loài rắn có thể cắn y! Ai phải nói với y về điều đó? Trong cùng một cách, nếu chúng ta tu tập cho đến khi chúng ta thấy sự vật như chúng là, chúng ta sẽ không rơi vào những gì tai hại.

Thông thường người ta không thực hành theo cách này, họ thường thực tập vì những điều khác. Họ không suy ngẫm điều gì đó, họ không nghĩ đến tuổi già, bệnh và chết. Họ chỉ bàn đến sự bất tử, vì vậy họ không bao giờ phát triển cảm giác phù hợp với sự tu tập Giáo Pháp. Họ đến và lắng nghe các buổi

giảng pháp nhưng họ không thực sự lắng nghe. Đôi khi tôi được mời thuyết giảng ở những buổi lễ quan trọng, nhưng đó là một phiền toái vì tôi phải đi. Tại sao lại như vậy? Bởi vì khi tôi nhìn vào những người tụ tập ở đó tôi có thể nhận ra rằng họ không phải đến để lắng nghe Giáo Pháp. Vài người rượu, mùi thuốc lá, một vài người đang trò chuyện... Họ không nghe nhìn chăm chú, giống như những người không có đức tin trong Giáo Pháp. Thuyết pháp ở những nơi như thế thì hiệu quả rất ít. Những người bị chìm đắm trong sự tán loạn có xu hướng nghĩ như vậy, "Khi nào ông ta mới xong buổi nói chuyện này?... Không thể làm điều này, không thể làm điều đó..." và tâm trí của họ chỉ đi lang thang khắp nơi.

Đôi khi họ thậm chí còn mời tôi cho một thời pháp chỉ vì lợi ích của hình thức: "Bạch Hòa thượng, xin hoan hỷ cho chúng con chỉ thời Pháp ngắn." Họ không muốn tôi thuyết pháp quá dài, điều này có thể làm phiền họ! Ngay khi tôi nghe người ta nói như thế, tôi biết những gì họ đang là. Những người này không thích lắng nghe Phật Pháp, nó có thể làm phiền họ. Nếu tôi chỉ cho một thời Pháp ngắn họ sẽ không hiểu. Nếu bạn ăn ít thì có no không? Tất nhiên là không.

Đôi khi tôi đang thuyết pháp, vừa bắt đầu chủ đề, có vài người say sưa gọi to tiếng, "Được rồi, hãy nhường chỗ, nhường chỗ cho Hòa thượng nhé, ngài sắp xong rồi!" – tôi cố gắng để không nghe nó! Nếu



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

tôi gặp những kiểu người này tôi có thêm nhiều pháp thực để quán chiếu, tôi nhận ra một cái nhìn sâu sắc vào bản chất con người. Nó giống như một người đang có một chai nước đầy và sau đó yêu cầu đổ thêm. Không có chỗ để chứa nó. Nó không có giá trị thời gian và năng lượng để dạy cho họ, bởi vì tâm trí của họ đã đầy ắp. Đổ thêm nữa thì chỉ tràn lan vô ích. Nếu cái chai của họ là trống rỗng thì mới có thể rót nước vào bất cứ nơi nào, và cả người cho và người nhận sẽ được lợi ích.

Bằng cách này, khi mọi người đang thực sự quan tâm trong Giáo Pháp và ngồi yên lặng, lắng nghe cẩn thận, tôi cảm thấy nhiều cảm hứng hơn để giảng dạy. Nếu mọi người không chú ý nó chỉ giống như người đàn ông với chai đầy nước... không có không gian để chứa thêm nữa. Nó khó có giá trị trong khi tôi nói chuyện với họ. Trong tình huống như thế này, tôi không phát sinh được bất kỳ năng lượng nào để giảng dạy. Bạn không thể rót ra nhiều năng lượng để cho khi không ai có năng lượng để nhận.

Những lúc ấy tôi thuyết pháp mà có tình trạng như thế đó, và nó trở nên tệ hơn tất cả mọi lúc. Mọi người không mong cầu chân lý, họ nghiên cứu chỉ đơn giản là để tìm thấy những kiến thức cần thiết để kiếm sống, nuôi gia đình và chăm sóc bản thân. Họ nghiên cứu vì sinh kế. Có thể có một số người nghiên cứu về Giáo Pháp, nhưng không nhiều. Học trò ngày nay có nhiều kiến thức hơn học trò ngày xưa. Họ có tất cả các vật dụng cần thiết cho việc sử dụng của mình, mọi thứ đều thuận tiện hơn. Nhưng họ cũng có rất nhiều sai lầm và đau khổ hơn trước. Tại sao như vậy? Bởi vì họ chỉ tìm kiếm các loại kiến thức được được ứng dụng để tạo nên cuộc sống.

Ngay cả các nhà sư cũng như thế. Đôi khi tôi nghe họ nói, "Tôi đã không trở thành một nhà sư tu tập trong Giáo Pháp, tôi chỉ xuất gia để học tập." Đây là những lời của một người nào đó đã hoàn toàn cắt đứt con đường thực hành. Không có cách để bước tới, nó là một sự kết thúc tê liệt. Khi các nhà sư này dạy Phật Pháp chỉ là từ bộ nhớ. Họ có thể dạy một điều, nhưng tâm họ họ hoàn toàn ở nơi khác. Dạy giáo lý như vậy là không đúng sự thật.

Đây là những gì mà thế gian là. Nếu bạn cố gắng sống đơn giản, thực hành Giáo Pháp và sống một cách hòa bình, họ nói rằng bạn lập dị và chống đối xã hội. Họ nói rằng bạn đang cản trở sự tiến bộ xã hội. Thậm chí họ còn đe dọa bạn. Cuối cùng ngay cả chính bạn có thể bắt đầu tin vào họ và quay trở lại với những cách thức thế gian, chìm sâu hơn và sâu hơn vào thế gian cho đến khi không còn khả năng để thoát khỏi. Một số người nói, "Bây giờ tôi không thể thoát khỏi, tôi đã lún sâu rồi."

Khuynh hướng xã hội là như thế. Nó không cảm nhận được giá trị của Phật Pháp.

Giá trị của Giáo Pháp không phải được tìm thấy trong sách vở. Chúng nó chỉ là những biểu hiện bên ngoài của Phật Pháp, chúng không phải là sự thể hiện của Pháp như là một kinh nghiệm cá nhân. Nếu bạn nhận ra rằng Giáo Pháp mà bạn nhận hiểu từ trong tâm của chính bạn, bạn sẽ thấy sự thật ở đây. Khi sự thật trở nên rõ ràng nó sẽ cắt đứt dòng ảo tưởng.

Lời dạy của Đức Phật là chân lý bất biến cho dù trong hiện tại hoặc trong bất kỳ thời điểm nào khác. Đức Phật đã khám phá sự thật này hơn 2.500 năm trước đây và nó đã là chân lý mãi mãi. Giáo huấn này không được thêm thắt hoặc cắt xén. Đức Phật bảo, "những gì mà Như Lai đã đưa ra không nên loại bỏ, những gì đã không được đặt ra bởi Đức Như Lai thì không được thêm vào trong giáo lý." Ngài đã "niêm phong" giáo lý. Tại sao Đức Phật niêm phong chúng? Bởi vì các giáo lý này là những lời của một người không có nhiễm ô phiền não. Dù thế giới có thể thay đổi như thế nào nhưng giáo lý này vẫn không bị tác động, không thay đổi. Nếu một điều gì đó là sai, ngay cả khi người ta nói nó là đúng cũng không làm cho nó hết sai. Nếu điều gì đó là đúng, nó không thay đổi chút nào chỉ bởi vì mọi người nói rằng nó không đúng. Thế hệ này đến thế hệ khác có thể đến và đi, nhưng những điều này không thay đổi, bởi vì những lời dạy này là sự thật.

Bây giờ ai đã tạo ra chân lý? Đức Phật đã tạo ra nó phải không? Không, ngài đã không. Đức Phật chỉ phát hiện ra sự thật, sự vật, và rồi ngài thiết lập để tuyên bố nó. Sự thật thì luôn luôn đúng dù Đức Phật hiện hữu trên thế giới hay không. Đức Phật chỉ là "chủ nhân" Giáo Pháp trong ý nghĩa này, ngài đã không thực sự tạo ra nó. Nó đã ở đây xuyên suốt thời gian.



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Tuy nhiên, trước Đức Phật không có ai đã tìm kiếm và phát hiện được sự thật bất tử này, sau đó dạy nó như là Giáo Pháp. Ngài đã phát minh ra Giáo Pháp, và nó mới có.

Ở một vài điểm nhận thức về thời gian, chân lý được chiếu sáng và sự thực hành của Giáo Pháp hưng thịnh (thời kỳ chánh Pháp). Khi thời gian tiếp tục và nhiều thế hệ mất đi, sự thực hành thoái hóa cho đến khi hoàn toàn mất dần Giáo Pháp (mạt pháp). Sau một thời gian Pháp Phật được tái lập và hưng thịnh một lần nữa. Khi thời gian này tiếp tục, những người hộ trì Pháp tăng lên, sự hưng thịnh bắt đầu (chánh pháp), và một lần nữa (sau khi hưng thịnh) Giáo Pháp bắt đầu theo bóng tối của thế giới. Và như thế cũng một lần nữa nó thoái hóa cho đến một lúc không còn trên mặt đất này (mạt pháp). Bóng tối lại cai trị một lần nữa, tiếp theo, nó là thời gian để thiết lập lại chân lý. Thực tế, sự thật không đi nơi đâu cả. Khi Chư Phật nhập diệt, Giáo Pháp không biến mất với các ngài.

Thế giới xoay vần như thế. Đó là một cái gì đó giống như một cây xoài. Cây trưởng thành, đơm hoa, kết quả và dần dần chín. Chúng nó trở thành mục nát và hạt giống đi về mặt đất để trở thành một cây xoài mới. Chu kỳ bắt đầu một lần nữa. Cuối cùng, có nhiều trái cây chín muồi tiến hành rơi, mục nát, chìm vào lòng đất với những hạt giống và phát triển một lần nữa thành cây. Thế giới cũng như thế đó. Nó không đi xa lắm, nó chỉ xoay quanh những điều cũ như thế.

Cuộc sống của chúng ta trong đời này cũng tương tự. Hôm nay chúng ta chỉ đơn giản là làm những điều cũ mà chúng ta đã làm. Mọi người suy nghĩ quá nhiều. Có rất nhiều điều để họ theo đuổi, nhưng những điều ấy chẳng đưa đến sự hoàn thành. Có các ngành khoa học như toán học, vật lý, và tâm lý học v.v... Bạn có thể đào sâu nghiên cứu vào bất kỳ ngành nào, nhưng bạn chỉ có thể kết thúc những gì với sự thật của chính mình.

Giả sử có một chiếc xe được kéo bởi một con bò. Các bánh xe không dài, nhưng đường đi thì dài. Khi con bò kéo chiếc xe, những dấu vết con đường sẽ theo sau. Bánh xe thì tròn nhưng đoạn đường thì dài; con đường thì dài nhưng các bánh xe chỉ là những vòng tròn. Chỉ cần nhìn vào một chiếc xe bò đứng một chỗ, bạn có thể không nhìn thấy bất cứ cái gì dài đối với nó, nhưng một khi con bò bắt đầu di chuyển bạn sẽ thấy những vết đường cứ kéo dài ra phía sau bạn. Khi con bò kéo, bánh xe tiếp tục quay... nhưng đến một ngày khi bánh xe bị ném ra khỏi yên cương của nó. Con bò bước đi và để lại chiếc xe ngồi ở đó. Các bánh xe không còn quay nữa. Trong khi chiếc xe rơi ra từng phần, các thành phần của nó trở về trong bốn yếu tố đất, nước, gió, và lửa.

Tìm kiếm hòa bình trong thế gian khi bạn kéo chiếc xe bò và những dấu vết bánh xe vô tận ở đằng sau bạn, giống như bạn lao theo thế gian không ngừng, không nghỉ. Nếu bạn chỉ đơn giản dừng lại sau đó, chiếc xe mới ngừng nghỉ, các bánh xe không còn quay vòng. Chạy theo vòng quay bánh xe thế gian không ngừng; tạo nghiệp bất thiện là như thế

đó, nếu mà bạn làm theo cách cũ không có dừng lại. Nếu bạn ngừng lại thì nghiệp sẽ dừng. Đây là cách mà chúng ta tu tập Giáo Pháp.

Thích nữ Tịnh Quang dịch
(nguyên tác Anh ngữ:
Living in the World with Dharma)

Bước Chân Hiền Triết

*Áo bông bênh đời du tăng khát sĩ
Mắt bình yên nhìn thế sự phù vân
Trao thức giả lời ngọc vàng minh triết
Tặng hiền nhân niềm cảm hứng nhân văn*

*Từng bước nhẹ vô danh cùng hoa cỏ
Bình bát bao dung đón nhận khen-chê
Tri siêu việt giữa tâm hồn khiêm hạ
Thấy Đạo rồi: tình thắm đượm từ bi.*

Tiếng Chuông Chùa Quê Tôi

*Tôi nhớ mãi làng quê tôi thuở ấy
Có mái chùa xưa che chở tâm linh
Ngày mưa nắng bao nẻo đường cơm áo
Tiếng chuông chùa khêu sáng ánh tâm minh*

*Chúng tôi lớn khôn theo tiếng chuông chùa
Tuổi thanh xuân sống quyện hòa ánh đạo
Xóa tự ti, bỏ gian tham, kiêu ngạo
Người gặp người trong đạo li từ bi*

*Bùng chiến tranh, làng tôi thành tang trắng
Khói lửa đạn bom cay nát quê hương
Kể từ ấy tiếng chuông chùa biệt xứ!...
Mấy chục năm trời nhớ thương nhớ thương*

*Ôi mơ ước tiếng chuông xưa trở lại
Thức tỉnh nguồn xuân trí tuệ-tâm linh
Để làng tôi sống mãi tình quê cũ
Để trao nhau trọn vẹn ánh thanh bình.*

TUỆ THIỀN – LÊ BÁ BÔN

LANG THANG NHƯ ÁNG MÂY TRỜI BỔNG BÈNH NHƯ BỌT NƯỚC PHƠI CHÂN GHỀNH

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Truyện kể rằng thuở nọ có một Sa-môn dốc tâm cầu đạo, quyết chí tu hành. Sư tha thiết dâng lễ Đức Thế Tôn, xin Ngài trao truyền yếu chỉ thiền quán, rồi một mình một bóng đi vào rừng sâu thực hành thiền định. Sau một thời gian dài nỗ lực cao độ, ngày đêm trầm tư quán tưởng về lẽ sanh-trụ-dị-diệt của vạn loại hữu tình, nhưng tia chớp liễu ngộ vẫn chưa lóe sáng trong tâm. Cây cảnh quanh sư vẫn hồn nhiên đâm chồi nảy lộc và thay màu đổi sắc theo chu trình xuân sanh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàng. Một cơn gió nhẹ thổi qua, dăm ba chiếc lá chao động lìa cành, rồi nằm trơ vơ trên mặt đất cho đến thời tan loãng theo vũ trụ vẫn xoay. Sư quán niệm hoài, thiền định mãi mà chưa khám phá ra nguyên nhân của sự tồn vong, luân chuyển. Một buổi mai nọ, nhìn những tia nắng vàng lung linh nhảy múa, khi ẩn khi hiện qua các cành lá rì rào, sư lại càng thắc mắc về lẽ sinh thành, hủy diệt. Sư quyết định tạm biệt núi rừng, trở về thỉnh Đức Thế Tôn trao cho một công án khác, phù hợp với khả năng và nguyện vọng của sư hơn.

Trên đường về Trúc Lâm, sư phải băng qua một khu đồi trọc, rồi đến một cánh đồng rộng. Mặt trời mỗi lúc một lên cao, độ nóng càng thêm gay gắt. Sư bỗng thấy một hiện tượng quái dị cứ chờn vờn ẩn hiện trước mặt. Sư đi thì nó đi. Sư đứng thì nó đứng. Sư chạy thì nó chạy như thể trên chọc sư. Sư tự hỏi không biết đó là phép mầu huyền bí hay hiện tượng ảo hóa thường xuất hiện ở những nơi đồng không mông quạnh. Bỗng đứng sư nhớ lại lời pháp thoại của Đức Thế Tôn:

*Này các thầy Tỳ-kheo,
Hãy trụ tâm thiền quán,
Pháp hữu vi tan loãng,
Như mây nổi, sương sa,
Như điện chớp lóe nhòa,
Như mộng mị huyễn hóa.*

Ngay tức khắc, sư trực nhận ra vòng sinh diệt của mọi hiện tượng đang quay cuồng theo nghiệp cảm duyên khởi và đang liên tục diễn ra trên cõi đời này. Cảm thấy sáng khoái, phấn khích, sư tiếp tục đếm từng bước thiền hành cho đến khi mặt trời đứng bóng. Phần nóng nực, phần đói khát và

thấm mệt, sư ngồi nghỉ mát dưới một tàng cây trên bờ sông A-chi-ra-va-ti (Aciravati). Một lát sau, sư xuống sông uống nước, tắm rửa và ngâm mình thư giãn trong dòng nước trong xanh; đoạn sư lên ngồi thanh thản trên một tảng đá bằng phẳng trong bóng râm, cạnh một dòng thác đang tuôn nước rào rào. Nhìn những chiếc bong bóng tròn vo, to tướng cứ liên tục nhấp nhô, sanh diệt theo sức ép của từng làn sóng luân phiên xô vào ghềnh đá, sư như bắt được của quý, miệng mỉm cười, nói: "À... ta thấy rồi. Sanh tử, tồn vong là thế!" Sư từ từ đi vào chánh định với niềm hỷ lạc vô biên.

Đức Thế Tôn bấy giờ đang nhập định trong thiền thất, thấy tướng mạo của sư uy nghi như núi Tu Di và rạng rỡ như ánh trăng rằm, Ngài cất lời tán thán: "Đúng thế! Đúng thế! Này Sa-môn. Những bong bóng nước và hiện tượng ảo hóa nhấp nhô sanh diệt thế nào thì vòng sanh tử miên trường của chúng sanh cũng nổi trôi tan biến như thế đó."

Ngài đọc kệ:

*Hình hài như huyễn hóa,
Thân xác tựa bọt bèo,
Bé tên hoa dục vọng,
Tử thần hết đổi theo.
(PC. 46)*

Thế Tôn vừa đọc kệ xong thì sư liền chứng quả A-la-hán với pháp lực nhiệm mầu, thần thông quảng đại. Trưởng lão xả thiền, tiếp tục hành trình về thăm Bổn Sư với tâm trạng ung dung thư thái, khinh khoái khôn lường. Trưởng lão vừa đi vừa tán thán dung nghi, uy lực của Đức Đạo Sư:

*Báo thân Phật tổ lộng ánh vàng,
Uy đức vang lừng khắp thế gian,
Mát nụ cười tươi - thiên đế phục,
Bao dung ánh mắt - quý vương hàng.*



TIÊU SỬ BỒ TÁT THÍCH QUẢNG ĐỨC

Môn Đồ Pháp Quyển soạn

Hòa thượng Thích Quảng Đức, Pháp danh Thị Thủy, Pháp tự Hành Pháp và thế danh là Lâm văn Túc, sinh năm 1897 tại làng Hội Khánh, quận Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, thuộc miền Trung Việt Nam, trong một gia đình có bảy anh chị em, thân phụ là cụ Lâm Hữu Ứng và mẫu thân là cụ bà Nguyễn thị Nương.

Năm lên 7, Hòa thượng xuất gia tu học với Hòa thượng Thích Hoảng Thâm, vừa là Thầy bốn sư, vừa là cậu ruột. Ngài được Hòa thượng Hoảng Thâm nhận làm con chính thức, nên lấy tên là Nguyễn văn Khiết.

Năm 15 tuổi Hòa thượng thọ giới Sa Di, năm hai mươi tuổi thọ Tỳ Kheo giới. Thọ giới xong Hòa thượng vào một ngọn núi Ninh Hòa phát nguyện tịnh tu ba năm, bắt dứt mọi liên lạc với thế giới bên ngoài (về sau ngài đã trở lại ngọn núi này để thành lập một ngôi chùa lấy hiệu là Thiên Lộc). Sau khóa tu ba năm, ngài rời núi để bắt đầu công cuộc hoằng dương Phật Pháp, nhưng hai năm đầu, Hòa Thượng đã thực hiện pháp hạnh đầu đà, một mình với chiếc bình bát khất thực đó đây để gieo duyên lành với chúng sanh. Sau hai năm mãn nguyện, ngài trở lại nhập thất tại Chùa Sắc Tứ Thiên Ân tại Ninh Hòa, gần thành phố Nha Trang.

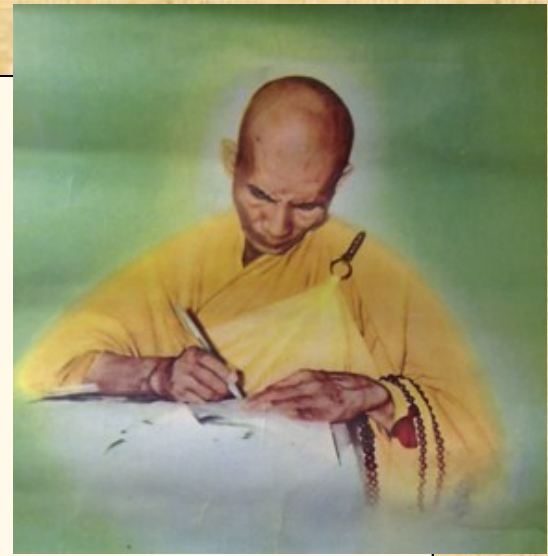
Năm 1932, Hội An Nam Phật Học ra đời, đại lão Hòa Thượng Hải Đức đến tận nơi ngài đang nhập thất thăm hỏi và mời ngài về làm chứng minh Đạo sư cho Chi Hội Phật Giáo Ninh Hòa trong ba năm. Sau đó ngài nhận nhiệm vụ Kiểm Tăng trong tỉnh Khánh Hòa.

Trong thời gian hoằng Pháp tại các tỉnh miền Trung, Hòa thượng Quảng Đức đã kiến tạo hoặc trùng tu tất cả là 14 ngôi Chùa.

Năm 1934, rời Khánh Hòa vào miền Nam để tiếp tục sứ mạng bảo vệ và phát triển Chánh Pháp, Hòa Thượng đã đi khắp các tỉnh miền Nam để giáo hóa. Hòa Thượng cũng từng đến Campuchia hai năm để học hỏi và nghiên cứu kinh điển theo truyền thống Theravada.

Cũng như ở miền Trung, hai mươi năm hành đạo ở miền Nam, ngài đã khai sơn và trùng tu 17 ngôi chùa.

Như vậy, ngài đã có công xây dựng hoặc trùng tu tất cả 31 ngôi chùa. Ngôi chùa cuối cùng, nơi ngài trụ trì là Chùa Quan Thế Âm, số 68 Nguyễn Huệ, quận Phú Nhuận, Gia Định (nay con đường này đã đổi thành chính tên của ngài là Thích Quảng Đức).



Tương cũng nên nhắc lại, ngài đã từng giữ chức vụ Phó Trị sự và Trưởng Ban Nghi Lễ của Giáo Hội Tăng Già Nam

Việt trong một thời gian khá lâu. Trước đó, theo theo lời thỉnh cầu của Ban Trị Sự, ngài có lúc đã nhận nhiệm vụ trụ trì Chùa Phước Hòa, trụ sở đầu tiên của Hội Phật Học Nam Việt. Khi trụ sở này dời về chùa Xá Lợi, ngài xin thôi việc để có đủ thời gian an tâm tu niệm.

Ngày 20 tháng Tư nhuận năm Quý Mão, nhằm ngày 11/6/1963, trong một cuộc diễn hành của gần 1000 tăng Ni để đòi hỏi chính sách "Bình Đẳng Tôn Giáo" và sự tôn trọng lá cờ Phật giáo, Hòa Thượng Quảng Đức đã nhận ra được Chánh Pháp là ngọn đuốc thần soi sáng thể nhân, còn thân ngũ uẩn chỉ là giả tạm; Ngài bèn quyết định thực hành nguyện ước là tự thiêu thân để cúng dường Phật Pháp, và cũng làm để làm động cơ thúc đẩy chính phủ giải quyết gấp rút năm nguyện vọng của Phật giáo và giải tỏa cho ba ngôi chùa ở Huế đang bị vây khốn.

Chính vì thâm nguyện ấy cho nên ngài đã tự tẩm xăng ướt mấy lớp cà sa, rồi ngồi kiết già ở giữa tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt (nay là Nguyễn Đình Chiểu và Cách Mạng Tháng Tám), Ngài đã tự tay châm ngọn lửa. Ngọn lửa bốc cao phủ kín thân mình, ngài vẫn an nhiên chấp tay tĩnh tọa, gương mặt không lộ vẻ hãi sợ, lo âu. Gần mười lăm phút sau, lửa tàn và ngài đã ngã xuống, trên tay vẫn còn quyết ấn cam lồ.

Và đây là lời nói cuối cùng của ngài trước khi giác linh theo ngọn khói về cùng với Phật:

"Trước khi nhắm mắt về cảnh Phật, Tôi trân trọng kính gởi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm, nên lấy lòng bác ái, từ bi đối với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thủa".

"Tôi tha thiết kêu gọi chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, Phật tử nên đoàn kết nhất trí, hy sinh để bảo tồn Phật giáo".

Dù ngài đã thị tịch, nhưng hình ảnh của ngài vẫn khắc sâu in đậm vào lòng của người con Phật. Cái chết vô cùng cao quý của ngài đã gây xúc động mạnh trong mọi giới, là một gương sáng cho toàn thể Phật giáo đồ trên khắp thế giới.

TÁCH TRÀ BUỔI SÁNG VÀ NHỮNG MẬT NGÔN TÌNH CỜ

Huệ Trân



Mỗi tuần, tôi có một ngày để làm hai việc tuyệt vời. Đó là, thứ nhất: làm thình, thứ hai: không làm gì cả!

Hôm nay đang là phút giây tuyệt vời đó.

Sau những ngày lạnh bất thường, nắng sáng nay rất đẹp, vàng óng và ấm áp. Cây cỏ hoa lá rộ lên niềm vui. Mọi cánh cửa mở rộng để nắng ghé vào, mang hương thơm của đất trời chuyển hóa. Không mùi hương nhân tạo nào so sánh được với hương gió núi mây ngàn. Ít nhất, chủ quan tôi như thế.

Một ngày đẹp như vậy, được tự tại với hai việc: làm thình và không làm gì cả, thì có tuyệt vời không! Chậm rãi pha một bình trà.

Hốt nhiên, tôi thích thú với ý tưởng khởi lên rõ rệt "Tôi không đang PHẢI LÀM cái việc pha trà, mà là ĐANG HƯỞNG sự pha trà".

A! Bấy lâu nay, hàng ngày ta làm đủ thứ việc, lẫn lộn giữa những cái "phải làm" và những cái "đang hưởng" mà mấy khi nhận rõ như thế. Cũng hành động đó, cũng công việc đó, nhưng làm bằng trạng thái "hưởng", tất hạnh phúc gấp bội hơn là "phải".

Vậy, cánh cửa niềm vui là ở đây chăng? Đâu là chìa khóa chuyển hóa "phải" thành "hưởng" để ta tra vào ổ khóa của cánh cửa này?

Trà sen bạn cho đã lâu, nhưng được ủ kỹ nên hương vẫn còn ngát. Sen mọc dưới ao bùn mà lại mơ màng tới bốn câu kệ Làng Mai:

*Trà trên đỉnh núi Tản
Nước giữa lòng sông Đà
Thiền vị chỉ một ngụm
Tịnh Độ đã sinh qua.*

Vì căn bản nội điển còn yếu kém nên trước đây, mỗi khi nghe hai tiếng "Tịnh Độ" là tôi chỉ có thể nghĩ đến cõi Tây Phương Tịnh Độ của Đức Phật A Di Đà. Sau này, nhờ dần dần được học thêm, tôi mới biết, tùy căn cơ chúng sanh, Đức Phật đã chỉ bày tới bốn thế giới Tịnh Độ tiêu biểu, chứ không chỉ một.

Còn nhớ, khi biết điều này, tôi vô cùng hứng khởi, như kẻ đang dọ dẫm, được dắt từ cái hữu hạn tới cái mệnh mông vô hạn.

Mỗi thế giới Phật cũng đã mệnh mông, nhưng từ một, tới vô cùng mệnh mông, không là trùng trùng duyên khởi cho lũ khách đường xa gặp nước mát ư?

Khi Đức Phật tới thành Xá Vệ thuyết giảng kinh A Di Đà dưới hình thức "vô vấn tự thuyết", nghĩa là không ai hỏi mà tự giảng. Nguyên do, vì khi đó, vua Ba Tư Nặc quá yêu kính Đức Phật và Tăng đoàn nên đã ban một sắc luật hy hữu: "Nếu là người xuất gia thì dù phạm tội gì cũng không bị trừng phạt". Do

khe hở quá lớn của sắc luật đó, mà nhiều thành phần bất lương đã len lỏi vào Tăng đoàn để lợi dụng làm nhiều điều bất thiện. Họ đã quy tụ tới sáu nhóm ác tăng mà dân chúng thời đó gọi là Lục Quần Tỳ Kheo!

Những vị chân tu không thể chung sống trong môi trường bất tịnh, nên cùng nhau xin với Đức Phật để được rời đi nơi khác. Đức Phật bèn khuyến tấn họ nên nhiếp tâm niệm Phật thì dù hoàn cảnh xung quanh thế nào, cũng chiêu cảm được mười phương Chư Phật.

Và thế giới Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà được Đức Phật Thích Ca giới thiệu trước thính chúng, như sự khẳng định hứa khả đối với những ai có tín tâm bất hoại.

Đó là dấu mốc đầu tiên để hành giả pháp môn Tịnh Độ nương vào thế giới này như một Điểm Tới Lý tưởng, khi thân tứ đại tan rã nơi cõi ta-bà.

Nhưng thế giới Phật không ngừng ở đó.

Khi sự sinh hoạt của Tăng đoàn tạm yên ổn, thành phần ác tăng, kẻ được chuyển hóa, kẻ bị lộ diện không nơi ẩn núp, đành tự rời đi, thì Đức Phật đã tạo điều kiện để tăng chúng phát khởi Bồ Đề Tâm.

Và Pháp Hội Yêm La thành hình ở thành Ca Tỳ La Vệ.

Nơi đây, hình ảnh Thế giới Tịnh Độ không phải chỉ là Tây Phương Cực Lạc, với ao thất bảo, với chim thuyết pháp, mà thính chúng trong Pháp Hội Yêm La không chỉ thụ động thính pháp. Tinh thần của Pháp Hội là thính chúng vừa được chứng kiến, vừa đóng góp vào sự nhiệm mầu của tương quan giữa cá nhân và tập thể. Pháp hội, với số lượng đông đảo hàng nhiều chục ngàn vị, đủ cả Phạm Thiên, Bồ Tát, Tỳ Kheo, nhưng tất cả đều nhận được lời Phật dạy, theo căn cơ và sở đắc riêng của mình nên tâm mỗi vị đều trở nên thanh tịnh. Mỗi tâm thanh tịnh đó đã tương quan với nhau, thành Thế Giới Phật Thanh Tịnh.

Ở cõi Tịnh Độ này, sự quán tâm là chính.

Ở cõi Tịnh Độ Tây Phương, lấy câu trì danh hiệu Phật A Di Đà làm chuẩn.

Nhưng rất ráo, quán tâm và trì danh hiệu Phật để làm gì? Có phải để đạt được đoạn trừ phiền não, tiến tới giải thoát nghiệp chướng, ra khỏi vòng sinh tử luân hồi?

Cũng thế, theo căn cơ chúng sanh, Đức Phật dẫn dần tới cõi Tịnh Độ ở Kinh Hoa Nghiêm với tư tưởng đại thừa "Trùng trùng duyên khởi" và Kinh Pháp Hoa với lời hứa khả "Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật".

Như thế, mọi điểm đi (hình thức) có khác, mà mọi điểm tới (kết quả) thì như nhau. Suy ra, hành

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

giả chọn pháp môn nào, hướng về Thế Giới Tịnh Độ nào, cũng khởi từ tâm mình. Tu Thiền mà đạt tâm thành thới thì cũng như tu Tịnh mà đạt tâm an lạc.

Người tu thiền chạm vào công án "*Người niệm Phật là ai?*" có khác người tu Tịnh, kiên trì với từng chuỗi hạt "*Nhất tâm bất loạn*"?

Một con chim bay ngang bờ hiên, cất tiếng gọi bạn, chợt đưa tôi về với tách trà, về với hai việc của ngày tuyệt vời là: Làm tỉnh và không làm gì cả!

Nếu nhìn qua lăng kính tích môn, tôi đang làm tỉnh và không làm gì cả. Cái thân tứ đại vẫn đang ngồi yên, không nói và không làm.

Nhưng nhìn qua lăng kính bản môn, nghĩa là nhìn sâu vào những bước đi của tâm linh, thì dường như tôi đang nói nhiều và làm nhiều.

Khi tâm khởi lên hình ảnh những Thế Giới Tịnh Độ thì bỗng nhiên cái công án nổi tiếng "*Niệm Phật thị thủy?*" (Người niệm Phật là ai?) cũng đồng thời hiện ra. Công án này được coi là cây cầu nối liền giữa Thiền và Tịnh, mà một lần Sư Ông Làng Mai đã gợi ý, là người tu Tịnh mà giải được công án này thì sẽ trở thành thiền- sư.

Không thấy ghi lại ở đâu, có hành giả tu Tịnh nào đã giải công án này, nhưng con đường tìm học, tự nó, không hề tự dựng nên rào cản nào. Hành giả mọi pháp môn, mọi căn cơ, trong lúc nâng tách trà, nhấp một ngụm, đều có thể bằng khoáng tự hỏi "*Người niệm Phật là ai?*"

Người học Phật, đều biết trên Lý, rằng vạn hữu, gồm mọi người, mọi loài, đều biến diệt, đổi thay từng sát na. Lớn như hòn núi, đứng đó khi ta chưa sanh, còn đó khi ta chết đi, tưởng như nó vô sanh bất diệt. Nhưng sự thực nào phải thế! Sự biến chuyển, hao mòn của núi chỉ là quá chậm, quá nhỏ đối với kích thước của nó, khiến ta không thấy mà thôi. Rồi phải tới lúc, nó không là rặng núi, mà chỉ là ngọn đồi, tang hải hóa nương dâu, huông chi thân người mong manh! Cái gì biến hoại, cái đó là Vô Thường.

Trái với núi, những biến diệt trên thân người có thể thấy thật gần, thật rõ. Tóc mới xanh, nay đã bạc, đẹp để bao lâu, mà nay xấu xí, mới vừa khỏe mạnh, nay sao ốm o Phàm những gì đổi thay, thành hoại, cái đó là vô thường. Thân ta đã vô thường, còn chấp cái Ngã nào là ta không?

Có một giai thoại khi hành giả về tham thiền, hỏi thiền sư Duy Khoang:

- Thưa thiền sư, đạo ở đâu?

Thiền sư buông gọng hai tiếng:

- Trước mắt!

Hành giả chau mày:

- Con không thấy.

Thiền sư tội nghiệp:

- Vì người đang bận nghĩ tới Ta và Người.

Hành giả hào hứng, như câu giải đáp sắp tới đích:

- Thiền sư thấy không?

- Nếu ta cũng đang bận nghĩ về Ta và Người thì ta không thấy.

Kiên nhẫn tới đây, hành giả tin rằng câu giải đáp phải ngay sau câu hỏi kế tiếp. Bèn hỏi:

- Nếu không còn bận nghĩ gì về Ta và Người thì thiền sư có thấy không?

Thiền sư cười lớn:

- A ha! Khi tâm đã rỗng rang, không bận nghĩ gì về Ta và Người thì làm gì còn ai hỏi, để mà trả lời đạo ở đâu, thấy hay không thấy!

Tách trà suýt rơi khỏi tầm tay khi giai thoại này bất ngờ tung một móc xích vào công án oái oăm: "*Người niệm Phật là ai?*"

Khải bạch Như Lai,

Trong Bát Nhã Bát Thiên Tụng, có đoạn: "*Tâm Như Lai không trụ bất kỳ ở đâu. Không trụ trên các pháp hữu vi, không trụ trên các pháp vô vi. Do đó, không hề rời khỏi sở trụ.*"

Thiện tai! Thiện tai!

Vậy thì, Sở Trụ này ở đâu? Phải chăng Sở Trụ này chỉ do Thức, khởi lên từ Vô Thức? Nó vốn Như Thị. Nó vốn Như Thế. Nó được gọi là Sở Trụ mà lại chẳng phải là Điểm Trụ; vì nếu là Điểm Trụ, nó sẽ ngăn đường đến cảnh Phật! "*Ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*" Hãy để cho tâm tự tại khởi lên, can chi phải cố định nó ở nơi nào!

Đến đây thì "*Người niệm Phật là ai?*"

May quá, phút trước đỡ kịp tách trà; chứ không, phút này lấy gì thắm giọng mà hào sảng ngâm lên hai câu bất hủ của Thiền sư Chân Nguyên:

Vì Người đưa một nét,

Đầu núi ánh dương hồng.

Nào hay, sức mạnh ngút ngàn vô song của nội lực trí tuệ tiềm ẩn trong mỗi tâm-sanh mới dừng mảnh nhường nào!

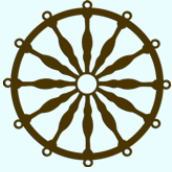
Bình trà buổi sáng của kẻ phàm phu chưa cạn, đã thấy thấp thoáng bóng Ngài Trúc Lâm trên non Yên Tử, thông dong đãi khách một Thiền Trăng:

"Bình xưa dốc nguyệt, trời khuya nấu trà!"

Huệ Trân

(Tào-Kê tịnh thất- một ngày tĩnh lặng)





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ

CHÙA BÁT NHÃ

Bat Nha Meditation Institute of America—Bat Nha Buddhist Temple

803 S. Sullivan Street, Santa Ana, CA 92704

Tel: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

THÔNG BÁO

KHÓA TU HỌC MÙA HÈ

Ngày 23, 24 tháng 6 năm 2012 (Dành cho Phật tử tại gia)

Kính thưa quý Phật tử.

Trong thời gian từ ngày 20-30 tháng 6 năm 2012, hàng trăm Tăng Ni trên toàn quốc Hoa Kỳ sẽ tham dự khoá An Cư nêu cao tinh thần giới luật, do GHPGVNTN HK, tổ chức tại chùa Bát Nhã. Khi Chư Tăng dừng chân kiết hạ thì hàng Phật tử tại gia góp phần công đức hộ trì và gieo duyên tu học, cần cầu thọ giới pháp với tâm nguyện: Tam Bảo thường trụ giữa thế gian để lợi lạc hữu tình. Để khóa Tu Mùa Hè 2012 được ổn định trang nghiêm và thành tựu viên mãn. Ban tổ chức xin thông báo:

Thời gian tu học dành cho Phật tử tại gia: trong 2 ngày - **Ngày 23 và 24 tháng 6 năm 2012**

Địa điểm tổ chức : **Tại CHÙA BÁT NHÃ và JEROME CENTER: 726 S. Center, Santa Ana, CA 92704** (góc đường Monta Vista Ave & Center gần chùa, có Parking rộng rãi, phòng học tiện nghi)

Những điều lưu ý:

- Nên mặc đồ màu lam (không bắt buộc theo kiểu mẫu nhất định)
- Nên đem theo áo tràng lam nếu có
- Thời khóa tu học từ 08 am đến 09 pm (trong thời gian 2 ngày 23,24 tháng 06).

Thể lệ ghi danh:

- Liên lạc về chùa Bát Nhã trực tiếp ghi danh tham dự khóa học.
- Hoặc chọn mẫu đơn trên www.batnhacalifornia.com điền vào phiếu ghi danh: và gửi email đến ancukietha2012@yahoo.com.
- Hoặc ghi danh qua điện thoại : 714-571-0473 – Fax : 714-568-1009

Khóa Tu Học Mùa Hè năm 2012 là thời gian trải nghiệm tâm linh vô giá qua các thời Pháp thoại của Chư Tôn Đức Tăng Ni. Đây là cơ hội quý báu của người Phật tử thực tập các pháp hành căn bản của Phật Giáo để làm nền tảng vững chắc khi phải đối diện với đời sống phức tạp bất an, hướng đời sống tâm linh đến chân thiện mỹ..Với sự tận tâm và nhiệt tình của Ban Tổ Chức, hy vọng rằng Khóa Tu đầu tiên này sẽ để lại dấu ấn khó phai trong lòng của người con Phật . Hình ảnh khóa tu học mùa hè năm 2012 và danh sách quý vị tham dự sẽ được đăng trên website : www.batnhacalifornia.com.

TM Ban Tổ chức
Viện chủ Chùa Bát Nhã
HT. THÍCH NGUYỄN TRÍ

TRÍ QUANG TỰ TRUYỆN: Không vẫn hoàn không

Trần Kiêm Đoàn



Trong đạo lập thân của người xưa – lập công, lập đức, lập ngôn – thì lập ngôn thường được cho là quan trọng nhất, vì đó là phần “hình nhi thượng”, là tinh hoa tư tưởng cá biệt của một dòng đời mang tính truyền thừa lâu dài và sâu xa cho hậu thế. Người đem hết năng lực tinh thần và tri thức của đời mình để lập ngôn thì thành nhà tư tưởng, triết gia. Người đem chất liệu đời mình để viết lại thì thành tác giả tự truyện, hồi ký. Người đem tiểu sử đời mình ra đánh bóng, trang hoàng, rao bán thì thành nhà... chính trị kinh doanh! Nhưng dẫu ở mức độ nào thì cũng khó lòng đem ra so sánh, cân đo khi không có cùng mẫu số. Cũng đều xuất phát từ con người làm điểm tựa, nhưng sẽ thiếu công bằng nếu đem những tứ đại kỳ thư, những áng kim cổ hùng văn hay thiên hạ danh văn để so với những bài thơ *Thăng Bờm có cái quạt mo*, những bài ca dao truyền miệng... vì mẫu số chung của cảm tính văn nghệ chẳng tương đồng. Tuy nhiên, trong ý nghĩa tinh túy nhất mà cũng rất thường tình của nhân sinh, “cái thích” hay sự cảm thụ và sáng tạo văn chương nghệ thuật thì không ai giống ai vì cái ngã sở chặn đường bit ngõ theo lối mòn một chiều “có thì có tự may, khi không cả thể gian này cũng không!”. Từ đó dẫn tới cái thương, cái ghét càng lúc càng xa với những gì hiện thực “thương ai thương cả đường đi, ghét ai ghét cả tông chi họ hàng!”

Tác phẩm nghệ thuật thường được ví von như những cơn mưa. Có những trận mưa – mưa rào, mưa tình, mưa pháp – mà con người và muôn vật được hưởng lợi lạc hay phải chịu đựng cơn mưa phù hợp với căn tính của từng đối tượng: Con để mèn ca hát rất cổ hưởng được một giọt mưa ngọt lịm; con chim non bị ướt tổ lạnh run; con kiến cỏ bị chết trôi chới với; người nông dân có được nước đầy đồng... Chẳng ai giống ai. Bởi vậy, mọi giá trị của vạn vật đều tương đối. Nhưng trong tương đối đã có sẵn một điều tuyệt đối, đó là sự khác biệt và đồng nhất đều cùng một thể: “Không lại hoàn không!”

Và, đó cũng là kết luận của “Trí Quang Tự Truyện”. Đây là một tác phẩm hồi ký của Hòa thượng Thích Trí Quang, một danh tăng Phật giáo thế hệ Chiến tranh Việt Nam đang bước vào độ tuổi 90.

Có thể nói mà không phải dè dặt rằng, trong số các hồi ký của những nhân vật lịch sử, trong cũng như ngoài nước, có liên quan đến dòng lịch sử Chiến tranh Việt Nam thì hồi ký của thầy Trí Quang là một trong những tác phẩm được chờ đợi nhiều nhất.

Văn chương tự cổ không bằng cố, nên khen hay chê tự nó không quan trọng mà quan trọng là mức độ khách quan, công bằng và tính trong sáng của sự khen chê. Và, quần chúng nói về một đối tượng sao bằng chính đối tượng được nhắc nhở đó tự nói về mình. *Trí Quang Tự Truyện* là những điều thầy Thích Trí Quang tự nói về mình.

Từ đầu năm 2011, tuy đã được đọc các bài giới thiệu và trích đoạn của tập sách này trên mạng lưới truyền thông nhưng mãi đến khi về thăm quê vào tháng 3-2012 tôi mới đọc được bản chính toàn tập. Sách dày 216 trang, nhà xuất bản Tổng Hợp tại Sài Gòn. In 3000 cuốn, xong ngày 22-7-2011. Tác giả viết xong ngày 24-4-2011. Sách không chia thành chương, mục mà được phân thành 47 đoạn viết theo lối hồi ức, tự truyện. Không có một hình ảnh nào minh họa từ bìa đến nội dung.

Trí Quang Tự Truyện đã gây ra những luồng phản ứng tuy không sôi nổi theo kiểu... “siêu sao”; nhưng tương đối rộng rãi đối với quần chúng trong cũng như ngoài nước; đặc biệt là đối với giới trí thức và Phật tử lớn tuổi đã từng sống trong chiến tranh và trải nghiệm thực tế qua những biến cố lịch sử đầy thăng trầm của đất nước. Đa số bày tỏ sự thất vọng vì hồi ký không “ngang tầm” với tác giả. Người ta chờ đợi một thiên hồi ký có “tầm vóc thời đại”. Nghĩa là những pho sách dày với những công bố phơi bày nhiều bí ẩn lịch sử, những “giải mã” sự kiện còn nằm trong góc khuất, những lý giải hùng hồn về các hiện tượng đầy thâm cung bí sử, những biện minh đầy thuyết phục nỗi oan khuất của đạo pháp và dân tộc, những chứng lý rạch ròi thân phận nhược tiểu trên bàn cờ quốc tế... Nghĩa là với tầm vóc của một nhân vật tu sĩ Phật giáo đã từng là khuôn mặt trung tâm cho cuộc tranh đấu đòi tự do, bình đẳng tôn giáo của Phật giáo năm 1963 và những cuộc biểu tình đòi cải cách chính trị thời 1966 đã làm chấn động Việt Nam và dư luận thế giới như thầy Thích Trí Quang thì sẽ có cả một kho tàng dữ liệu và vô số lý giải cho cả một thời kỳ đầy biến động chiến tranh, chính trị và xã hội để viết ra trong hồi ký. Thêm vào đó, thầy Trí Quang còn là tác giả, dịch giả, luận giả uyên bác và đáng tin cậy của nhiều tác phẩm Phật học nội điển và luận thư trong khoảng 70 năm qua. Bề dày của những công trình biên dịch và tham luận có giá trị là những điều kiện “ắt có và đủ” cho một tác phẩm hồi ký lớn của Thầy ra đời. Hoặc ít lắm thì cũng là những hồi ức đầy “thương hiệu thành danh” của ta và của người vào

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

hàng Retrospect của Robert McNamara hay Political Memoirs của Malcom Fraser... và của nhiều nhân vật danh tiếng Việt Nam đã xuất bản chẳng hạn.

Nhưng *Trí Quang Tự Truyện* đã thanh thản ra đời như một cô gái Việt chân quê trên diễn trường hoa hậu quốc tế làm cho người ta ngạc nhiên.

Những ngày mưa tháng Hai của Huế, lên chùa Châu Lâm không cách xa chùa Từ Đàm là mấy, được ăn cơm chay với thầy Thiện Phước trong vườn lan đủ màu tự trồng, tự tưới của Thầy, trưa vào nghỉ ở nhà tịnh của chùa và đọc *Trí Quang Tự Truyện* nguyên bản in của anh Trần Tuấn Mẫn báo Văn Hóa Phật Giáo gởi cho, tôi cảm thấy an tịnh và gần gũi với tập sách hơn.

Trong khu vườn thiền lâm, thầy Trí Quang là một hành giả với bút lực dồi dào từ khi còn trẻ tới hồi đại lão như hôm nay. Nói về công phu biên dịch kinh sách, chỉ riêng năm 2011 thôi, thầy Trí Quang đã hoàn thành nhiều công trình trước tác thâm uyên với 3 bộ sách đã in ấn và phát hành là: Tổng Tập Giới Pháp Xuất Gia gồm 2 tập, mỗi tập hơn nghìn trang và Nhiếp Luận, 334 trang. Bởi vậy, khi cầm *Trí Quang Tự Truyện* trên tay, có lẽ tôi không nên trịnh trọng gọi đây là một tác phẩm hồi ký đầy chữ nghĩa to tát mà nên gọi đây là những dòng tâm bút của một sơn tăng giữa thị thành đang sống với tánh thường rỗng lặng "không vẫn hoàn không".

So với những tác phẩm mang tính nội điển mà thầy Trí Quang đã cẩn trọng biên dịch - nghiêm cẩn trong từng cụm từ và chỉnh chu trong từng luận giải - thì *Trí Quang Tự Truyện* nhẹ như tơ hào. Tác giả viết ra những sự kiện, kể lại chuyện đời mình bằng một lối văn chân phương - lại có khi rề rà không trau chuốt - dễ dãi như người bình dân ngồi kể chuyện Tấm Cám.

Trong suốt 50 năm qua, nhân vật Thích Trí Quang thường được (hay bị) môi trường truyền thông đại chúng trong cũng như ngoài nước nhắc nhở khá sôi nổi và không ít thường xuyên trong hàng tu sĩ Phật giáo Việt Nam đương thời. Sự nhắc nhở xuất hiện dưới nhiều dạng thức và từ nhiều góc

độ: Giữa đường, lẽ phải, lẽ trái, trên mây, dưới hồ... Nhưng không phải vì lời khen hay chê mà một dòng sông trở thành trong hay đục. Chẳng phải vì được ca tụng hay bị đá kích qua ngô thị phi mà một nhân vật trở thành thánh hay phàm. Đầu phải vì yêu hay ghét mà một tác phẩm trở thành hay hoặc dở. Thầy Trí Quang - cũng như mọi nhân vật cộng đồng tên tuổi đã thành danh - có một vị trí và thể đứng riêng trong lòng người và trong lịch sử. Nhưng trong tự truyện, sau khi kể chuyện đời mình từ nhỏ đến lớn; từ thân chú tiểu mới xuất gia cho đến vai trò lãnh đạo Phật giáo thành tựu, tác giả tự kết luận về đời mình: "...cuộc đời tôi 'không vẫn hoàn không', không có gì đáng nhớ, đáng nói. Ngay như sự tự truyện này, vì không thể không có, nên phải viết và phải in, mà thôi. 'Không vẫn hoàn không' là Phật cho, tôi mới được như vậy."

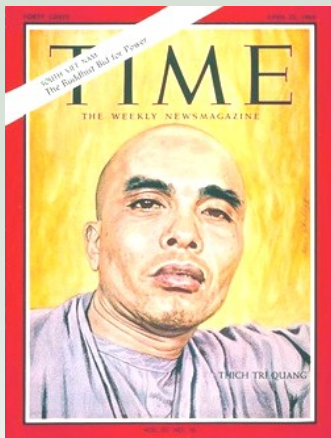
Chính vì "chân không" mà cuộc đời thành "diệu hữu". Nhà tu thật ngôn là người hành động trong vô vi; nghĩa là thông tay vào chợ mà không dính mắc, đối mặt với sấm sét giữa đời mà coi như hoa đóm giữa hư không.

Khuynh hướng nhất quán về "không" có mặt trên từng trang sách của *Trí Quang Tự Truyện*. Nội dung tự truyện kể lại nhiều biến cố và hành động trong chặng đời 90 năm của một hành giả đứng giữa gọng kềm lịch sử như thầy Trí Quang mà vẫn mang một phong vị tĩnh lặng an nhiên. Sự an nhiên có được khi yếu tố tác nghiệp không hoành hành. Đó là khi nhu cầu biện minh, giải thích, thuyết phục, khen chê, vinh danh, bài xích... không thể hiện qua ngòi bút và chữ nghĩa, ngôn từ của người viết. Nhờ vậy, người đọc tự truyện cảm thấy thanh thản theo dõi những gì xảy ra và được tác giả ghi lại mà tâm không bị động bởi những cảm xúc dấy bụi nhất thời.

Đạo Phật là con đường đưa đến giải thoát. Đó là một trạng thái tự do đứng ngay chính giữa hai bờ đối đãi của yêu-ghét, vui-buồn, khen-chê, sống-chết... Tuyệt nhiên không còn bị dính mắc vào hệ lụy của phóng tâm biên kiến đời thường đầy phiền não. Tâm Phật là tâm không không rỗng lặng. Chỉ trong không không rỗng lặng này - tinh thần "không trung vô hữu tuyệt đối" của Bát Nhã - thì Phật và chúng sanh mới thành nhất thể. Vì như thiền sư Thường Định Kaido Ashahi Nhật Bản nói trong *Thiền Tập Quán Niệm Trên Núi Tuyết* rằng: "Một đời đi qua, nếu còn một hạt bụi ngã nhân nào vướng lại ở trần gian này thì kẻ tác tạo hạt bụi đó vẫn còn bị cột buộc. Người đó còn phải quay lại trả nghiệp cho đến khi hạt bụi kia chẳng còn vướng vất giữa trần thế, trong tâm thức và giữa hư không... thì mới mong thấy được khung cửa nghìn xưa quay về nẻo Đạo." Phải chăng vì muốn phải sạch đôi "hạt bụi ngã nhân" còn vướng trên khung cửa nghìn xưa quay về nẻo đạo mà Hòa thượng Trí Quang phải miến cưỡng bận lòng trong *Tiểu Truyện Tự Ghi*, rằng: "Truyện của tôi không đáng gì mà phải ghi. Chỉ vì truyện ấy, hơn vài thập kỷ trước thập kỷ 2530 (1975-1985), có liên quan đến Phật giáo VN, lại bị hư cấu truyện và phim sai quá nên phải ghi. Nhưng ghi như dưới đây thì chỉ là có còn hơn không mà thôi."



TT. Thích Trí Quang (hàng trước, bên trái) chấp tay,
HT. Thích Trí Thủ cầm loa (photo 1966)



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Xác định về một thái độ hành xử như thế, thầy Trí Quang làm cho những người học Phật đời sau nhớ tới tinh thần tùy duyên hành đạo và sống đạo của Phật giáo đời Trần. Vua Trần Nhân Tông khi đã gác kiếm chống quân Nguyên, thay chiến bào bằng áo cà sa, nghe thị giả hỏi rằng, đâu là chỗ khác nhau giữa việc đời bôn ba và việc đạo an nhiên tự tại, đã đọc bài kệ:

*Sống đời vui đạo cứ tùy duyên
Khi đói thì ăn, mệt ngủ yên
Của quý đầy nhà đâu phải kiếm
Thấy cảnh lòng không khởi hỏi thiền*

*(Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề, khổn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền)*

Như thế phải chăng “vô tâm tức là đạo?” Khi có người hỏi về khái niệm này, Tuệ Trung Thượng Sĩ, thầy của Phật hoàng Trần Nhân Tông đã đọc bài kệ:

*Vô tâm là vô đạo
Có đạo chẳng vô tâm
Tâm đạo đều trống rỗng
Biết nơi đâu mà tầm?*

*(Bổn vô tâm vô đạo
Hữu đạo bất vô tâm
Tâm đạo nguyên hư tịch
Hà xứ cánh truy tầm?)*

Điều Tuệ Trung muốn nói là cần đập vỡ những khái niệm tương tác không có thật giữa củ khoai và con kiến. Làm gì có con kiến mà kiến củ khoai. Làm gì có tâm và đạo hiện hữu như hai đối thể phân biệt khi tâm và đạo là nhất thể. Tâm và đạo không phải là hai hình tướng để mô tả và phân biệt mà cần thực chứng trong rỗng lặng, an nhiên qua một trong nhiều phương tiện quán chiếu thiện xảo nhất của Phật giáo là thiền định. Đạo Phật là con đường thực chứng cuộc đời chứ không phải phủ nhận hay xa lánh cuộc đời như ngộ nhận. Đạo giữa đời và đời giữa đạo. Bình thường giai thị đạo.

Nhà tu là một người phạm trang bị tính thánh chứ không phải là thánh. Bởi thế, tu hành cũng là một quá trình vật lộn với chính mình vì nghiệp và luân hồi là một chân lý vận hành khách quan. Bất luận Phật tử xuất gia hay tại gia, đã tu mấy đời hay nhiều đại kiếp, khi chưa đắc đạo thành Như lai, Bồ tát, Thanh văn, Duyên giác... thì vẫn còn trực tiếp chịu sự chi phối của Nghiệp. Mục Kiền Liên là đại đệ tử đệ nhất thần thông của đức Phật đã tu qua nhiều đại kiếp, đã từng xuống tận địa ngục A Tỳ cứu Mẹ mà trong kiếp cuối cùng, trước khi đắc đạo, vẫn phải trả Nghiệp tiền kiếp. Ngài đã bao lâu ẩn tàng,

mặc cho bọn cướp vây quanh tha hồ biếm nhẽ. Nhưng chỉ một phút tác động của Nghiệp đã để lộ nguyên hình cho bọn cướp ủa tới phanh thây. Tên cướp và thiền sư khác nhau ở chỗ là ai đang tạo nghiệp và ai đang giải nghiệp mà thôi.

Bởi thế, “tùy duyên...” là phong thái hành hoạt của người theo đạo Phật. Tất cả đều có sẵn tự thân tâm. Làm vua gặp quân xâm lăng: Đánh! Làm thầy gặp chuyện bất bằng: Chống! Gặp đời phiền não: Tu! Hết một đời: Thân nhiên ra đi như thay áo. Gặp chuyện thị phi đời thường: Im lặng như chánh pháp. Khi cần lập ngôn: Nói năng như chánh pháp. Có gì quan trọng – khi một tợ hào cũng không còn hiện hữu trong tánh không rỗng lặng – đâu mà phải cần hư vọng, hư danh như bia đá để tên, lưu danh sử sách, bỉ thử khen chê.

Trong khung cảnh Phật giáo, *Trí Quang Tự Truyện* viết ra để ghi lại những chuyện đời thường của chính tác giả. Nhưng tất cả đều không vượt ra ngoài tự tánh của chư pháp “không lại hoàn không” và tác giả đã hành xử; đã sống và viết trong cái không mênh mông rỗng lặng đó. Tiếng chuông công phu khuya từ chùa Hàn Sơn ngày xưa giống lên từ một sơn tăng đã trở về với tự tánh rỗng lặng. Nhưng Trương Kế và muôn vạn đời sau đã “bắt gặp” và cảm nhận như thế nào là cả một hợp duyên “thân bảo” muôn màu muôn vẻ khó thể nghĩ bàn. Khi tiếng chuông tự nó là tiếng chuông thì sẽ không khú, không lai, không thừa, không thiếu. Tiếng chuông cũng chỉ là một pháp... không lại hoàn không.

*Huế - Cali., mùa Phật Đản 2556 (2012)
Trần Kiêm Đoàn*



ĐỌC THƠ TUYỆT CÚ

Lam Nguyên

Có một số người thích viết và thích đọc thơ “tuyệt cú 絕句”, vì thơ tuyệt cú có những nét độc đáo. Nay chúng tôi giới thiệu một trong những bài tuyệt cú mà nhiều bậc tiền bối của chúng ta đã ưa thích là bài “Nam Hành Biệt Đệ 南行別弟” của Vi Thừa Khánh 韋承慶 nhưng có một số sách Trung Hoa cho rằng bài này có tên là “Ký Nhân” mà tác giả là Thôi Đạo Dung như sau:

Ký Nhân

Đạm đạm Trường giang thủy,
Du du viễn khách tình.
Lạc hoa tương dữ hận,
Đáo địa nhất vô thanh.

Thôi Đạo Dung

寄人

淡 淡 長 江 水,
悠 悠 遠 客 情。
落 花 相 與 恨,
到 地 一 無 聲。

崔道融

Cụ Bùi Khánh Đản dịch bài *Nam Hành Biệt Đệ* của Vi Thừa Khánh:
*Trường giang trôi lặng lẽ
Tình viễn khách ngủi ngủi
Hoa cũng chung lòng hận
Âm thầm cánh nhẹ rơi.*

Và Cụ dịch bài 2:

*Lững lờ dòng nước Trường
giang
Ngậm ngùi tình khách mênh
mang một trời
Hoa kia cũng hận theo người
Đầy trên mặt đất cánh rơi âm
thầm.*

Còn nhà thơ Tuấn Việt đã phỏng dịch bài Ký Nhân của Thôi Đạo Dung như sau:

*Mênh mông giòng Trường
giang,
Viễn khách lòng mang mang.
Hận tình theo hoa rụng,
Chạm đất không tiếng vang.*

Và bài dịch 2 của nhà thơ Tuấn Việt :

*Nhìn sông nước bao la
Mang mang tình viễn khách
Hận lòng rụng theo hoa
Không tiếng vang chạm đất.*

Người xưa thường bảo thơ “Tuyệt Cú” phải lấy “thần vị” làm chủ - vị là màu, là mùi hương-. Còn Dương Ngư Vương lại gọi là “thần vận” - vận là tiếng đồng thanh với nhau. Thơ tuyệt cú bị hạn hẹp trong bốn câu nên thi nhân phải khéo léo mới tìm ra được câu ngắn mà chứa đựng ý thâm sâu. Phê bình gia Tẩy Đặc Lâm gọi là “cú đoàn ý thâm”. Thơ “thất tuyệt” đã khó mà làm thơ “ngũ tuyệt” lại khó hơn nữa - xin đừng lầm với “ngũ ngôn” vì ngũ ngôn có thể dài hơn 4 câu!

Trong bài “Ký Nhân” này tác giả Thôi Đạo Dung đã lấy 2 chữ “giang thủy 江水” làm cảm hứng. Sở dĩ thi sĩ họ Thôi dùng “đạm đạm 淡淡” là để tả thể nước đầy mà không chảy xiết nên nhà phê bình Tẩy Đặc Lâm đọc xong bài “Ký Nhân” đã viết: “Trường giang chi thủy, nhất vọng vô tể” (Nước trường giang nhìn không thấy bến bờ đâu cả!). Thi sĩ họ Thôi đã dùng 3 chữ “viễn khách tình 遠客情” để tả tâm trạng lữ khách nhìn nước mà chợt nhớ đến thân phận lưu lạc của mình. Thường đối cảnh hay sanh tình nên thi nhân đã hạ bút “trường giang thủy 長江水” trước, rồi mới tiếp 3 chữ “viễn khách tình” sau. Tác giả dùng điệp ngữ “du du 悠悠” để tả lòng mình như nước mênh mang vậy! Vì thể thơ “tuyệt cú” câu đầu gọi là “khởi”, câu thứ 2 là “thừa” mà làm sao “ý ý” phải hỗ trợ cho nhau, không thể đơn điệu được vì phải nói lên nội dung mình bạch. Còn câu thứ 3 phải chuyển tả cảnh hưởng tâm tình như trong bài “Ký Nhân” này.

“Lạc hoa tương dữ hận lạc / 落花相與恨” (Hoa rơi hận cũng rơi theo).

Trong thi văn Trung Hoa thường dùng chương pháp “Phiên tiến nhất tăng” - nghĩa là Tiệm tiến như lật từng trang giấy - Phương pháp “Thiên liên nhi hạ” - như ve kêu trầm bổng, tiếng này liên tiếp tiếng kia - Bài “tuyệt cú” trên thi sĩ Thôi Đạo Dung đã dùng chương pháp “Thiên liên nhi hạ” vì ta thấy từ chữ “thủy 水” dẫn xuống chữ “tình 情” rồi tình đưa dần đến chữ “hận 恨” và cuối cùng thi sĩ đã kết bài thơ bằng 2 chữ “vô thanh 無聲” nên khi đọc xong bài thơ ta có cảm giác man mác buồn! Tác giả dùng “lạc hoa 落花” để đưa đến “hận 恨” qua trung gian 2 chữ “tương dữ 相與” để chỉ tình cảnh của hoa lạc này lại cũng là tình cảnh của thi nhân, hận vì không có người thân bên cạnh, hận vì lưu lạc trên đất khách quê người như tâm trạng của chiếc hoa rơi xuống đất không một tiếng động hay nói đúng hơn không một tiếng than! Từ câu đầu dặt lặn xuống câu thứ tư - tức câu kết - “Đáo địa nhất vô thanh 到地一無聲”, thật là lặng lẽ buồn thảm vô cùng!

Một bài thơ hay như vậy nên được tiền nhân khen là “thần bút 神筆” cũng không lấy gì làm ngoa!

Ghi chú:

Trong quyển dịch Đường-thi của Cụ Trần Trọng Kim thì bài thơ này mang tựa đề “Nam Hành Biệt Đệ” và tác giả bài thơ này của Vi Thừa Khánh. Còn trong quyển “Thi Từ Bình Thường” của Tây Đặc Lâm (Trung Hoa Thư Cục Ấn Hành) thì mang tựa đề là “Ký Nhân” và tác giả là Thôi Đạo Dung. Ngoài ra 2 chữ “đạm đạm 澹澹” trong quyển Đường-thi của Cụ Trần khác với chữ “đạm đạm 淡淡” của họ Thôi. Vậy kính mong quý thức giả bổ túc nghi vấn văn học này để chúng tôi được thọ giáo, cảm ơn!



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

LTS: Bài này được trích từ thi phẩm cùng tên "Lửa Từ Bi" của Cố thi sĩ Vũ Hoàng Chương (1916 – 1976), xuất bản năm 1963, có lẽ là sau khi Bồ-tát Thích Quảng Đức tự thiêu, hoặc sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ. Trước sự vĩ đại của ngọn lửa Quảng Đức, nhà thơ nói "vần điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác," tự cho là không ngôn ngữ nào có thể diễn bày được niềm kính ngưỡng của mình đối với vẻ cao cả tốt vời của đức hy sinh vì Chánh Pháp và phúc lạc của Dân tộc. Dù ông tự phê ngôn ngữ thi nhân bất lực, rơm rác, đã 50 năm qua, vẫn chưa thấy bài thơ nào vượt qua được bài *Lửa Từ Bi* trong sự vinh danh, tán thán nguyện lực của Bồ-tát Quảng Đức. Có thể nói rằng, thơ ông đã "cháy lên theo với lời Kinh tụng cho Nhân loại hòa bình," cháy theo ngọn lửa bi hùng và chạm đến được vạt áo của Bồ-tát với trái tim bất diệt. Thơ như vậy, dù khiêm nhường thế nào, cũng đã bắt hủ trong nền văn học sử Phật giáo, và Dân tộc. (Vinh Hào)

Lửa Từ Bi

(Kính dâng lên Bồ tát Quảng Đức)

*Lửa! lửa cháy ngát tòa sen!
Tám chín phương nhục thể trần tâm
hiện thành THỜI, quỳ cả xuống.
Hai Vàng Sáng rung rung
Đông Tây nhòa lệ ngọc
chắp tay đón một Mặt-trời-mới-mọc
ánh Đạo Vàng phơi phơi
đang bừng lên, dâng lên.*

*Ôi! Đích thực hôm nay trời có mặt;
giờ là giờ Hoàng đạo nguy nga!
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
nhìn nhau: tình Huỳnh đệ bao la.*

*Nam mô Đức Phật Di Đà
Sông Hằng kia bởi đâu mà cát bay?
Thương chúng sinh trầm luân bể khổ
NGƯỜI rẽ phăng đêm tối đất dày
bước ra, ngôi nhập định, hướng về Tây;
gọi hết lửa vào xương da bỏ ngõ,
Phật Pháp chẳng rời tay.*

*Sáu ngả Luân hồi đâu đó
mang mang cùng nín thở,
tiếng nấc lên ngừng nhịp Bánh xe quay.
Không khí vẩn mình theo
khóc òa lên nổi gió;
NGƯỜI siêu thăng
giông bão lắng từ đây.
Bóng NGƯỜI vượt chín tầng mây,*

*nhân gian mát rọi bóng cây Bồ Đề.
Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc
lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi;
chỗ NGƯỜI ngồi: một thiên thu tuyệt tác
trong vô hình sáng chói nét Từ Bi.*

*Rồi đây, rồi mai sau, còn chi?
ngọc đá cũng thành tro
lụa tre dần mục nát
với Thời gian lê vết máu qua đi.
Còn mãi chứ! Còn Trái-Tim-Bồ-Tát
gội hào quang xuống tận ngục A-tỳ.*

*Ôi ngọn lửa huyền vi!
thế giới ba nghìn phút giây ngờ ngác
từ cõi Vô minh
hướng về Cực lạc;
vần điệu của thi nhân chỉ còn là rơm rác
và chỉ nguyện được là rơm rác,
THƠ cháy lên theo với lời Kinh
tụng cho Nhân loại hòa bình
trước sau bền vững tình Huỳnh đệ này.*

*Thôn thức nghe lòng trái Đất
mong thành quả Phúc về cây;
Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật;
đồng loại chúng con
nắm tay nhau tràn nước mắt,
tình thương hiện Tháp-Chín-Tầng xây.*

(Sài-gòn tháng 5, Phật lịch 2507, tháng 6-1963)

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

MỘT ÍT THÔNG HIỂU VỀ CƠ THỂ HỌC VÀ SINH LÝ HỌC

Bs. Đỗ Minh Hạnh

Nhiếp Hộ Tuyến hay còn gọi là Tiền liệt tuyến (Prostate) là một tuyến nhỏ bằng cỡ quả táo tàu thuộc bộ phận sinh dục của người nam nằm phía dưới bàng quang (Bladder) và bọc quanh niệu quản (Urethra) tức là ống dẫn nước tiểu ra ngoài.

Khi lớn tuổi, tuyến này hay bị triệu chứng sưng to làm cho đi tiểu khó khăn, đau đốn và dễ bị nhiễm trùng. Bệnh sưng Nhiếp hộ tuyến (Benign Prostate Hyperplasia - BPH hay Enlarged Prostate) phần nhiều là do ảnh hưởng của quá trình lão hóa nên đàn ông càng lớn tuổi, càng nhiều người mắc chứng bệnh này. Nhiếp hộ tuyến có thể sưng to bằng trái quýt. Trên toàn nước Mỹ, theo thống kê của CDC (Center for Disease Control), có khoảng 10 triệu người đàn ông mang chứng bệnh này.

Ngoài ra những tế bào nhiếp hộ tuyến sinh sôi tăng trưởng càng phi đôi khi cũng có thể trở thành tế bào ung thư (Prostate Cancer) và phát triển không ngừng nghỉ có khi lan truyền ra ngoài đến nhiều bộ phận khác bên trong cơ thể.

Đàn ông chết vì ung thư Nhiếp hộ tuyến đứng hàng thứ 2 tại Hoa Kỳ. Lý do vì bệnh tiến triển chậm thường không có nhiều triệu chứng đau đốn, chưa có thuốc và phương pháp trị liệu hiệu quả và rất khó khăn để tìm ra bệnh. Giai đoạn từ trạng thái chỉ Sưng nhiếp hộ tuyến nói trên (Hyperplasia) đến ung bướu lành (Benign state) đến có triệu chứng ung thư (Malignant state) không ai biết là bao lâu và điều kiện nào khiến bệnh tình chuyển đổi như thế.

[Benign là triệu chứng còn lành chưa phải là ung thư, trái với Malignant là những tế bào đã mang tính chất ung thư rồi, cả hai đều là Cancer.]

Ung thư nhiếp hộ tuyến có thể được truy tầm bằng

- Bác sĩ chuyên môn trực tiếp khám nghiệm qua hậu môn
- Thử máu chất PSA (prostate-specific antigen), và ECPA-2
- Siêu âm – ultrasound, PET scan hay MRI
- Phương pháp trị liệu gồm có:
- dược phẩm làm giảm chất PSA, hạ thấp kích thích tố phái nam androgens (Proscar, Hytrin)
- radiation
- phẫu thuật (prostatectomy, transurethral prostate resection, laser ablation, laser enucleation...)

Nhưng theo Reuters Health, một cơ quan truyền thông của Mỹ tại New York, chuyên tường trình về sức khỏe thì gần đây qua thống kê tài liệu y học thì tại nước Mỹ có quá nhiều đàn ông được đưa đi chữa trị căn bệnh ung thư nhiếp hộ tuyến này lúc chưa cần thiết, hoặc chữa trị một cách quá năng nổ trong khi

bệnh tình của họ còn trong giai đoạn không mấy hiểm nghèo.

Nhất là những bệnh nhân đã cao tuổi 80-90 trở lên, ung thư của họ thuộc loại low-risk (tức không lan truyền ra ngoài), nếu không chữa trị, họ cũng chỉ chết già chứ không chết vì ung thư. Những bệnh nhân này với tuổi đời đã cao, mà bệnh tình không làm họ đau đốn thân thể, chữa trị với tính cách gọi là curative treatment (vì có bệnh nên phải trị) thật tình thì rất là uổng phí và cũng chẳng mang lại lợi lạc cho họ. Cơ quan này cho rằng chỉ vì chữ CANCER làm cho cả bệnh nhân cả bác sĩ đều lo sợ đôi khi đưa đến tình trạng chữa trị chưa cần thiết cho lắm.

Bác sĩ Cary Gross tại đại học y khoa Yale bang Connecticut cho biết, theo dự đoán của American Cancer Association thì sẽ có thêm khoảng 242,000 người được chẩn đoán mang bệnh ung thư nhiếp hộ tuyến vào năm 2012, và họ cũng tiên đoán sẽ có 28,000 người chết vì chứng ung thư này.

Bác sĩ Gross và đồng nghiệp của ông trong chương trình nghiên cứu này đã xem xét lại tất cả tài liệu của cơ quan Medicare Hoa Kỳ để theo dõi tiến trình điều trị của những bệnh nhân ung thư nhiếp hộ tuyến định vị (tức loại ung thư bên trong nhiếp hộ tuyến thôi, không lan ra ngoài) tuổi từ 67 đến 84 trong thời gian từ năm 1998 đến 2007.

Và đây là những kết quả gom góp được:

64% của gần 40,000 ca mệnh danh là ung thư "low-risk" đã được điều trị

hầu hết số người này được chữa trị trong vòng chín tháng đầu từ ngày bệnh họ được chẩn đoán

với những bệnh nhân rất già, tuổi thọ dự đoán chỉ khoảng 5 năm thì con số được đưa đi chữa trị gia tăng từ 38 % năm 98-99 đến 52% vào những năm 2007-2008

còn những người trẻ hơn với tuổi thọ trên 10 năm thì đến 80-81% người được điều trị cho dù họ chỉ là những ca "low-risk"

Ông kết luận: nếu bác sĩ không điều trị một căn bệnh có thể đưa đến cái chết cho bệnh nhân tất nhiên là đã không làm tròn bổn phận lương y, nhưng điều trị những bệnh nhân trong trường hợp không mang nhiều lợi ích cho họ, theo ông nhiều khi sẽ chỉ tạo nguy hiểm thêm cho người bệnh trong quá trình chữa trị và làm gia tăng chi phí y dược và bảo hiểm. Cơ quan Medicare Hoa kỳ đã phải trả khoảng chi phí khá lớn trong những trường hợp điều trị chưa cần thiết này.

Bác sĩ Gross khuyên quý ông khi được chẩn đoán bệnh ung thư nhiếp hộ tuyến nên hỏi bác sĩ chuyên khoa của mình về những lợi lạc cũng như nguy hiểm trong mọi phương pháp điều trị. Đôi khi chỉ cần tích



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

cực kiểm tra giám sát bệnh tình thường xuyên thô cũng đủ để theo dõi tình trạng thay đổi tốt xấu trong nhiếp hộ tuyến.

Chính những bác sĩ chuyên khoa ngành này đôi khi cũng rất khó định đoạt khi nào nên chỉ tích cực giám sát theo dõi hay nên điều trị mạnh tay hơn.

Bác sĩ Charles Bennett, chuyên ngành ung thư nhiếp hộ tuyến (Prostate Oncologist) tại bang South Carolina có một bài viết rất thú vị trong Tập san Archives of Internal Medicine, kể lại khi chính ông khám phá mình mang bệnh ung thư nhiếp hộ tuyến và quá trình điều trị của ông.

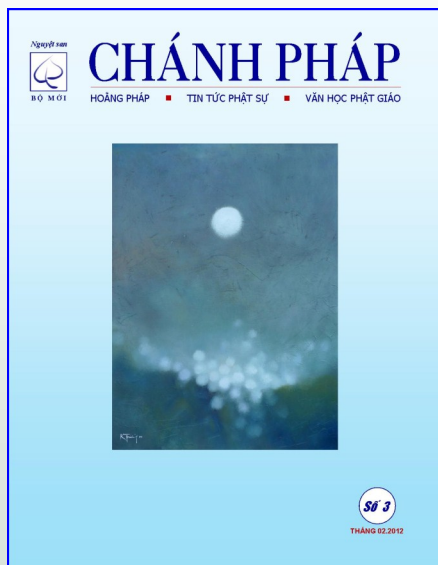
Ông kể từ năm ông 50 tuổi, lượng PSA trong người ông cứ tăng dần, và sau lần sinh thiết (biopsy) để chẩn đoán chắc chắn những tế bào trong nhiếp hộ tuyến của ông mang tính chất ung thư (malignant cells), ông quyết định phẫu thuật cắt bỏ toàn bộ nhiếp hộ tuyến (Prostatectomy).

Năm năm sau, cả tay và chân trái của ông bị yếu hẳn đi, ông không còn có thể chạy bộ 5 miles mỗi ngày như ông thường ưa thích môn thể thao này trước đó. Ông bảo cho dù chính ông là một người "bệnh nhân" rất thông hiểu về căn bệnh này, ông cũng đã chọn sai lầm.

Một bác sĩ khác chuyên môn về ngành ung thư này, Ông Eric Klein ở Cleveland, Ohio cũng đồng ý là cả bác sĩ, bệnh nhân và gia đình họ không thường xuyên chọn phương pháp giám sát theo dõi tích cực thay vì điều trị ngay lập tức. Ông nói hầu hết ai cũng sợ khi nghe chữ CANCER, bệnh nhân và gia đình họ thường cuốn quýt lên đòi chữa trị ngay.

Một ca phẫu thuật prostatectomy có thể lên đến 12,000 usd. Ông khuyên bác sĩ và người bệnh đều phải cứu xét thương lượng cho chính chắn giải pháp nào tốt nhất, lợi lạc và ít nguy hiểm nhất cho người mang chứng bệnh ngặt nghèo này.

Bs. Đỗ Minh Hạnh



PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN NGUYỆT SAN CHÁNH PHÁP

Nguyệt san Chánh Pháp phát hành nhằm mục đích bảo tồn văn hóa Dân tộc và hoằng dương Phật Pháp, không chủ trương bán. Quý độc giả và Phật-tử phát tâm bảo trợ hoặc đặt bảo dài hạn, xin điền phiếu sau đây để hỗ trợ ân phí và cước phí gửi báo đến tận tay quý vị.

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

Mỗi tháng: ____ (), \$25 (), \$50 (), \$100 ().

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (), Nửa năm (), Một năm (), Hai năm ()

2) ĐẶT BÁO DÀI HẠN:

(Đơn vị tiền tệ nơi đây là US dollars)

* Tại Hoa Kỳ: Một năm (12 số): \$60 ()

* Tại Canada: Một năm (12 số): \$90 ()

* Âu, Úc, Á: Một năm (12 số): \$120 ()

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền ủng hộ: \$ _____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

CHÁNH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.

LIÊN LẠC Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Email: baivochanhohap@gmail.com

ĐỌC VÀ ỦNG HỘ
BÁO CHÁNH PHÁP
LÀ GIÁN TIẾP GÓP PHẦN
HOẰNG TRUYỀN PHẬT ĐẠO,
LỢI ÍCH CHÚNG SANH,
BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC

MỘT SỐ TƯ LIỆU MỚI VỀ BỒ TÁT QUẢNG ĐỨC

TRÍ SIÊU - LÊ MẠNH THẮT

LTS: Đây là chương cuối cùng đúc kết các tài liệu mà Gs. Lê Mạnh Thát đã tìm thấy và khảo sát từ những năm qua. Các tài liệu này được in thành tác phẩm tư liệu giá trị, bổ túc rất nhiều cho phần tiểu sử và hành trạng của vị Bồ-tát có một không hai của Phật giáo Việt Nam thế kỷ 20.

CHƯƠNG IV MẤY NHẬN XÉT

Thông qua 27 văn kiện vừa công bố trên, trong đó có 14 văn kiện trực tiếp liên hệ đến Bồ tát Quảng Đức, chúng ta rút ra mấy nhận xét sau:

Thứ nhất, đối với Bồ tát Quảng Đức, kể từ lúc xuất gia vào khoảng năm 1904 cho đến trước năm 1945, trong hơn 40 năm này, ngoài thời gian còn nhỏ, bồ tát đã có những hoạt động Phật sự rất sớm. Chẳng hạn, Văn kiện ngày mồng 6 tháng 6 năm Khải Định thứ 2 (1917), tức Văn kiện số 20 của Chương III, đã ghi nhận vào thời điểm ấy, lúc mới 20 tuổi, bồ tát đã giữ chức tri sự của tổ đình Long Sơn. Tri sự là một chức vụ tương đối quan trọng trong chùa, chỉ đứng sau vị trú trì hay giám tự, lo quán xuyến đời sống kinh tế của chùa từ việc ăn uống hằng ngày của tăng chúng cho đến kỳ giỗ tu sửa xây cất chùa.

Chùa Long Sơn lúc ấy không phải ngôi chùa nhỏ nằm trong một vùng heo hút không có người ở. Trái lại, bấy giờ, cũng từ Văn kiện số 20 vừa nêu, ta biết bốn sư của Bồ tát là thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoảng Thâm đang làm giáo thọ, còn giám tự chùa là thiền sư Vô Vi.

Ngoài ra, căn cứ vào Văn kiện ngày 12 tháng 12 năm Duy Tân thứ 2 (1907) về việc cúng ruộng của thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoảng Thâm công bố ở Chương II trên, ta biết tối thiểu chùa Long Sơn có tới 16 mẫu ruộng phải quản lý. Chắc chắn Bồ tát Quảng Đức với tư cách tri sự của chùa phải trực tiếp

coi sóc 16 mẫu ruộng vừa nêu, ngay cả khi ta giả thiết Bồ tát đem ruộng cho người làm mướn.

Sự thật thì việc đem ruộng chùa cho mướn tại vùng Vạn Ninh vào thời điểm ấy không xảy ra phổ biến, như ta tưởng. Chỉ cần đọc lại Văn kiện ngày 10 tháng giêng Bảo Đại 16 (1941), tức Văn kiện số 5, ta thấy vào thời điểm ấy việc trùng tu tổ đình Linh Sơn thiếu tiền, Bồ tát Quảng Đức muốn cho mướn ruộng, để lấy thêm tiền chi trả việc trùng tu, bồ tát phải viết văn kiện ấy để xin quan huyện Vạn Ninh cho phép. Điều này chứng tỏ việc cho mướn để lấy tiền thu tô không đơn giản chút nào, chùa phải trình cho chính quyền huyện cho phép mới thực hiện được. Và đó là chưa kể phải thông qua sự cho phép của chính quyền sở tại là lý hào xã Hiền Lương. Vì thế, mười

sáu mẫu ruộng của chùa Long Sơn thời đó phải được tri sự chùa Long Sơn là bồ tát Quảng Đức trực tiếp canh tác.

Sau thời gian làm tri sự chùa Long Sơn, và khi bốn sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoảng Thâm viên tịch vào năm 1921, bồ tát Quảng Đức thọ tang thầy mình xong, đã đến cầu pháp với thiền sư Thanh Chánh Quảng Đạt Phước Tường (1867-1932) tại chùa Thiên Bửu (thượng) xã Điềm Tịnh ở Ninh Hòa khoảng những năm 1925 về sau nếu kể luôn 3 năm nhập thất tại hòn Núi Đất thôn Mỹ Trạch xã Ninh Hà huyện Ninh Hòa. Chính vì cầu pháp với thiền sư Thanh Chánh Quảng Đạt Phước Tường, nên Bồ tát mới có thêm pháp hiệu Nhơn Tri. Nhân đây, cần nói thêm là sau khi thiền sư Hoảng Thâm viên tịch, một số đệ tử đã đến cầu pháp với thiền sư Phước Tường, nên có các pháp hiệu Nhơn Thọ, Nhơn Hoảng, Nhơn Sanh, Nhơn Duệ v.v...

Đến năm 1933, Bồ tát đã đến trùng tu lại chùa Thiên Ân xã Phước Thuận nay là xã Ninh Đông huyện Ninh Hòa, rồi đến năm 1937 đã làm đơn xin sắc tứ cho chùa Thiên Ân. Trước đó, năm 1935, Bồ tát đã đến khai sơn chùa Thiên Lộc trên đỉnh đồi Núi Đất, như biển chùa Thiên Lộc đã ghi (hiện đang treo



Bồ Tát Thích Quảng Đức
(1897 – 1963)

tại chùa Thiên Tứ). Tiếp theo, sau khi tổ Thiên Hương viên tịch vào đầu năm 1939, Bồ tát Quảng Đức đã được mời về làm trú trì tổ đình Linh Sơn. Một loạt văn kiện do Bồ tát Quảng Đức viết để quyên góp cho việc trùng tu tổ đình Linh Sơn cùng việc xin sắc tứ cho tổ đình đã xuất hiện từ những năm 1940 đến năm 1944. Không những thế, Bồ tát còn đứng ra mở rộng đất đai của chùa.

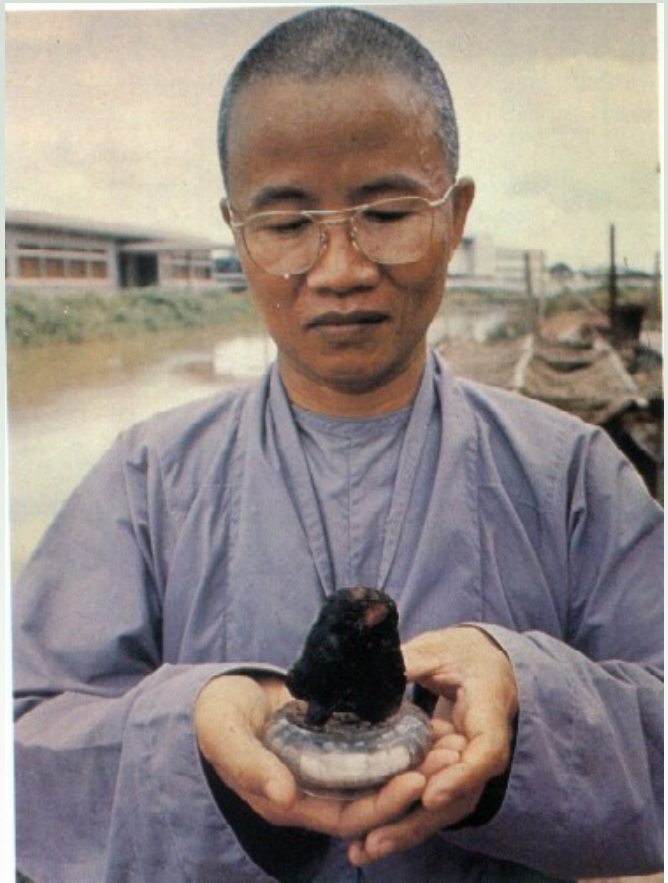
Như vậy, thông qua số văn kiện liên hệ đến Bồ tát Quảng Đức, ta có nhận thức rõ hơn về các hoạt động Phật sự của Bồ tát trong nửa đầu thế kỷ XX. Đây là giai đoạn hoạt động hết sức tích cực của Bồ tát Quảng Đức tại vùng Vạn Ninh cũng như tỉnh Khánh Hòa, mà kết quả là 14 ngôi chùa đã có những gắn kết với Bồ tát. Theo thống kê thì trong đời của Bồ tát đã trùng tu và khai sơn 31 ngôi chùa, trong đó 17 ngôi ở miền Nam và 14 ngôi ở miền Trung. Về 14 ngôi ở miền Trung này, ta hiện đã xác minh được.

Có một chi tiết mà Văn kiện ngày 12 tháng 6 năm Bảo Đại thứ 12 (1937), tức Văn kiện số 2 ở trên đề cập tới là việc Bồ tát Quảng Đức có gốc gác là “nguyên từng cứu phẩm bá hộ cổ tích Thiên Ân tự yết ma”. Thế thì, tại sao vị Yết ma Quảng Đức của chùa Thiên Ân lại có chức từng cứu phẩm bá hộ. Phải chăng để hợp thức hoá việc xuất gia của Bồ tát Quảng Đức nên thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoảng Thâm đã mua cho Bồ tát 1 hàm từng cứu phẩm văn giai và chức bá hộ, để khỏi bị sưu dịch ở quê nhà, khi Bồ tát đã đến tuổi trưởng thành? Điều này còn cần làm rõ thêm trong tương lai.

Để có một quá trình hoạt động Phật sự tích cực, dẫn cuối cùng đến sự kiện lịch sử vị pháp thiêu thân ngày 11 tháng 6 năm 1963, tức ngày 20 tháng 4 nhuận năm Quý Mão, Bồ tát đã có sự giáo dưỡng tác thành của thầy tổ, đặc biệt là thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoảng Thâm chùa Long Sơn và tổ Chơn Hương Thiên Quang của tổ đình Linh Sơn. Qua các văn kiện, từ số 15 đến số 27 công bố trên, ta thấy các vị thầy tổ này đã có những hoạt động Phật sự tích cực không kém trong sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh bảo vệ Phật giáo trong giai đoạn đất nước đang trải qua cuộc đấu tranh để phục hồi chủ quyền của đất nước. Những văn kiện vừa nêu từ đó đã cho ta một cái nhìn khá rõ nét không chỉ về Bồ tát Quảng Đức cùng thầy tổ, mà còn cả về một giai đoạn Phật giáo và đất nước đầy những biến cố bi hùng.

Thứ hai, về thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoảng Thâm, với văn kiện cúng 22 mẫu ruộng cho ba chùa là Long Sơn, Linh Sơn và Long Hòa vào năm Duy Tân thứ hai, ta biết thiền sư chắc chắn xuất thân từ một gia đình tương đối khá giả. Chỉ có vấn đề là trong văn kiện cúng ruộng ấy, thiền sư đã nói chuyện đem “pháp khí tự sản tinh tự điền”, tức pháp khí, tài sản của chùa cùng ruộng chùa, để đem cúng cho ba chùa vừa nói. Vậy, phải chăng ruộng mà thiền sư đem cúng cho các chùa, là ruộng thuộc ngôi chùa tư của cha mẹ thiền sư?

Sự thật tên chùa Long Sơn xuất hiện từ việc đúc chuông vào tháng 2 và cúng ruộng vào tháng Chạp của năm Duy Tân thứ 2 (1907). Trước đó ngôi chùa này có tên là Thánh Kinh, mà ta còn thấy xuất



TT. Thích Huyền Quang (năm 2003 được suy tôn ngôi vị Đệ Tử Tăng Thống GHPGVNTN) nâng trái tim bất diệt của Bồ-tát Thích Quảng Đức—photo 1963.

hiện trong bài minh chùa Long Sơn. Nói rằng năm Thành Thái thứ 10 (1899) tổ Hoảng Thâm dựng chùa Long Sơn, thực ra là dựng chùa Thánh Kinh này. Cho nên, khi văn kiện cúng ruộng cho chùa Long Sơn, Linh Sơn và Long Hòa ghi là đem “tự điền và tự khí” để cúng, thì thực chất là đồ dùng và ruộng đất của chùa Thánh Kinh vừa nói.

Theo lời truyền lại của các vị bô lão làng Phú Cang, thì vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, thiền sư Hoảng Thâm đã phát canh nhiều ruộng đất tại làng ấy. Làng này là một làng tiếp giáp với rừng, có một cánh đồng khá rộng dưới chân núi. Số ruộng, mà thiền sư Hoảng Thâm đem cúng cho ba chùa, phải chăng là số ruộng phát canh mà dân làng nói tới? Đây là một vấn đề cần nghiên cứu thêm, mới có thể làm rõ được.

Thứ ba, về tổ Chơn Hương Thiên Quang, dù gốc gác từ Phú Yên vào hoằng hoá tại vùng Vạn Ninh, tổ đã có một ảnh hưởng rất lớn lên người dân vùng này. Nhờ thế, tổ đã huy động được sự đóng góp của nhiều giới Phật tử vào các Phật sự khác nhau từ việc xây chùa đúc tượng cho đến việc mở rộng đời sống hoạt động kinh tế của chùa. Đặc biệt là tổ đã thành công đào tạo được một lớp đệ tử mà sau này đủ khả năng và đức độ để giáo dưỡng và tác thành nên Bồ tát Quảng Đức.

Không những thế, sinh hoạt Phật sự thông qua việc quyên góp và lễ hội của chùa đã tạo nên một dạng tổ chức Phật giáo nối kết những người Phật tử tại những địa phương khác nhau thành một tập thể có tính thống nhất, nhằm thực hiện những công trình Phật giáo. Dạng tổ chức này cho đến bây giờ

chưa có một nghiên cứu đầy đủ. Hai mươi hai Văn kiện trên sẽ giúp cho chúng ta một phần tư liệu cho công tác nghiên cứu vừa nêu. Nói tóm lại, số tư liệu liên hệ tới những hoạt động Phật sự của bồ tát Quảng Đức tại vùng Khánh Hòa như vậy đang hứa hẹn nhiều cái nhìn mới về tình hình Phật giáo của giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX với nhiều biến cố của nó.

Thông qua các văn kiện này, vấn đề truyền thừa trong dòng thiền của bồ tát Quảng Đức đã có thể được vẽ lại. Ta đã biết thầy của bồ tát Quảng Đức là thiền sư Như Đạt Giải Nghĩa Hoằng Thâm (1865-1921) và thầy của tổ Hoằng Thâm là thiền sư Chơn Hương Thiên Quang (1862-1939). Thiền sư Thiên Quang, ta đã biết xuất gia với tổ Ấn Chánh Tổ Tông Huệ Minh (?-1904) tại chùa Bảo Lâm ở Phú Yên. Tổ Ấn Chánh có nhiều đệ tử kế thừa, mà một trong số đó ta hiện có tư liệu phú pháp là thiền sư Chân Tâm Đạo Tánh Pháp Thân với bài kệ:

Chánh pháp trung diệu lạc

Vật trọc tà kiến mê

Cổ kim đa hiền thánh

Giải liễu tức bồ đề

(Vui màu trong chánh pháp

Thấy bậy chớ theo mê

Xưa nay nhiều hiền thánh

Hiểu được tức bồ đề)

Tổ Ấn Chánh lại là đệ tử của tổ Chương Như Tông Chí Từ Ý tại chùa Thiên Hưng thôn Hội Phú xã An Ninh Đông huyện Tuy An tỉnh Phú Yên. Và tổ Chương Như lại là đệ tử của tổ Toàn Thể Vi Lương Linh Nguyên. Toàn Thể là tác giả của Từ Quang tự sa môn Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm nhân do sự tích chí viết vào năm Giáp Tý của vua Gia Long (1804) và là anh em đồng sư với một tác gia nổi tiếng của lịch sử văn học và Phật giáo Việt Nam là Toàn Nhật Vi Bảo Quang Đài (1757-1834). Những tác gia này đều là học trò của một tác gia nổi tiếng khác là Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm (1726-1798). Đây là lý do giải thích tại sao Hứa sử truyện văn của Toàn Nhật Vi Bảo Quang Đài lại xuất hiện tại chùa Long Sơn của bồ tát Quảng Đức. Tổ Pháp Chuyên lại là đệ tử của tổ Thiệt Dinh Chánh Hiến Ấn Triêm (1712-1796). Tổ Thiệt Dinh là cao đệ của tổ Minh Hải Đặc Trí Pháp Bảo (1670-1746), người đã khai sáng ra dòng thiền Chúc Thánh tại nước ta. Cây thiền phả của bồ tát Quảng Đức do thế có thể vẽ lại như sau:

Minh Hải Đặc Trí Pháp Bảo

Thiệt Dinh Chánh Hiến Ấn Triêm

Pháp Chuyên Luật Truyền Diệu Nghiêm

Toàn Thể Vi Lương Linh Nguyên

Chương Như Tông Chí Từ Ý

Ấn Chánh Tổ Tông Huệ Minh

Chơn Hương (?) Thiên Quang

Như Đạt Giải Nghĩa Hoằng Thâm

Thị Thuỷ Hạnh Pháp Quảng Đức

Trên đây là một số nhận xét về những đóng góp của số tư liệu mà ta vừa phát hiện ở vùng Vạn Ninh. Đó là những tư liệu cực kỳ quý giá giúp ta hiểu

một giai đoạn lịch sử đầy bi tráng của dân tộc và Phật giáo tại một địa phương đất không rộng người không đông. Không những thế, đối với cuộc đời của bồ tát Quảng Đức, chúng cố gắng cho ta một cái nhìn rõ hơn về cuộc đời ấy trong nửa đầu thế kỷ XX, đặc biệt giúp ta tạo nên một niên biểu chi tiết cho bồ tát Quảng Đức.

Năm Sự kiện

- 1897 Bồ tát Quảng Đức sinh
- 1898 Tổ Hoằng Thâm khai sơn chùa Thánh kinh
- 1903 Bồ tát đến ở với tổ và đổi tên là Nguyễn Văn Khiết
- 1907 Tổ Hoằng Thâm đổi chùa Thánh Kinh làm chùa Long Sơn, đúc đại hồng chung và đem 6 mẫu ruộng chùa Long Sơn cúng cho chùa Long Hoa và tổ đình Linh Sơn
- 1914 Bồ tát được gởi vào chùa Linh Sơn ở Cam Ranh tham học với thiền sư Thiện Tường
- 1917 Bồ tát làm tri sự chùa Long Sơn
- 1921 Tổ Hoằng Thâm viên tịch
- 1925 Bồ tát vào tổ đình Thiên Bửu, tham học với thiền sư Thanh Chánh Quảng Đạt Phước Tường (1867-1932)
- 1927 Bồ tát nhập thất tại Núi Đất
- 1933 Bồ tát trú trì chùa Thiên Ân
- 1935 Bồ tát dựng chùa Thiên Lộc tại Núi Đất
- 1936 Bồ tát xuống trú trì chùa Thiên Lộc, đúc 2 chiếc chuông gia trì hiện còn, một ghi Trú trì hiệu Quảng Đức kiến tạo Ất Hợi niên (1935) thập nhất nguyệt cát nhật và một ghi Hoà thượng hiệu Nhơn Tri kiến tạo, Bính Tý Bảo Đại thập nhất niên (1936) thất nguyệt thu
- Làm chứng minh cho hội Phật học Ninh Hoà và có thời gian đến trú trì chùa Khánh Long.
- 1937 Khai sơn chùa Long Hà
- 1940 Bồ tát về trú trì chùa Linh Sơn
- 1941 Trùng tu tổ đình Linh Sơn và chứng minh cho chùa Bảo Sơn dựng lại
- 1942 Bồ tát chủ trì đón nhận bằng sắc tứ tổ đình Linh Sơn
- 1944 Trùng tu chánh điện tổ đình Linh Sơn và mở rộng đất tổ đình.



TÁI ĐÁO THIÊN THAI

Võ Doãn Nhân

Ngày chưa tắt hẳn mà trăng đã lên. Ngày âm lịch chưa nhằm ngày rằm mà trăng đã muốn tròn. Từ trên mỏm đồi nhìn xuống bao quát, mặt trăng từ từ nhô lên khỏi mặt biển nhấp nhô chân mây một vùng trời nước. Ở vùng đất Việt Nam, trăng mặc dù chưa tròn vẫn chưa thật sự tròn, trăng mười bốn vẫn chưa hoàn toàn tròn trịa. Ấy thế mà mấy chục năm trở lại đây còn thời kỳ theo chế độ bao cấp, những sản phẩm tự nhiên hay nhân tạo dưới bất kể đất nước quốc gia nào cũng đều ưu việt cả, chẳng nói đâu xa "trăng Trung Quốc đẹp hơn trăng nước Mĩ, đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ." "Mĩ mà xấu" đáng lẽ phải nói "Mĩ là tốt, là đẹp."

Thân hình vóc dáng của phụ nữ Âu Mỹ so sánh với phụ nữ đàn bà Đông phương khác biệt ít nhiều nếu không nói là khác biệt khá rõ nét. Không nói đâu xa, người con gái tuổi từ mười ba, mười bốn bắt đầu phát dục, thân hình nảy nở không che đậy, không giấu diếm, bắt đầu kinh nguyệt. Về mặt tâm lý, những thiếu nữ mới lớn bắt đầu tưởng nghĩ đến chuyện yêu đương trong lúc những người con gái Ấn Độ bắt đầu thấy "dơ" ngay khi mới mười một, mười hai tuổi. Phụ nữ Việt Nam thường có hiện tượng tương phản: có người "thấy" trẻ: có nữ sinh mãi đến tuổi mười tám mới "thấy" và "sạch" ngoài tuổi chỉ mới bốn mươi ngoài. Tệ nạn tảo hôn trước đây trong xã hội Việt Nam không phải không có: gái lên mười hai, mười ba có thể lấy chồng như thể một người làm mướn làm thuê không công trả nợ cho chủ nợ là đàn trai lúc đó là một thằng oắt con chỉ biết ngủ đái dầm. Câu chuyện ngắn thương tâm "Một Đám cưới" của nhà văn chết sớm Nam Cao nói lên thực trạng của xã hội thôn quê Việt Nam thời bấy giờ. Dần,

không biết tuổi thật bao nhiêu, chỉ phỏng chừng mười ba, mười bốn tuổi, mẹ mất sớm, chỉ còn cha, bị cha buộc phải lấy chồng vì phải thanh toán tiền công nợ. Lễ rước dâu, người cha phải cõng theo một đứa em nhỏ, áo quần xốc xếch và lễ đương nhiên hai họ đều đi bộ. Vì thế mới có câu ca dao để mỉa mai chê cười gái mười ba đã vội vội vàng vàng xuất giá:

"Quả cau nho nhỏ, cái vỏ vân vân,

Nay anh học gần, mai anh học xa.

*Anh lấy em từ thuở mười ba,
Đến năm mười tám thiếp đã năm con.*

*Ra đường thiếp hãy còn son,
Về nhà thiếp đã năm con cùng chàng."*

Hoặc là:

"Ham giàu, em lấy thằng bé tí tí tí,

Làng trên xóm dưới thiếu gì trai tơ.

Em đem thân cho thằng bé nó dày vỏ

Mùa đông tháng giá nó nằm co trong người.

Nói ra sợ chị em cười,

Má hồng bỏ lỡ một đời xuân xanh.

Em cũng liều mình vì thằng bé trẻ ranh..."

"Thằng bé trẻ ranh!" Nghĩ mà đáng thương! Suốt ngày thằng bé chỉ biết rong chơi, hái hoa, bắt bướm, thả diều, rồi ăn, rồi ngủ, vô tư lự, chẳng biết bổn phận làm chồng là gì, riết rồi... riết rồi..." em cũng liều mình vì thằng bé trẻ ranh", không thể "má hồng bỏ lỡ một đời xuân xanh" được. Chị em đã hiểu em muốn nói gì rồi chứ?

Đứng trên đỉnh đồi nhìn xuống chung quanh, vùng chân trời là một vùng sáng, biển xa xa chỉ trông thấy nhạt nhòa im lặng nhưng dường như tôi nghe tiếng sóng vỗ lô xô nhấp nhô rì rào,

âm thanh vô hình vô tượng. Tôi đảo mắt nhìn quanh: thấy dãy núi Đồng Bò Hạ, Đồng Bò Trung và Đồng Bò Thượng; phía Tây là núi Đồng Dài âm u huyền bí, núi Đồng Trăng, núi Hòn Dữ. Thấy mình tắm giữa ánh trăng, tôi thấy mình như vừa tan vào chốn hư không, vừa cảm thấy mình là Đại Ngã, vừa là Tiểu Ngã, sau cùng cảm thấy mình là Vô Ngã. "Gió trăng ngàn", tác phẩm của Thế Lữ khiến tôi liên tưởng đến Bùi Giáng chỉ cần bốn câu thơ tuyệt bút:

"Em về mấy thế kỷ sau,

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?

Ta đi để lại đôi dòng,

Có nghe lá dội ở trong sương mù?"

"Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?" Màu của trăng là màu gì nhỉ? Trăng trong? Trăng vàng? Trăng úa? "Trăng hạ tuần ú dột và vàng vọt như một nét mây đã úa đang rớt xuống phương Đoài, chiếu vàng cả mảnh trời sau núi", nhà văn trẻ Trần Cư đã viết trong bài Trên Lái Thán; đã ngoài bảy mươi năm, nhìn lại vầng trăng, phải chăng tôi vẫn có gì đổi khác "bởi cảnh vật ngày nay thay đổi vì chính lòng tôi có sự thay đổi lớn" (Thanh Tịnh. Quê Mẹ). Theo thiển nghĩ: nhạc bản Nguyệt Cầm của nhạc sĩ Cung Tiến được tôi tâm đắc nhất, bởi màu trăng của nhạc bản Nguyệt Cầm không phải ánh trăng trong, không phải màu trăng vàng mà là màu... **trăng úa. Đêm mùa trăng úa làm vỡ hồn ta.** "Đêm mùa trăng úa..." tôi không thể không tưởng tượng, hình dung đêm ấy là một đêm trăng mờ,



một chút ủ dột, một đêm trắng thu, sương lam che khuất giới hạn không gian không biết đâu là bờ là bến. **Ôi đàn trắng cũ làm vỡ hồn anh!**

Tôi vốn không yêu thích gì mấy những nhân vật ngày trước ngày xưa được những người hôm nay được không ngớt không ngừng tán dương nức nở, rằng thì là những người ấy là những anh hùng lừng lẫy, những bậc thiên tài chính trị, nghệ thuật, như thiên tài Nguyễn Du, thiên tài thi ca Goethe, Gérard de Nerval, Baudelaire, thiên tài hội họa như Van Gogh, Vương Duy, Rousseau, thiên tài triết học như Nietzsche, Martin Heidegger, Bùi Giáng và gần đây nhất Karl Marx. Những nhân vật này quả thực có một nhân cách tính tình khác thường, mắc bệnh tâm thần như thi sĩ Baudelaire, nhà danh họa Gogh qua bức tranh nổi tiếng *l'homme à l'oreille coupée, les sabots*, thi sĩ thiên Cộng Gérard de Nerval cũng mắc bệnh tâm thần với câu viết cực kỳ lãng mạn là *'j'entends vibrer ta voix dans tous les bruits du monde'*. Tôi nghe rung động âm thanh trong tiếng động của cuộc đời.

Lúc còn tuổi thanh xuân khi tôi đang dạy học, thỉnh thoảng tôi có nghe qua nói về Bùi Giáng. Bùi Giáng lúc đó cũng dạy học tại một tỉnh miền Trung, tỉnh nào tôi không nhớ. Vì còn trẻ và vì mới tốt nghiệp ra trường, tôi khá chú quan và khá tự tin về kiến thức của mình mặc dù các đồng nghiệp của chúng tôi đều cùng có một thể giới quan và một nhân sinh quan tương tự. Tôi cũng được nghe nói ông Bùi Giáng đã viết một vài tác phẩm triết học như Martin Heidegger, "Từ existential đến existential", "Thế nào là Dasein?" Tò mò, tôi cố đọc xem ông Bùi Giáng nói về những gì: ông cực lực đả phá nền triết học cổ điển hàn lâm sách vở, lối thời và yêu thích những cơ sở nền tảng triết học của Nietzsche, của Karl Jaspers, của Martin Heidegger. Tôi đọc, nghe, và chỉ mỉm cười hoài nghi về lập trường ông Bùi. Một đồng nghiệp của tôi trước đây cùng làm việc tại một tỉnh ở thành phố, lúc đang chấm

bài thi ở một trung tâm khảo thí, đồng nghiệp ấy có đề cập đến ông Bùi. Nghe xong, chúng tôi chỉ mỉm cười, kèm theo một chút hoài nghi châm biếm. Ngoài những tác phẩm triết học, ông Bùi còn sáng tác những tác phẩm thi ca, chủ yếu là thơ lục bát, *Trăng Tỳ Hải* và độc đáo là *Mùi Hương Xuân Sắc*. Tôi chưa hề đọc *Trăng Tỳ Hải* nên mù tịt nội dung của Bùi tiên sinh, riêng về *Mùi Hương Xuân Sắc* tôi có đọc tác phẩm ấy. *Mùi Hương Xuân Sắc* là dịch bản tiếng Việt, nguyên tác là Sylvestre của Gérard de Nerval, trong bản dịch tiếng Việt, Bùi tiên sinh thường xen vào những câu thơ được diễn ý từ truyện Kiều, nghe khá cầu kỳ lập dị. Từ đó về sau, tôi đem lòng kính nể biệt tài văn thơ của Bùi tiên sinh, không còn xem nhẹ tài năng của nhà thơ nữa. Bùi Giáng đã trở thành một ông đồ, một cuồng sĩ khinh thế ngạo vật coi trời bằng vung. Sau tháng tư 75, Bùi Giáng trở thành một người nửa say nửa tỉnh, lúc nào Bùi Giáng cũng linh kinh mang theo một đàn mèo quần quýt theo sau con người bất đắc chí. Hằng ngày Bùi Giáng độ nhật qua ngày nhờ... đầu phụng luộc! Vài năm sau chẳng lâu lắc gì, Bùi Giáng đã rũ sạch nợ trần, thỏa chí bình sinh.

Đêm nay là đêm mười bảy âm lịch, mùa hè, trăng lên hơi muộn, gà vô chuồng đã từ lâu, mặt trăng vừa nhô lên khỏi ngọn đồi xa tận chân trời toả một vùng sáng. Chị Hằng khuyết dần vòng nguyệt, nom tựa một cái nong lớn bung vành. Những bóng cây chìm đi trong đêm hiện rõ những bóng đen lù lù trong khu vườn. Đêm trời thăm thẳm cao, mở rộng một vùng không gian bát ngát trong khung trời cao rộng.

Lưu tấp chiếc thuyền nan vào bờ một dòng sông nhỏ, bước xuống thuyền buộc vào một gốc cây, một tay cầm một mái chèo gỗ mỏng và nhỏ, một tay xách chiếc giỏ cá từ lâu ngâm dưới nước với chiếc cần câu cắm cúi bước lên bờ, ngược mặt nhìn phía trời Đông, ngó trăng. Gian nhà lá mái tranh hiện lù lù phía

trước mặt, một vuông sân bằng đất nện sáng lên dưới ánh trăng. Lưu mở liếp cửa bước vào trong nhà, đặt mái chèo bên cạnh thành giếng. Gian nhà trống trải, tro tro, không bàn không ghế, chỉ vồn vện một chiếc giường tre ọp ẹp. Đến hồ nước, Lưu mở nắp giỏ trút toàn bộ mớ cá xuống hồ, cá rơi lồm bồm, mớ cá vung vẩy mừng rỡ quẩy đuôi tựa bầy chúng sinh thoát chết, phụt chốc lặn chìm xuống đáy hồ rồi hoàn toàn tỉnh lặng. Một con đom đóm từ bóng đêm bay vụt lên từng không chớp sáng lập lòe tựa chiếc máy bay yên lặng chớp nháy trong bóng đêm, phụt chốc mất hút giữa đêm trăng.

Lưu đẩy khung cửa liếp bước vào nhà. Gian nhà lù mù tranh tối tranh sáng trong ánh trăng. Lưu sực nhớ đĩa đèn dầu lạc cạn đã tắt từ đêm trước; gốc củi sẵn Lưu để dành vùi trong bếp giờ này có lẽ vẫn còn âm ỉ đượm. Lưu biết mình chưa ăn cơm tối và thấy bụng đói cồn cào. Lưu giở lấy chạn chén bát, xúc một bát cơm nguội đầy, gắp một khúc cá đồng kho khô, mở cửa liếp bước ra ngoài, bắc một chiếc ghế mộc ngồi dưới ánh trăng thông thả ngon lành ngồi ăn. Một ngôi sao bất động "tọa lạc" giữa vùng trời cao, lấp lánh trong khinh không. Lưu lần thần tự đặt cho mình câu hỏi: đây là một định tinh như vầng thái dương nguồn mọi sự sống, hay chỉ là một hành tinh, một...vệ tinh, cũng di chuyển vòng quanh hệ thái dương cũng mọc, cũng lặn, và biết đâu một ngày nào, một thiên niên kỷ, một triệu năm sau rồi cũng tắt.

Lưu vừa nhai miếng cơm ăn dở, vừa ngược mắt về hướng phương Đoài, một ngôi sao cũng lấp lánh tại vùng trời thăm thẳm di chuyển rất chậm, rất từ từ. Lưu tự nhủ và tự khẳng định ngôi sao ấy là một hành tinh, một Kim tinh, hay ngôi sao Thái Bạch, Lưu chỉ ước đoán. Cho tới lúc bát cơm trên tay đã cạn, ngôi sao đã di chuyển về tận non Tây.

Cũng có những hành tinh sắp tắt

Một nghìn năm hay một triệu nghìn năm,

Treo lủng lơ vắng vặc nguyệt
đêm rằm,

Tuổi son trẻ già nua là qui
luật.

Một bóng đen lù lù lằm lũi từ
bến sông tiến vào vuông sân đất
nện, Lưu định thần chăm chú
nhìn. Bóng đen tiến gần sát bờ
thành giếng khơi, cất tiếng:

- Giờ này mới ăn cơm tối. Sao
huynh ăn trễ vậy?

Lưu nhận ra bóng đen ấy là
bóng đen của Nguyễn, đồng hội
đồng thuyền của Lưu. Nguyễn
kém hơn Lưu ba tuổi, tự nhận làm
em, Lưu làm anh. Nguyễn sống
một mình, không vợ không con,
không bạn bè thân thuộc, chỉ
phụng dưỡng một người cha luống
tuổi đã ngoài tám mươi phòng khi
tối lửa tắt đèn.

- Về muộn nên cơm tối muộn.
Ban ngày trời nóng nước nóng, cá
chỉ thích tìm những nơi có bóng
mát, lười biếng ăn câu. Mãi đến
chiều, hơi nóng mặt nước dịu dần,
cá mới chịu lên đường tìm mồi.
Huynh đợi mặt trời vừa lặn, câu
được ít nhiều thì trăng lên, huynh
phải về. Em ngồi tạm trên bờ
giếng đi.

- Dạ được, huynh để đó cho
đệ.

Nguyễn chăm chú cúi nhìn sâu
xuống lòng giếng sau khi đặt
mông lên ngồi. Lòng giếng xây
gạch từ lúc nào không ai rõ xuất
xứ, nền gạch phẳng lì. Ngắm nhìn
bộ mặt sắc diện của Lưu ẩn hiện
dưới trăng, Nguyễn đặt câu hỏi
Lưu thân tình dò xét:

- Mấy lúc gần đây cuộc sống
của huynh ra sao, sinh hoạt
thường ngày ổn định chưa?

Lưu chậm rãi thông thả từ tốn
đáp;

- Ờ, huynh cũng sinh hoạt như
bao nhiêu người khác, cũng ăn,
cũng ngủ, cũng làm việc, cũng
nhớ bạn nhớ bè...

- Huynh mà cũng nhớ tới bạn
bè? Huynh mà cũng nhớ tới họ
hàng thân thích? Thế huynh có
còn nhớ tới người xưa, còn nhớ tới
" bất kiến đương thời khuyến tửu
nhân " không?

- Huynh vẫn chưa quên, vẫn
không quên "chẳng thấy người
xưa chuốc chén nồng", vẫn không
quên lời ca tiếng hát, điệu múa vũ
khúc nghệ thường chào mời hai

tục khách như huynh, như đệ,
nhưng huynh không nuôi tiếc bởi
huynh đã chứng kiến hiện thực,
đời chỉ là mộng, vạn sự vô
thường chẳng khác gì giấc mộng
Nam Kha, giống cuộc sống chiêm
bao giai đoạn Từ Thức.

Nguyễn trở mắt ngạc nhiên
trước phán đoán nhận xét một
người đã đến Đào nguyên tiên
cảnh.

- Huynh làm như huynh sống
trong Đào nguyên là cảnh giới
không thực, làm như giấc Nam
Kha, làm như Thiên Thai của Từ
Thức không phải cảnh giới hiện
thực.

- Huynh đã từng sống trong
mộng như trong cảnh thực.
Chuyện Nguyễn Triệu và huynh
lạc cảnh giới tới Đào nguyên, hai
người gặp tiên nữ, chứng kiến
cảnh dạ hội thần tiên, hai người
được điểm phúc kết duyên cùng
Mai Nhi, Hồng Nhi, hai tiên nữ
làm lễ tơ hồng chung chần chung
gối-xin lỗi- huynh trong cuộc
truy hoan ân ái như bao đàn ông
thanh niên khác. Khi tỉnh rượu,
huynh mới biết thực và mộng là
hai cảnh giới hoàn toàn khác
biệt. Theo hậu ý của ngu huynh,
hình như các tiên nữ chỉ hầu hạ
phục vụ hai tục nhân không theo
tình cảm tự nhiên bẩm sinh mà
chỉ phục vụ ái tình theo thượng
lệnh của Tiên chúa, quản đốc cai
quản cõi này. Mai nhi, Hồng nhi
phục vụ hết mực tận tình của
hạnh phúc, của hoan lạc, không
khác chi những nàng geisha trên
đất Phù Tang. Sau cuộc truy ho-
an, hồi tưởng lại những cảnh
màn ân ái, huynh mới thấy cảnh
thú vui dục lạc chỉ do mệnh lệnh
của từ trên đưa xuống, một bốn
phận "thiên liêng" nhưng vô
cảm giác tương tự những phản
xạ có điều kiện chảy nước dãi
của chó Pavlov. Mệnh lệnh tuyệt
đối. Impératifs catégoriques.
Không còn ánh sáng, không còn
tiếng nói của lương năng nữa.

Hạnh phúc nào nếu được tận
hưởng trước sau gì cũng chán.
Thật tình, huynh không thể nào
hiểu nổi những câu nói của thánh
Augustin Confessions đối ăn
không thấy no, khát uống không
thấy chán, dù thực phẩm trần
gian sơn hào hải vị mỹ tửu bồ



đào thường thức mời mọc hoài
cũng phải no say lướt khứốt. Vũ
khúc nghệ thường với lời ca điệu
nhạc thánh thót réo rắt làm ly mê
hồn, huynh sau cùng cũng thấy
chán chường não nuột. Chắc đệ
không nhớ nổi bài học một giáo sư
Việt văn đã cho huynh học từ bậc
trung học đệ nhất cấp, bài học Dạ
Hội thần tiên: "*Công Uẩn ngậy ra
nhìn. Thật ra, không một thanh
sắc nào, một âm thanh nào, một
hình bóng nào đã làm cho xúc
động não nuột lòng chàng đến
thế. Bao nhiêu chí khí ngang tàng,
bao nhiêu năng lực phấn đấu của
chàng đều đi mất cả. Trong giây
phút đó, chàng cảm thấy tờ lòng
diu dặt như muốn tan ra thành
muôn vạn nỗi nhớ, niềm thương.*

*Chàng không phải là một chiến
sĩ nữa. Chàng cũng không phải là
một thi nhân. Chàng bỗng trở nên
một khách si tình yêu vợ vẫn."*

Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
đêm khuya chợt tỉnh giấc, huynh
thấy đệ nằm bên cạnh ngủ say
mê mệt chẳng biết trời trăng.
Huynh thấy mình một thân vô võ.
Tận góc phòng khuê, một nhóm
tiên nữ cũng thả hồn say giấc
bướm, xiêm y hở hang kêu gọi
lỏa lồ, huynh thấy mình trở trên
trần tráo chẳng còn thể thống lễ
giáo là gì. Chợt đâu đây có tiếng
canh gà xa xăm mờ hồ eo óc gáy,
dạ nhớ cố hương phàm trần nổi
dậy, nổi niềm thao thức. Bỗng có
tiếng nói từ thượng giới âm thầm
mà rõ mồn một quả trách: "Cảnh
giới trần gian nhà người còn ao
ước nổi gì, muốn được voi đòi
tiên, đứng núi này trông núi nọ".
Từ tâm hồn chìm trong lãng động,
huynh nghe rõ nổi niềm ao ước
thiết tha muốn được về nhà trở lại
cố hương sống tiếp nổi những
ngày còn lại, dù cho cơm hầm
canh rau cá dưa mắm muối.
Huynh bắt giác dùng tay lay động

gọi người thức giấc là đệ, tỏ bày tâm trạng nỗi niềm.

Suy nghĩ giây lâu, Nguyễn gật đầu, ra chiều đồng ý tâm trạng bản khoăn thao thức của Lưu. Đột nhiên Nguyễn hỏi Lưu một câu, khiến Lưu ngập ngừng phứt chốc:

- Thế huynh có bao giờ, có khi nào lúc nào tận mắt chứng kiến một đêm trăng trên cõi Tiên không?

- Đêm trăng? Một đêm trăng sáng? Thật tình huynh không biết, huynh không nhớ có một vầng trăng nào soi sáng trên tiên giới nữa, nhưng huynh nghĩ tiên giới không cần thiết có một đêm trăng. Nói cho cùng, đêm đen nơi tiên cảnh là một đêm trăng, và huynh đã từng sống, đã hiện hữu cùng tiên nữ không cần những đêm trăng ấy. Bóng tối và đêm trăng thì đồng lõa. Khi trở lại trần thế, huynh nhớ tới một thi sĩ đã sáng tác chỉ hai câu lục bát trở thành bất hủ:

"Em về mấy thế kỷ sau,

Nhìn trăng có thấy nguyên màu ấy không?"

Cho tới giờ này, con trăng là con trăng đêm mười bảy, huynh vui là vì huynh thấy đêm nay ở trần giới con trăng không có gì khác, không có gì đổi thay, mặc cho duy vật biện chứng, mặc cho duy vật lịch sử, bởi trong muôn triệu sinh linh, vạn vật vô thường. Chỉ mỗi một sự vật duy nhất "vạn sự vô thường", là hằng thường. Nhạc sĩ Văn Cao viết về Thiên Thai: "Thiên Thai, ánh trăng xanh mơ tan thành suối trần gian. Ái ân thiên tiên này em ngỡ phút mê cuồng có một lần." Chỉ có ánh

trăng suông, vầng trăng đỏ, bóng trăng vàng và ánh trăng xanh của bảy tiên nữ bận tâm, tha thiết chuyện ái ân tùy thuộc tiên giới, nhưng tiếc thay không đạt nhu cầu yêu đương của khách trần tục.

"Cửa động,

Đầu non,

Đường lối cũ,

Ngàn năm thơ thần bóng trăng chơi".

"Bóng trăng chơi" không có người, không có viễn khách của Bồng Lai, khách nơi Tiên cảnh, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu đã đạt tới mức những câu thơ **thần** là ở chỗ đó. Chỉ có mỗi một nàng tiên, mỗi một tiên nữ, sau khi vĩnh biệt Lưu Thần Nguyễn Triệu trở về trần thế, chỉ biết thơ thần "chơi" giữa chốn rừng tùng. "*Nghìn năm thơ thần bóng trăng chơi.*" Bóng trăng chơi thơ thần đến mấy nghìn năm? Chắc đệ không biết. Huynh cũng không hay; bóng trăng chơi không biết và ngay cả chính nàng tiên một mình với bóng, cô độc lang thang thơ thần giữa rừng tùng, suối chảy róc rách rì rào, cũng không biết "bóng trăng chơi" tới mấy nghìn năm. Máy huyền vi mở đóng khôn lường. Chỉ có bà Chúa Tiên mới biết, nhưng bà Chúa ấy nói "thiên cơ bất khả lậu."

Thấy Nguyễn từ nãy đến giờ ngồi im chỉ biết lắng nghe, Lưu bèn hỏi đứa em một câu phỏng vấn:

- Từ bấy đến nay, đệ làm gì, có thường xuyên chăm sóc trông nom thân phụ hay không?

- Đệ cảm ơn huynh. Thân phụ của đệ hiện giờ đã quá già yếu, không còn làm lụng gì được. Trước, lúc đệ lãng du, ông cụ trông nom đại khái vài mẫu ruộng. Từ lúc hoàn tục, đệ phải tự lực trông nom quản xuyên ruộng vườn. Nhân lúc rảnh tay, đêm nay lại có trăng, đệ chợt nhớ tới huynh nên đệ tìm lại nơi đây. Đệ không ngờ, không tin rằng huynh và đệ chỉ tận hưởng cảnh tiên chưa được nửa năm mà

thời gian đã hờ hững trôi qua ngọt nửa thế kỷ. Cuộc sống nơi đây bây giờ đã nhạt phèo chán ngấy chẳng còn một ý nghĩa gì. Đệ nghĩ bụng: một khi ông cụ đã thất lạc rồi, đệ sẽ bán hết ruộng vườn nhà cửa, mưu tính cùng huynh tái đáo Thiên thai lần nữa. Huynh mưu tính điều hơn lẽ thiệt thế nào, xin cho đệ biết.

Sau một phút im lặng trầm ngâm, Lưu cất tiếng:

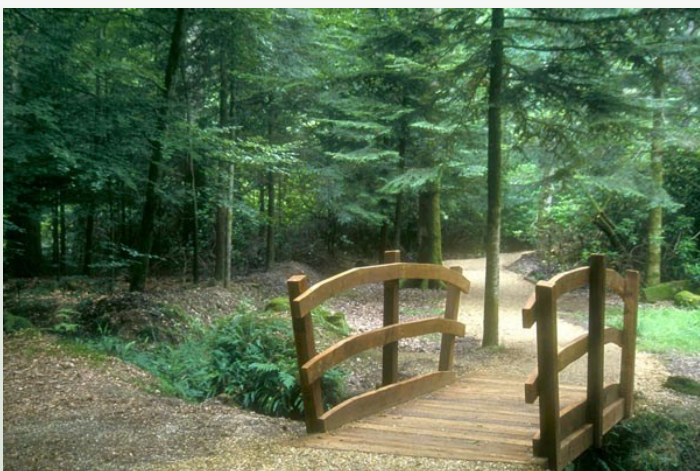
- Huynh đã quyết định dứt khoát rồi. Huynh không tính chuyện trở lại Đào nguyên lần nữa. Đi tìm thuốc trường sinh bất lão cùng đệ, lặn suối trèo non rừng xa núi hiểm những mong có được thuốc thần nhưng hoài công vô ích, may mà cọp dữ hùm thiêng chưa đụng tới. Được hạnh ngộ tiếp cận cùng bảy tiên nữ, huynh tưởng như thế cũng đã mãn nguyện không còn mong ước gì hơn. Huynh mừng tượng rồi đây sẽ có một lúc, một khoảnh khắc, một thời gian không lâu, một ngày kia huynh sẽ bão hòa phong cách cuộc sống ở ngoài phạm tục. No đây, buồn chán sẽ là qui luật tất yếu của cảnh giới thần tiên. Tới lúc đó, kẻ phạm nhân hạ giới là huynh sẽ chán ngấy, sẽ vô nghĩa. Thôi, thà rằng huynh được trở về trần thế sống tiếp nối những ngày những tháng những năm còn lại. Tuy thật sự chưa già nhưng huynh đã cảm thấy già. Sinh, lão, hãy chấp nhận thời gian và vui sống. "*Người ôm mặt khóc giữa vô thường*", cái khóc ấy là cái khổ thường tình của người khi chưa tìm được lẽ sống. Nhà văn giải Nobel Albert Camus chỉ nói một câu mà có ý nghĩa sâu xa thẳm thía: l'exil et le Royaume. Huynh tự ý sửa lại một cụm từ cho có được thêm ý nghĩa: l'exil **est** le Royaume. Lưu đây là quê nhà, thực ra có cùng một nghĩa.

"Tái đáo Đào nguyên không trở lại.

Đường trần, một hội chợ phù hoa.

*Thế tục toàn cồn sông cát bãi,
Lưu đây chốn ấy thật quê nhà.*

Võ Doãn Nhẫn



Đêm huyền

*Lòng tầm thơm kén chứa chan
Ôn dâu phải nhả tơ vàng cho dâu*

*Tu nhà năm mấy tuổi dâu
Lễ huyền chưa đạt thâm sâu Bến Bờ
Chừ nương cảnh chợ sống hồ
Thử xem nhân nhục còn chờ những chi?
Niết Bàn - Địa Ngục bất ly
Ngoài-trong cánh cửa có gì đâu xa:
Mở thương cảnh loạn Ta Bà
Khép Tâm tịnh lại ấy là Chơn Không.
Hoàng hôn núi hút khói hồng
Chim đêm vẫn mộng phiêu bồng Bình Minh;*

*Trăng Vàng khuất nẻo phù sinh
Gió khuya ước hẹn dăng trành Trăng sau.
Đường đời dẫu vấp chân đau
Há quay lưng phụ nhịp cầu vô biên?*

*Giác khuya đầy động triền miên
Nửa thương Tục Đế, nửa nguyên Chơn Như.
Trăng nương gió lật trang Thơ
Đèn khuya bắc lụn trầm tư đêm huyền.*

TÂM TÂN

Ta như...

*Ta như là sợi tóc rơi
Ta như một sợi mây trôi giữa trời
Ta như hạt bụi nổi trôi
Ta như hạt nắng rạng ngời phong thu
Công năng chuyển hóa mây mù
Lòng ta an lạc an cư thái bình
Ta như hạt ngọc xinh xinh
Nằm im trong đáy tân hôn của anh
Rằng ta hạt cát long lanh
Để gì nắm giữ xây thành kim cương.*

HỒ HƯƠNG LỘC

Đêm thao thức nghe mưa

thao thức

*đêm xa xứ mịt mù
trăn trở tìm hoài thế nghĩ
một đời chưa qua hết
mà chân mồi đã mong ngừng
ngừng đâu, ngừng đâu?
khi trục quay còn xoay vô định*

nghe mưa

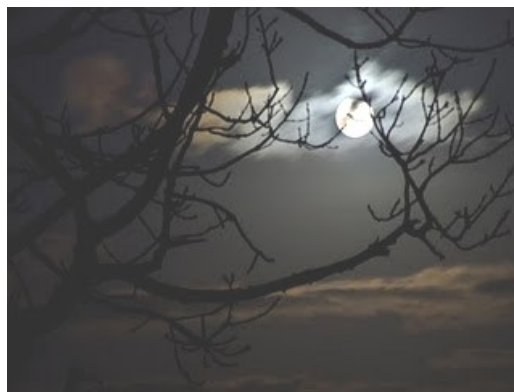
*đêm xuống, mưa gọi sầu có quận
giọt buồn rỏ mãi nhịp nghìn xưa
thành dòng lạnh ngắt, đông thân xác
từ sinh mỏng dính một đường tơ.*

Khói sương

*tình đã hôm qua, hay hôm kia?
ngày chưa đi mà đêm đã về
ga nhỏ sáng nay mờ sương lệ
tàu đã lên đường giữa đêm khuya*

*tình đã như hoa, hay như sương?
hoa úa, sương tan, nhạt má hường
em thấy chiều xuân chưa dứt rét
sao người dập tắt lửa ba hương!*

NGUYỄN THỊ MINH THỦY



MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH CHUA

Vật Liệu:

1. 1 miếng tàu hủ
2. Chút hành phi
3. Chút ớt sắc nhỏ
4. 1 bó rau ngò om
5. 5 trái đậu bắp
6. Tôm chay
7. 1 bịch giá
8. 1 trái cà lớn
9. Khoảng nửa chén (cup) trái thơm sắc nhỏ
10. Khoảng 2 chén (cúp) bạc hà
11. 1 muỗng canh (tablespoon) bột me
12. 2 muỗng canh (tablespoon = 2oz) đường phèn (Rock sugar)
13. 2 muỗng café (teaspoon) bột nấm
14. 2 chén (cup) nước dừa tươi hoặc nước lạnh



Cách Làm:

Chuẩn bị các thứ vật liệu ở trên để sẵn một bên. Cho 2 chén nước dừa hoặc nước lã vào xoong nấu sôi. Bạn có thể từ từ cho thơm (9), đường phèn (12), bột me (11) và bột nấm vào xoong. Sau đó bạn cho đậu bắp (5) và tôm chay (6) vào rồi nấu sôi lên. Sau đó tắt lửa và tuần tự cho tàu hủ (1), giá (7), bạc hà (10), và cà (8) vào trong son. Bạn đổ canh vào tô và trên mặt tô canh trình bày các thứ ngò om (4), ớt (3) và hành phi (2).

Bạn sẽ có được một tô Canh Chua rất là ngon.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

ĐỨNG TRÊN TẤT CẢ

Vĩnh Hảo



Trong cuốn *Tăng Già Việt Nam* (1) của Hòa Thượng Thích Trí Quang, có một câu rất hay, rất cảm động mà mỗi khi đọc đến thì cảm thấy lòng hưng phấn, chí nguyện được cất cao lên, không còn khiếp sợ hay nhàm chán phải đối diện với đời sống vô thường hệ lụy:

"Đứng trên tất cả để sống vì tất cả." (2)

Câu ấy được viết ra để nhắc nhở, khích lệ những người xuất gia theo Phật—những người đã từ bỏ mọi thứ cận bã vinh hoa, danh vọng, quyền lợi, sắc dục, tiền tài... nói chung là tất cả mọi thứ trói buộc tầm thường của cuộc đời.

— Nhắc nhở rằng trách nhiệm cao cả và duy nhất của người xuất gia là tự giác ngộ lấy mình để có thể đem lại trí tuệ giác ngộ cho kẻ khác, tự giải thoát lấy mình để có thể cứu thoát kẻ khác.

— Khích lệ rằng lý tưởng xuất trần là con đường cao đẹp và đúng đắn mà chỉ có những kẻ có tình thương yêu rộng lớn, tuệ căn sâu thẳm và ý chí quyết liệt mãnh mới chọn lựa và dẫn mình vào.

Nhưng khi người xuất gia chọn lựa "đứng trên tất cả," điều đó chẳng có nghĩa là chọn một thứ vị trí không gian hay một thứ giai tầng xã hội nào ở chóp đỉnh của những nấc thang giá trị cuộc đời, mà chính là đứng ra ngoài, hay đúng hơn, vượt ra khỏi, vượt lên trên, tất cả những thế đứng, chỗ ngồi, quyền hạn, lợi dưỡng, sắc dục, danh vị, phẩm trật, chức tước, cấp bằng... nói chung là tất cả những gì mà người thế tục bình phàm cho là quý giá và lằng xằng chạy đuổi theo bằng cả cuộc đời của họ.

CON ĐƯỜNG NGƯỢC DÒNG

Đó là nhìn một cách lạc quan theo danh nghĩa lý tưởng. Còn trên thực tế sinh hoạt, nhất là sinh hoạt của thời đại ngày nay—cái thời đại mà kinh Phật đã thấy trước và đã đặt tên trước là thời kỳ mạt pháp—thì cả lòng người lẫn hoàn cảnh xã hội hầu như đều toa rập, đồng lõa với nhau để đẩy xô những người xuất gia vào một nếp sống mới với những lẽ lối suy tư, quan niệm, lời nói và hành xử, đi ngược lại với chí nguyện xuất trần ban đầu, để rồi chúng ta đau lòng mục kích bao nhiêu là điều "nghịch thường" trong chốn thiên môn, cả trong nước lẫn hải ngoại.

Cái lẽ nghịch thường ấy, nhìn theo con mắt thế tục, thì chẳng có gì gọi là sai trái, lạ lùng cả và tất nhiên là người thế tục sẽ cho đó là điều bình thường; nhưng áp dụng nó vào nẻo đạo thì cái nghịch thường này thực khó mà chấp nhận. Hòn sỏi ném xuống nước thì chìm đến tận đáy, đó chuyện bình thường; nhưng bong bóng bay mà cũng lặn xuống đáy nước thì không phải là bình thường nữa. Cả người bán lẫn người mua bong bóng bay đều mong đợi sự bay lên của những chiếc bong bóng. Giá trị của chiếc bong

bóng bay là ở chỗ bay lên ấy. Khi bong bóng xìu không bay nổi, chúng mất giá trị, chúng không bình thường, không còn lý do nào để tồn tại.

Con đường xuất gia là con đường ngược dòng. Giới nhà thiền gọi là **nghịch lưu**. Trong khi tất cả những người thế tục và cả những người cư sĩ tại gia có hiểu và tu tập theo giáo lý Phật, đều chạy xuôi theo dòng tục lụy, thì chỉ có họ, những người xuất gia, là bơi ngược dòng để tìm về nguồn cội vô tận thanh thản.

Chọn lựa sự ngược dòng là chọn lựa đứng trên tất cả, vượt lên tất cả những cận bã phù phiếm của dòng đời. Thế thì, tại sao một người xuất gia phải cúi đầu bằng lòng, hãnh diện, vui vẻ, ngưỡng mộ, khiếp phục, tận lực gia công, bỏ hết thì giờ, cặm cụi cặm cụi, hăm hở chạy theo... những cái gọi là sự thành công của đời sống thế tục? Tại sao bong bóng càng lúc càng xìu đi một cách thảm hại để rồi cứ la đà trên mặt đất? Tại sao con thuyền ngược dòng lại quay mũi mà xuôi theo sóng nước? hay là nó vẫn hướng mũi về phía đầu nguồn nhưng lại đi tới về phía cuối nguồn bằng cái đuôi thuyền?

Khi người xuất gia chằm chằm bỏ hết thì giờ của mình để được thành công với đời—bằng bất cứ phương cách nào—thì người ấy đã thất bại thấy rõ trên đường đạo. Thất bại là vì đã chọn đứng giữa và đứng trong tất cả, thay vì đứng trên tất cả.

PHƯƠNG TIỆN THIÊN XẢO

Người ta có nhiều lý do để biện minh cho thái độ chọn lựa này. Chẳng hạn, vì hoàn cảnh xã hội, vì thời cuộc, vì nhân tâm thời nay đòi hỏi người xuất gia phải như vậy. Hoặc nói theo ngôn ngữ nhà thiền thì, "phải biết dùng phương tiện thiên xảo để độ sanh." Vâng, *phương tiện thiên xảo* (3). Bốn chữ ấy đối với những bậc thực sự giải thoát giác ngộ (hoặc thực sự qui hướng bản tâm vào lý tưởng xuất trần độ sanh) thì là cái gì linh diệu, đẹp đẽ, như những cánh tay đầy diệu dụng (mười tám tay của Bồ Tát Chuẩn Đề, ngàn tay của Bồ Tát Quán Thế Âm...) như những chìa khóa vàng mở vào kho vô tận... nhưng đối với kẻ tuy mang hình thức xuất gia mà tâm hỷ còn bươn chải lặn hụp theo dòng thế tục thì đó chỉ là thứ rào chắn bảo vệ và che đậy, biện minh và khóa lấp tất cả sự hèn kém tầm thường của chiếc bong bóng xì hơi mà thôi.

Chúng ta có nên đổ lỗi cho thời kỳ mạt pháp đã khiến một số người xuất gia không còn ôm giữ chí nguyện xuất trần? Chúng ta có nên biện minh rằng



tất cả những gì người xuất gia làm hôm nay đều là mở rộng cánh cửa phương tiện thiện xảo?

Thực ra, khi một người phát khởi tâm bồ đề (giác ngộ), luôn hướng vọng đến đạo quả giải thoát và chí nguyện độ sanh, thì không có vấn đề chánh pháp, tượng pháp hay mật pháp nữa. Bỏ đi, hoặc lơ là với chí nguyện xuất trần, là tự mình lặn vào thời kỳ mật pháp; không những sống trong thời kỳ mật pháp mà còn sống trong tất cả những hoàn cảnh mật pháp.

Còn nói rằng vì phương tiện độ sanh mà làm các việc thế tục thì điều này chẳng lạ gì với tư tưởng dẫn thân hành đạo của truyền thống Đại thừa. Nhưng nếu tâm bồ đề không phát khởi, không giữ gìn, không phát triển, không đẩy đến mức toàn vẹn, thì tất cả những phương tiện dù có mang lại một kết quả tốt đẹp nào đó đối với đời thì cũng đều là sự manh động của tự ngã (4), không dính nhập gì đến đạo quả giải thoát giác ngộ và hạnh nguyện lợi sanh cả. Và những thứ phương tiện được thực hiện theo cách đó không thể nào gọi là phương tiện thiện xảo. Chúng chỉ là phương tiện theo ý nghĩa thông tục nhất của thế gian mà thôi. Mà phương tiện theo cách ấy thì ai lại chẳng làm được! Tất cả những con người gian ác, bạo tàn, quỷ quyệt, háms lợi háms danh, tham quyền cố vị, vị kỷ, hèn mọn, đê tiện, thấp kém, ngu dốt và cả những người trí thức... đều học tập, thực hành và phát triển phương tiện riêng của họ. Nhưng không có thứ phương tiện nào trong số đó được gọi là *phương tiện thiện xảo*, bởi vì chúng được thiết lập không phải để nhằm vào mục đích giải thoát giác ngộ.

Tóm lại là không có lý do nào để có thể đổ lỗi cho thời kỳ mật pháp hay biện bạch cho sự phóng tâm chạy xuôi theo dòng đời. Hễ mục đích sai lầm thì tất cả phương tiện đều sai lầm. Suy ra, khi người ta làm những phương tiện sai lầm thì ắt phải biết là mục đích của họ đã sai lầm.

Nhưng phương tiện nào là phương tiện sai lầm? Nói vậy e có phải là vội vàng, bao đồng lắm không? Chứ không phải người ta thường nói rằng: Nghề nào cũng tốt! Miễn là *"nhất nghệ tinh, nhất thân vinh"* (5) và miễn sao nghề xấu mà lòng tốt thì được rồi. Vâng, quan niệm ấy có thể áp dụng được ở thế tục hoặc một khía cạnh nào đó trong đạo. Nhưng cũng tương đối thôi. Vì nó chỉ có tính cách luân lý, an ủi những thành phần bất tài, thấp kém không tìm được những nghề nghiệp vững chắc và danh giá trong xã hội, cũng như để khích lệ những người lừng

xăng dao động nên chú tâm vào một việc. Còn trên thực tế xã hội thì không ai khuyến khích nghề trộm cướp, nghề đồ tể, nghề ăn mày ăn xin... (bất kể lòng dạ tốt hay xấu) mà chỉ khuyến khích các nghề bác sĩ, kỹ sư, thương gia... (cũng bất kể lòng dạ tốt xấu). Chính vì vậy, chắc chắn là có những phương tiện sai lầm trong xã hội đầy dẫy những con người với lòng dạ bất thiện. Chính vì bất thiện ở tự tâm, họ không bao giờ có mục đích nào gọi là cao đẹp hay có lợi ích cho kẻ khác. Nhưng họ lại là những người luôn lấy phương châm *cứu cánh biện minh cho phương tiện* để tô vẽ cho những hành động vị kỷ của mình.

Xét về mặt nhân quả thì phương tiện và cứu cánh phải tương ứng thích hợp với nhau. Phương tiện xấu thì đưa đến cứu cánh xấu; ngược lại, cứu cánh xấu cũng mở đường cho những phương tiện xấu. Không có thứ phương tiện tồi tệ của một kẻ tồi tệ nào lại đưa đến một cứu cánh hoàn hảo. Nói như Krishnamurti—một vị đạo sư giác ngộ vĩ đại nhất của thế kỷ 20 mà chưa bao giờ tự nhận mình là đạo sư—thì *"Tự do đầu tiên và cuối cùng"* (6). Có thể tạm hiểu ý chính của tựa đề này (và cũng là nội dung của toàn bộ cuốn sách) rằng, cái nhân tự do giải thoát mới đưa đến cái quả tự do giải thoát. *Đầu tiên là nhân, Cuối cùng là quả*. Khi thiết lập một thứ phương tiện mà thiếu tính cách tự do, thì sẽ chẳng bao giờ có được cái cứu cánh tự do cả. Cũng vậy, các phương tiện xuôi dòng của thế tục không thể nào dẫn đến cứu cánh giải thoát giác ngộ.

(lược bớt một mục với nhiều đoạn)

KÍNH TÍN VÀ PHÂN BIỆT

Nhận biết được chân sư và tà sư cũng là thực hành trạch pháp và cũng hàm nghĩa rằng có một thứ chìa khóa hay một mẫu chốt nào đó để tìm ra, để nhận dạng những vị thánh tăng (và dĩ nhiên là đã vô tình so sánh với phàm tăng). Điểm này xem ra có vẻ là điều cấm kỵ trong giới tu tập Phật giáo. Nó cho người ta cái cảm giác như là mình vô lễ vô phép, mất niềm tin đối với Tam Bảo.

Thực ra, tìm thầy học đạo không nhất thiết phải tìm cho ra một vị thánh tăng, mà chỉ cần tìm cho được một vị **chân tăng**. Vị chân tăng này có thể là thánh hay phàm (8), nhưng họ có một điểm chung là hướng vọng đến đạo quả bồ đề; mà hướng vọng đến đạo quả bồ đề thì chắc chắn là phải **thực hiện hạnh vô ngã trong từng ý nghĩ, lời nói, và hành động thường nhật của họ**.

Thông thường, với lòng kính tín sâu xa vào Tam Bảo qua hình ảnh sáng ngời của đức **Phật**, qua sự vi diệu của giáo **Pháp**, và qua những tầm gương cao đẹp của nhiều thế hệ chân **Tăng**, người ta có thói quen là không dám đánh giá, lượng định, so sánh... phẩm giá và hành trạng của những người xuất gia hiện tại, cứ một mực cho rằng, "vị nào cũng tốt," hoặc "dù họ không được hoàn hảo lắm thì cũng hơn mình," hoặc "biết đâu họ là bồ tát hóa thân..." Thái độ kính tín sâu xa ấy rất cần thiết cho người sơ cơ học đạo và cũng rất cần thiết cho những người đang thực hành bồ tát đạo, học theo hạnh của Bồ tát Thường Bất Khinh (9), luôn luôn quý trọng tôn sùng

kẻ khác vì tin tưởng Phật tính sẵn có nơi họ. Nhưng trong trường hợp một người tâm sư học đạo, tha thiết tìm cầu đạo lý giác ngộ để vĩnh viễn giải thoát, thì vấn đề phân biệt chân sư - tà sư, tất phải đặt ra. Cố nhiên là phải như vậy. Bởi vì **không phân biệt được sự sai khác giữa chân và tà sư thì có thể xảy ra trường hợp suốt đời tu hành lao nhọc mà chẳng có kết quả gì đáng kể, hoặc đi theo tà ma ngoại đạo từ lâu mà chẳng hay.**

CHÂN SƯ VÀ TÀ SƯ

Thực hành giáo lý đạo Phật, tu sĩ Phật giáo **không phải chỉ** là những người trau luyện đạo đức hay một thứ tư cách cao quý đức hạnh làm người nào đó mà xã hội mong đợi. Con đường chính yếu của họ là thực hành các phương pháp tinh diệu nhằm phá vỡ biên giới của tự ngã để thể nhập vào bản thể vô tận sẵn có trong mỗi người, mỗi loài. Để thành tựu trọn vẹn mục tiêu này, hành giả phải trải qua một tiến trình, hoặc nhanh hoặc chậm, gồm 53 giai đoạn từ sơ cơ đến thượng trí (10). Những giai đoạn tu chứng này vượt ra khỏi thứ đạo đức làm người của thế gian, bước vào thánh hạnh cao quý của hàng Bồ tát, Phật. Và chính vì có khá nhiều giai đoạn và thứ bậc như thế, việc nhận dạng các vị chân tu đặc đạo đang ở giai đoạn nào không phải là đơn giản, trừ phi chúng ta đặc đạo như Phật.

Tuy nhiên, như đã nói ở trước, để tâm sư học đạo, chúng ta cần thiết phải biết nhận dạng một vị chân sư để theo học, như cách người xưa thường nói "*chọn mặt gửi vàng.*" Điều này nói ra có vẻ như một điều mai mỉa bất kính làm đụng chạm một số đạo sư nào đó. Nhưng nếu thực sự có một sự đụng chạm, hóa ra vị đạo sư ấy dễ bị dao động đến thế sao? hóa ra vị đạo sư ấy hãy còn một cái ngã to lớn cứng rắn nào đó để cho sự lượng giá của học trò đụng chạm đến sao? và nếu cứ tránh né đụng chạm những đạo sư, hóa ra lại đẩy những thiết thòi về phía những người học trò đang khao khát tìm cầu chân lý? (*lược bớt một câu*) Nếu chọn lầm sư phụ thì chẳng phải là tiền đồ tu tập của chúng ta sẽ mở vào một cõi u u minh minh hay sao?

Cho nên, rất cần thiết phải biết chọn thầy bằng cách nhận dạng dấu hiệu thực nghiệm toát ra từ nếp sinh hoạt của họ. Sự nhận dạng này không có nghĩa là phải nhìn thấu từng quả vị tu chứng của họ hoặc đòi hỏi họ phải chứng minh sở đắc. Chúng ta có một chìa khóa nhỏ để mở ra cái kho vô tận xứng đáng cho mình qui phục, nương tựa. Và chìa khóa đó chính là điểm chung mà hầu như các vị chân tăng đều có: **tính cách vô ngã thể hiện trong nếp sinh hoạt hàng ngày.**

Chân sư và tà sư theo quan niệm Phật giáo khác nhau ở chỗ đó. Họ có thể sử dụng những phương tiện giống nhau: tụng kinh, tọa thiền, giảng dạy Phật Pháp, làm việc văn hóa, làm việc xã hội từ thiện... Nhưng mục đích hành đạo của họ thì khác nhau: một bên thì có khuynh hướng dẹp trừ bản ngã để thể nhập vào thể tánh vắng lặng vô biên; một bên thì nuôi lớn bản ngã, đắp cao thành trì của ái dục và lợi danh tầm thường.

(*lược bớt một đoạn*)

Chân sư Phật giáo tạm thời phân chia thành hai bậc: thánh tăng và phàm tăng.

Các *chân thánh tăng* thì miễn bàn, vì chắc chắn họ là những bậc chân sư đáng qui phục, ai có phước duyên thì được tu tập dưới sự hướng dẫn của họ. Giả như không gặp thánh tăng, chúng ta hãy còn may mắn là có những *chân phàm tăng* để bái làm thầy. Những vị này tuy chưa chứng thánh nhưng luôn có khuynh hướng truy cầu giải thoát giác ngộ, biết được con đường chân chính để đi và hướng dẫn môn đệ cùng đi, nỗ lực tu tập những phương thức dẹp trừ bản ngã và khát dục. Cả hai bậc chân sư trên đều rất xứng đáng cho chúng ta đành lễ qui y.

Nhưng ở trên, vẫn chỉ là nói một cách khái quát. Chúng ta cần đi vào chi tiết: *làm thế nào để nhận ra một vị chân sư?* Câu hỏi này đưa chúng ta quay trở lại với tiền đề nêu ở trước: **tính cách vô ngã thể hiện trong nếp sinh hoạt hàng ngày** của các vị chân sư.

VÔ NGÃ TRONG NẾP SINH HOẠT

Theo quan niệm Phật giáo, sở dĩ chúng sinh trôi lăn trong biển khổ luân hồi là vì đã tự cho rằng mình thực sự có một thứ cá ngã độc lập. Một vài tôn giáo tôn thờ thần quyền cũng đã xác nhận có một thứ bản ngã qua sự tồn tại bất diệt của linh hồn; trong khi có tôn giáo chủ trương hy sinh bản ngã bằng cách dâng hiến trọn vẹn thể xác và linh hồn cho thần linh để được đền bù tưởng thưởng xứng đáng sau khi chết. Công nhận hay chối từ bản ngã theo các lối trên, đều chứng minh có một cái ngã có thực tướng hay có thực tánh, thực sự tách rời với vũ trụ và vạn hữu chung quanh. Và đây chính là cái mầm của phiền não, trói buộc.

Tu tập theo Phật giáo là tiến trình của sự lột bỏ (nhanh hay chậm, hoàn toàn hay từng phần) sự vận hành và tồn tục của cái ngã đó. Tất cả các pháp môn tu tập từ cao đến thấp của Phật giáo đều qui hướng về tự tánh Không, tức là phá bỏ mọi kiến chấp về ngã (cái ta), ngã sở (cái thuộc về ta), pháp (một cái gì ở ngoài ta mà ta đang hướng đến hay chối bỏ, nghĩ rằng ta đạt được nó hoặc ta đang vượt qua nó...). Trở về với tánh Không thì xóa sạch vết tích của ngã và pháp—đó là con đường nhanh của bậc thượng căn thượng trí. Xóa sạch vết tích của ngã và pháp thì trở về với tánh Không—đây là con đường chậm của hàng trung căn hạ căn. Nhưng dù là thượng căn hay hạ trí, dù phương pháp tu tập có khác nhau, họ vẫn có điểm chung là phá trừ kiến chấp về ngã.

Như vậy, nếu **thực sự muốn tu tập để thoát ly sinh tử**, chúng ta phải sáng suốt tìm đến một vị chân tăng chứ không cần uổng phí thì giờ và công phu tu tập của mình theo chân những vị thầy mà nếp sinh hoạt hàng ngày của họ biểu lộ rõ ràng khuynh hướng bảo vệ và nuôi lớn tự ngã như các trường hợp điển hình sau:

— khi một vị thầy tự xưng mình là bậc thầy vĩ đại hoặc là bậc thầy cao tột không ai bằng (*đại sư, vô thượng sư*), hoặc vui thích đắm mình trong những

danh xưng, tước hiệu, phẩm hàm tôn quý do kẻ khác ban tặng... vị thầy ấy đang ở trong cơn mê của lòng vị ngã, ái ngã, và đang ôm theo mình niềm tăng thượng mạn, tích cực nổi đuôi ma vương để trèo lên đỉnh thang hào nhoáng không thực của danh vọng và quyền lợi thế gian;

— khi một vị thầy nói với bạn rằng chỉ có phương pháp của ông (hay bà) là cao tốt, vượt hẳn các phương pháp của các bậc thầy khác, thì vị thầy này đang sống trong niềm tự hãnh của một bản ngã còn đầy căn khí kiêu kỳ, ngạo mạn;

— khi một vị thầy phê phán và chỉ trích cá nhân những bậc thầy khác, nêu những lỗi xấu của những bậc thầy khác để làm nổi bật phong cách của mình, thì vị thầy này đang biểu lộ phần nào tâm lượng tị hiềm nhỏ mọn của mình;

— khi một vị thầy, dù không lên tiếng chỉ trích kẻ khác, cũng không tự mở lời khoa trương về phẩm cách của mình, nhưng hài lòng với sự tăng bốc ca tụng của môn đệ và trong lòng tự nghĩ mình cao quý, lẳng lặng cười mỉa mai kẻ khác, không chịu lắng nghe quan điểm của kẻ khác để tự sửa mình mà một mực cho rằng kẻ khác chỉ trích hay phê phán mình là vì họ thua sút và ganh tị mình, thì vị thầy này cũng đang tự bồi đắp tường thành ngã chấp ngay ở nền tảng thâm sâu của nó;

— khi một vị thầy thường tỏ vẻ bất bình, bần gãi, cau có, lúc nào cũng muốn mọi người phải thuận theo ý mình chứ không chấp nhận luận điểm trái ngược, chỉ đòi hỏi sự tuân phục tuyệt đối từ kẻ khác, thì vị thầy ấy đang tiếp tục nuôi dưỡng mầm mống của tâm ái ngã;

— khi một vị thầy thường trau chuốt bề ngoài của mình bằng hương hoa, bôi trát son phấn để tạo cái đẹp giả dối hoặc che giấu nhân dáng thực của mình, hoặc dùng các thứ trang sức vàng bạc, y phục diêm dúa đắt tiền lộng lẫy để chứng tỏ sự hào phóng giàu sang... có nghĩa là vị thầy đó chưa bao giờ tìm thấy một thứ giá trị cao tốt nào ở phần tâm linh và đang bị dẫn dắt bởi những tiểu yếu tâm thường nhất của con ma dục vọng;

— khi một vị thầy ưa thích xuất hiện giữa đám đông quần chúng để được ca tụng và đón nhận lòng ngưỡng mộ từ kẻ khác, tung tiền bạc và lòng thương giả tạo để mua chuộc niềm tin của những kẻ nghèo kém vật chất và tinh thần... vị thầy đó đã tự chứng tỏ có một sự rỗng tuếch bên trong của mình và đang cố gắng khóa lấp bằng ảo tưởng là có một thứ tự ngã cao quý được người khác nhìn nhận;

— khi một vị thầy lộ vẻ hãnh diện khi được sự ngưỡng mộ từ các giới quyền lực thế gian, khiếp sợ và tỏ ý tuân phục các thứ cơ cấu chính quyền để mưu cầu an nguy cho bản thân, hoặc cảm thấy mình được tăng giá trị khi thân cận tiếp xúc với giới này, hoặc đầu tư tài sản dâng hiến của môn đệ để biểu tặng giới này mà mưu cầu danh vọng... vị thầy đó rõ ràng hãy còn cái tâm vị ngã, chưa thấy được giá trị cao tốt của con đường xuất thế viễn ly, chưa tìm được nơi nương tựa chân chính cho tâm linh mình và chưa tự làm ngọn đuốc soi sáng cho đời mình;

— khi một vị thầy thường lấy bằng cấp, sách

vở, kiến thức thế gian và sự qui tụ đông đảo của giới trí thức học đường thế tục để làm thứ bảo chứng giá trị cho việc tu tập tâm linh của mình, có nghĩa rằng vị thầy ấy đang còn đứng ngoài vòng rào của trí tuệ siêu việt, chưa bao giờ nếm được chất liệu giải thoát giác ngộ thực sự và có thể là chưa từng bao giờ có khuynh hướng muốn vượt tới sự viễn ly triệt để;

— khi một vị thầy làm được điều gì cũng hay có khuynh hướng tự kể lể, báo cáo, khoa trương, đưa hình ảnh và tên tuổi của mình ra trước công chúng qua các phương tiện truyền thông hoặc khích lệ, vui vẻ, tán đồng sự tăng bốc, khoa trương kể lể của môn đệ đối với việc làm của mình... vị thầy ấy hãy còn mê muội đắm mình trong ảo giác của những vàng hào quang huyền diệu của dư luận và danh vọng thế gian;

— khi một vị thầy sợ hãi dư luận quần chúng, sợ hãi sự mang tiếng cho cá nhân mình, sợ hãi sự phiền hà rắc rối cho đời tư của mình mà ngoảnh mặt với điều thiện nên làm, làm ngơ trước điều ác đang làm khổ những đồng loại chung quanh mình, thì vị thầy ấy chưa có được tâm vô úy; chưa có được tâm vô úy có nghĩa là vị thầy ấy hãy còn nuôi giữ một thứ bản ngã to lớn, co rút trong cái vỏ của vị kỷ, cầu an; điều này cũng chứng tỏ vị ấy chưa có được sự mẫn tuệ của kẻ thực hành bồ tát hạnh và cũng chưa phát triển đúng mức lòng từ bi của mình đối với chúng sinh...

Vài nét đại cương ở trên dĩ nhiên không có giá trị tuyệt đối nhưng ít nhất chúng cũng cho chúng ta khái niệm về những biểu hiện của cái *ngã*—đối tượng để tu tập và chuyển hóa trong tất cả mọi pháp môn, mọi sinh hoạt của Phật giáo.

Trình bày những biểu hiện của sự chấp ngã, người viết chỉ hy vọng một điều duy nhất là những người môn đệ tìm cầu giải thoát giác ngộ có thể chọn được một minh sư chân chính nào đó để hướng dẫn mình đi đúng đường; còn những vị đang đóng vai trò hướng đạo thì cũng tự nhìn lại mình, lượng giá được chân tướng của mình cũng như con đường mà mình đang đi.

(lược bớt một đoạn)

Để vĩnh viễn thoát ly sinh tử hay ít nhất cũng chọn được chính đạo để xác định tiêu đích giải thoát của mình, người học trò phải tìm cho kỳ được một vị chân sư (phàm hay thánh) đang ngày đêm nỗ lực hướng đến tiêu đích giải thoát đó và đang sống giữa cuộc đời ô trược này mà không đắm nhiễm cuộc đời. Tính cách bất nhiễm của vị chân sư đó được thể hiện trong tinh thần vô ngã. Sự tu tập của người theo Phật giáo khác với tín đồ của các tôn giáo khác ở chỗ đó.

Việc hành đạo của người xuất gia chân chính thì vừa cứu độ chúng sinh, vừa cứu độ chính mình, ra khỏi trùng vây của ngã chấp, thoát ly hoàn toàn cái vòng lẩn quẩn của tử sinh.

Người xuất gia sở dĩ đứng trên tất cả là do đã sống vì tất cả; sống vì tất cả là do không còn bám chặt vào gốc rễ của tự ngã. Tu tập, hành đạo, làm việc thiện, mà cứ khư khư bám chặt lấy tự ngã thì

suốt đời suốt kiếp cũng chỉ là viên sỏi lặn xuống đáy nước. Trong khi đó, những ai đã phá trừ tất cả mọi thứ gốc rễ, mọi thứ đeo bám, mọi thứ rườm rà nặng nề của hình thức và tự tâm, thì có thể như cánh nhạn, như làn mây, như sợi khói mỏng, hay như chiếc bong bóng, nhẹ nhàng bay lên bầu trời vô tận.

Thực ra, những vị chân tăng nói trên không phải là không có. Có khi họ ẩn thân ở một nơi heo heo hút gió, mà cũng có khi họ sống rất gần gũi với chúng ta. Chỉ tại chúng ta thích chạy theo giá trị hời hợt của đám đông, cứ tưởng rằng hễ là chân sư thì phải nổi tiếng hoặc kẻ nào nổi tiếng thì phải là chân sư... nên không nhìn ra được những vị chân sư rất bình phàm, chơn chất, giản dị, có khi chẳng có một mảy may tài năng, phép lạ, tiếng tăm, bằng cấp, hay danh vọng gì cả... Không có thứ thước đo nào của thế gian này có thể lượng định được chân giá trị của một bậc chân sư. Chỉ có chìa khóa duy nhất: **tinh thần vô ngã**—mà Phật dạy từ hơn hai ngàn năm trước—là có thể mở ra cho người môn đệ nguồn hứng cảm vô tận của giải thoát giác ngộ. Tinh thần ấy đã đào tạo nên nhiều thế hệ chân tăng cho nhiều quốc gia, nhiều thời đại; cống hiến cho cuộc đời những bậc thầy thông dong tự tại, đến và đi một cách lặng lẽ, không cột trói mình vào bất cứ thứ hình thức rườm rà huyền mộng nào của cuộc đời.

Riêng tôi, tôi luôn nhìn thấy họ quanh tôi, rất thân cận với tôi. Thân cận nhưng họ lại ở trên tôi rất xa, bởi vì họ đứng trên tất cả mà không bao giờ thấy mình đứng trên tất cả.

Vĩnh Hào

(Con Đường Ngược Dòng)

CHÚ THÍCH:

(1) Xuất bản từ năm 1952 tại Việt Nam. Ở hải ngoại, được tái bản năm 1986 bởi nhà xuất bản Phú Lâu Na, Hoa Kỳ.

(2) Nguyên văn câu ấy là "Đứng trên tất cả để sống vì hết thấy." Xem Tăng Già Việt Nam, trang 16.

(3) Phương tiện (Sanskrit: Upāya) là một thuật ngữ Phật giáo không phải chỉ có ý nghĩa như là một thứ khí cụ, dụng cụ tiện lợi như cách người thế tục hiểu (chẳng hạn phương tiện chuyên chở, phương tiện đi lại...); mà chính là chỉ những pháp môn, những phương thức độ sinh khéo léo và tiện dụng (thiện xảo) của những hành giả dẫn thân trên con đường Bồ-tát. Ngoài ý nghĩa là phương pháp độ sinh tiện lợi và thích hợp trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó, Upāya còn được dịch là quyền, có nghĩa là quyền biến, tạm thời (như Quyền trí hay Phương tiện trí--[Sanskrit: Upāyaj-nāna]: trí tuệ quyền biến, tạm thời thiết lập để cứu độ chúng sinh, dẫn dắt họ đến Bát-nhã trí, Chân-thật trí).

(4) Trong kinh Hoa Nghiêm có đoạn nói: "Vong thất bồ đề tâm tu chư thiện pháp, danh vi ma nghiệp." Có nghĩa là thực hành các điều lành mà quên mất tâm bồ đề thì các việc lành đó cũng chỉ là hành động của ma (ma nghiệp).

(5) Một nghề mà chuyên thì vinh thân cả đời.

(6) Tựa đề một tác phẩm của Krishnamurti (1895-1986): "The First and Last Freedom." Phạm Công Thiện dịch là "Tự do Đầu tiên và Cuối cùng."

(7) Trạch pháp (Sanskrit: Dharma-pravicaya) là chi hay phần đầu của Thất Bồ Đề Phần (còn gọi là Thất Giác Chi), có nghĩa là khả năng phân biệt pháp đúng-sai, phải-trái, chân-ngụy, chánh-tà... Thất Bồ Đề Phần là bảy đức tính phải có của bồ đề (bodhi - giác ngộ) mà bất cứ hành giả nào cũng phải trải qua để tiến đến giác ngộ; gồm có: 1) Trạch pháp, 2) Tinh tấn (Vīrya), 3) Hỷ (Pṛiti), 4) Khinh an (Prasrabdhi), 5) Niệm (Smṛti), 6) Định (Samādhi) và 7) Hành xả (Upekṣā). Thất Bồ Đề Phần theo thứ tự của số đếm (chứ không phải quan trọng hay thứ yếu) được xếp hàng thứ 6 trong 37 Phẩm Trợ Đạo (4 niệm xứ, 4 chánh cần, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 bồ đề phần và 8 chánh đạo).

(8) Theo một nghĩa khác, thực ra khi một vị tăng tu hành chân chính (chân tăng) thì dù chưa chứng thánh quả, vẫn cứ là thánh như thường.

(9) Vị Bồ-tát này thấy ai cũng lễ lạy, nói rằng: "Tôi rất kính quý các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật." Xem truyện tích này trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát thứ 20, bản dịch của Thích Trí Tịnh, Liên Hải Phật Học Đường xuất bản 1948, trang 489-499.

(10) 53 giai đoạn liệt kê vẫn tắt như sau: Thập Tín (10), Thập Trụ (10), Thập Hạnh (10), Thập Hồi Hướng (10), Thập Địa (10), Đăng Giác (1), Diệu Giác (1), và Phật (1). Về tiến trình tu tập gồm 53 giai đoạn này, xin đọc kỹ Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 39, bản dịch của Thích Trí Tịnh, Phật Học Viện Quốc Tế tái bản tại Hoa Kỳ năm 1988, tập 7 từ trang 25- 681, tập 8 từ trang 25-548. Hoặc tìm đọc Kinh Thủ Lăng Nghiêm Trực Chỉ của Thiền sư Đôn Hà, bản dịch và giảng giải của Thích Đôn Hậu và Thích Mật Nguyên, do Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản năm 1995 tại Hoa Kỳ, tập 2, Đoạn 6, An Lập Thánh Vị, từ trang 718-751. Ở kinh này, tiến trình tu tập được chia làm 55 giai đoạn: Đăng Giác, Diệu Giác và Phật, tính làm một, là kết quả tối hậu, không liệt kê trong thứ bậc tu hành; các quả vị khác cũng có Thập Tín (10), Thập Trụ (10), Thập Hạnh (10), Thập Hồi Hướng (10), Thập Địa (10), cùng với Càn Huệ (1) là giai đoạn đầu trước khi bước vào Thập Tín, và Tứ Gia Hạnh (4) là bốn giai đoạn giữa Thập Hồi Hướng và Thập Địa.



DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): **Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho**

Illustrations (Minh họa): **Yanfeng Liu**

Biên soạn và chuyển ngữ: **Tâm Minh Ngô Tằng Giao**

4

THE TRIPLE GEM TAM BẢO

The Buddha, the Dharma and the Sangha are called the Triple Gem. The Triple Gem is very special to Buddhists.

They pay respect to the Buddha, learn the Dharma, and follow the advice of the Sangha.

By doing this, Buddhists believe they can become wise and happy.

The Buddha is the first gem for Buddhists.

The Dharma is the second gem for Buddhists

The Sangha is the third gem for Buddhists.

Phật, Pháp và Tăng Đoàn được gọi là Tam Bảo (Ba ngọc báu).

Tam Bảo thời rất đặc biệt đối với các Phật Tử.

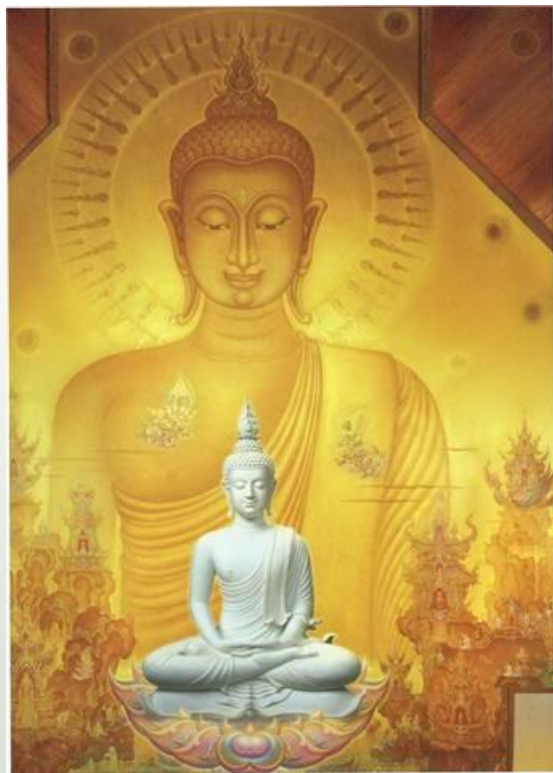
Họ bày tỏ lòng tôn kính Đức Phật, học hỏi Pháp và tuân theo lời khuyên bảo của Tăng Đoàn.

Khi làm điều này, các Phật Tử tin rằng họ có thể trở nên khôn ngoan và sung sướng.

Đức Phật là ngọc báu thứ nhất đối với các Phật Tử.

Pháp là ngọc báu thứ hai đối với các Phật Tử.

Tăng Đoàn là ngọc báu thứ ba đối với các Phật Tử.



THE THREE REFUGE

NƯỞNG TỰA TAM BẢO

When travellers are caught in a storm, they need to find shelter.

Once they have found it and they feel safe, they call out to others, "Come, take refuge with us under this shelter! It's safe here!"

Khi những người đi đường xa gặp bão, họ cần tìm chỗ trú ẩn.

Một khi họ tìm ra nơi trú ẩn họ cảm thấy an toàn, họ kêu gọi những người khác, "Hãy đến đây ẩn náu với chúng tôi trong nơi trú ẩn này! Nơi đây an toàn!"

When people see trouble in life, they may also want to find shelter. Some of them take refuge in the Buddha (the founder), Dharma (the teachings) and the Sangha (monks and nuns).

Together they are called the Triple Gem as they represent qualities which are precious like gems.

You take refuge once you recognize the value of the Triple Gem and when you are confident that it can help lead you towards happiness or enlightenment. You are then known as a Buddhist. It is the understanding of the Buddha's teachings that makes you want to take refuge, not just faith alone.

Now, let us take an example of a traveller who wants to visit a distant city where he has never been. He will need a guide to lead him towards his destination. He will need a path to follow. He may also wish to have travelling companions on the trip.

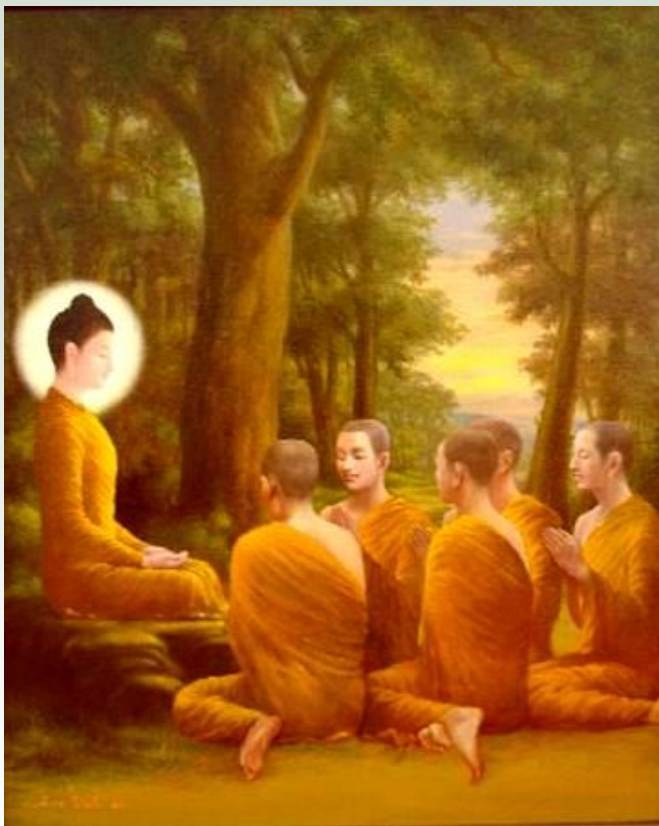
A Buddhist working towards getting happiness and enlightenment is like a traveller trying to reach that distant city.

The Buddha is his "guide", Dharma his "path" and the Sangha his "travelling companions".

Khi người ta thấy rắc rối trong cuộc đời, họ cũng có thể muốn tìm nơi trú ẩn. Một vài người trú ẩn ở Phật (người sáng lập), Pháp (những lời giảng) và Tăng đoàn (các sư và các ni sư). Tất cả được gọi là Tam Bảo vì đại diện cho những phẩm chất quý giá như ngọc báu.

Em trú ẩn (nường tựa) khi em nhận ra giá trị của Tam Bảo và khi em tin tưởng rằng Tam Bảo có thể dẫn dắt em tới hạnh phúc hay giác ngộ. Khi đó em được coi như là một Phật tử. Chính vì thông hiểu những lời dạy của Đức Phật khiến cho em muốn nương tựa, không phải chỉ vì tin tưởng mà thôi.

Bây giờ chúng ta hãy lấy một thí dụ về một người đi du lịch, anh ta muốn đi thăm một thành phố xa xôi



mà nơi đó anh chưa bao giờ tới. Anh ta sẽ cần một người hướng dẫn đưa anh tới nơi đó. Anh ta sẽ cần một con đường để đi theo. Anh ta có thể cũng mong muốn có những người bạn cùng đi trong chuyến du lịch. Một Phật tử tu tập để đạt đến hạnh phúc và giác ngộ thời cũng giống như một người đi du lịch cố gắng để đi tới cái thành phố xa xôi đó. Đức Phật là "người hướng dẫn" cho mình. Pháp là "con đường" mình phải theo và Tăng đoàn là "những người bạn cùng đi".

1) Taking Refuge in the Buddha

The Buddha, having reached enlightenment, is seen as the best guide for Buddhists heading towards the same goal.

Therefore, all Buddhists take refuge in the Buddha. The Buddha knew what is good and what is not good for all beings. In pointing out the path that leads to the end of suffering, he made the Threefold Refuge for Buddhists to follow.

Nương tựa vào Phật

Đức Phật, khi đã đạt được sự giác ngộ, được coi như là người hướng dẫn giỏi nhất cho các Phật tử nương tựa về cùng một mục tiêu.

Vì thế, tất cả các Phật tử nương tựa vào Đức Phật. Đức Phật hiểu rõ cái gì tốt và cái gì không tốt cho tất cả mọi người. Khi chỉ ra con đường để dẫn tới sự chấm dứt khổ đau, Đức Phật đã lập ra Nương Tựa Tam Bảo cho các Phật tử noi theo.

2) Taking Refuge in Dharma

The Dharma that Buddhists take as their refuge is like a path that has been well laid down. Such a path may include signposts to show directions, bridges for crossing rivers and steps for climbing mountains. In the same way, Dharma includes the rules of good conduct

to help Buddhists avoid bad actions and ways to help them overcome difficulties.

It also teaches them how to overcome ignorance and gain Enlightenment.

Nương tựa vào Pháp

Pháp mà các Phật tử lấy làm nơi nương tựa cho họ cũng giống như một con đường được vạch ra rất tốt đẹp. Một con đường như thế có thể bao gồm những biển chỉ đường chỉ các hướng đi, những cây cầu để vượt qua sông và những bậc thang để leo lên núi. Cũng tương tự như vậy, Pháp bao gồm những giới luật hướng dẫn làm tốt để giúp các Phật tử tránh khỏi những hành động xấu xa và các cách để giúp họ vượt qua những khó khăn.

Pháp cũng dạy cho các Phật tử làm cách nào để vượt qua sự thiếu học thức và đạt được Giác Ngộ.

3) Taking Refuge in the Sangha

Taking Refuge in the Sangha is like having good travelling companions. They care for each other when they are sick and encourage one another when they are tired. The Sangha, like ideal travelling companions, help the laity to cleanse their bad ideas and correct their behaviour through good advice and proper guidance. They also encourage the laity to continue their journey to happiness or Enlightenment.

Nương tựa vào Tăng đoàn

Nương tựa vào Tăng đoàn giống như có những người bạn tốt cùng đi. Họ sẽ chăm sóc lẫn nhau khi họ bị đau bệnh và khuyến khích lẫn nhau khi họ bị mệt mỏi. Tăng đoàn, giống như là người bạn lý tưởng cùng đi, giúp cho Phật tử dẹp sạch mọi ý nghĩ xấu và cải sửa những hành vi của mình thông qua những lời khuyên nhủ tốt đẹp và hướng dẫn chính xác. Họ cũng khuyến khích các Phật tử tiếp tục cuộc hành trình đi đến hạnh phúc và Giác Ngộ.

4) Becoming a Buddhist

There is a very special ceremony for taking the Threefold Refuge. A Buddhist monk or nun says the following three times and you recite it after him or her:

"I go to the Buddha for refuge.

I go to Dharma for refuge.

I go to the Sangha for refuge."

Once you have done this sincerely, you have become a Buddhist.

Để trở thành một Phật tử

Có một buổi lễ rất đặc biệt để tiếp nhận Tam Bảo. Một vị sư hay một ni sư Phật giáo nói những lời sau đây ba lần và em nhắc lại lời đó theo thầy:

"Con xin tìm tới Phật để nương tựa.

Con xin tìm tới Pháp để nương tựa.

Con xin tìm tới Tăng đoàn để nương tựa.."

Khi em làm điều này một cách chân thành, em đã trở thành một Phật tử.

(to be continued...)

NHỆ KHÉP CÔNG SÀI

Mặc Không Tử

Trời đã về khuya, Nguyên lằm lũi ven theo triền núi dẫn đến Thiên Duyệt cốc, sương đêm ướt đầm đôi vai gầy, buốt lạnh. Qua bao ngày trèo đồi lội suối, đôi giày đã rách nát vì cỏ gai và đá sỏi, chiếc áo bạc màu phong phanh đón gió, tay nải chỉ vón vện một bộ đồ, y, bát, tọa cụ và chút lương khô. Khi vừa đến nơi, trăng thu vắng vặc, tỏa sáng lung linh cả núi rừng. Bước vào am tranh, bên ngọn đèn dầu leo lét, vị sư già đang thiền tọa, Nguyên ngồi xuống một bên, chờ đợi...

Đã mấy canh giờ đi qua, vị sư già xả thiền với tiếng tăng hăng khê, Ngài không hề ngạc nhiên về sự hiện diện của người khách lạ trong am cốc. Bên ngoài chim chóc líu lo, ánh dương đã ló dạng. Giờ này Nguyên mới có cơ hội nhìn kĩ vị sư già - thân như lão hạc sống giữa núi rừng cô tịch, hàng chân mày bạc trắng với đôi mắt sáng như nhìn thấu tâm can của người đối diện, nơi Ngài toát ra một sự bình an, yên ổn lạ kỳ. Trước khi lên đây, Nguyên đã chuẩn bị trong đầu rất nhiều câu hỏi để tham vấn vị ẩn sĩ nổi danh tài hoa và lâu thông Tam tạng Thánh điển. Với mớ ngôn từ, khái niệm mà Nguyên thu thập được ở ghế học đường cũng như qua thời gian tự tìm tòi nghiên cứu không giúp Nguyên giải quyết được những khổ đau của chính mình. Nó bức bách, đẩy Nguyên đến bờ tri kiến loạn. Thế nhưng, giờ đây đầu óc Nguyên trống rỗng, gần nửa đời người "gã cùng tử" mới nếm được vị ngọt của sự xả ly. Vị sư già mỉm cười nhìn Nguyên, cái nhìn bao dung, độ lượng đối với "gã cùng tử" đã biết quay về với chính mình.

Đã sáu ngày trôi qua, Nguyên thăm lặng làm những công việc của một người thị giả như nấu cơm, gánh nước, bửa củi, pha trà... và vị sư già cũng mặc nhiên với công việc hàng ngày của

Nguyên. Đến sáng ngày thứ bảy, sau khi Nguyên pha trà và đứng hầu một bên, vị sư già mới lên tiếng phá tan bầu không khí im lặng suốt tuần qua.

- Con đã ở đây được một tuần?

- Dạ.

- Con đã làm tròn nhiệm vụ của một thiền sinh.

- Dạ, bạch thầy! Thời gian qua con đã tìm lại được chính con. Tâm con thật an lạc, thành thoi với công việc khi con làm chúng trong chánh niệm, tinh giác. Ngày ngày, con được ngắm mây trời lững đặng, được nghe chim hót, nghe nhạc rừng lao xao, nghe tiếng suối róc rách chảy... lòng con đã lặng yên trần cấu. Con muốn ở lại đây với thầy.

- Ta biết. Tháng ngày ruổi rong ở chốn thị thành, con đã chịu quá nhiều áp lực, quần bách, khổ đau. Con hãy ghi nhớ một điều, khi con đau khổ, con không nên khóa lấp hay trốn tránh và cũng không nên tìm

cách đè nén, vì đè nén chỉ là giải pháp bề mặt; cũng giống như lấy đá đè cỏ, một khi lấy đá ra khỏi thì cỏ vẫn mọc trở lại. Những lúc ấy, con hãy ngồi yên, nhìn sâu vào nỗi khổ đau đang hiện hữu trong con. Khi tập trung quán xét, con sẽ tìm ra được căn nguyên của sự thống khổ mà con phải chịu đựng, nhận chân được bản chất của cảm thọ là vô thường, duyên sinh, vô ngã, nó đến rồi đi. Con đừng vướng mắc, đeo chặt, đồng hóa cảm thọ với con để rồi phải chịu khổ đau. Con cũng không phải mệt nhọc chạy tìm hạnh phúc ở đâu xa. Hạnh phúc chân thật ở nơi chính tự tâm của con, ở cách con đón nhận sự việc với một tri kiến như thật, như nó đang là.

Vị sư già ngừng nói, nhấp một ngụm trà, hình như Ngài muốn tạo một khoảng lặng cho người học trò. Lúc này, gương mặt Nguyên rạng ngời, lời pháp nhủ như thấm trong từng làn da, thớ thịt. Ngài nhìn Nguyên mỉm cười, rồi lại tiếp tục:

- Cách đây hơn ba mươi năm, ta cũng đã từng bắt mẫn, khổ đau, thao thức như con hôm nay. Có lẽ môi trường học đường đã nhồi nhét cho con quá nhiều ngôn từ, khái niệm nên con cảm thấy chán chường, mệt mỏi; song, giáo dục học đường không có lỗi gì cả.



Những bài giáo lý, những lời giảng của vị thầy đứng lớp, con hãy xem nó như ngón tay để chỉ mặt trăng, đừng lầm phước tiện là cứu cánh, con phải áp dụng nó ngay trong cuộc sống hàng ngày. Nên nhớ rằng, học kinh là con đang làm một hành giả, từng bước đoạn trừ phiền não khổ đau, chứ không phải là để trở thành một học giả, một nhà nghiên cứu lý luận Phật học. Như vậy, con mới có được sự an ổn của nội tâm, và khi đó con có thể hiến tặng chất liệu an lạc, thành thời cho những người xung quanh. Thôi, ta chỉ có bấy nhiêu lời dẫn dò con. Con còn trẻ, con hãy trở lại với học đường, trở lại với cuộc đời. Nơi ấy cần cho con.

Nói xong, vị sư già đi vào bên trong, bỏ mặc Nguyên đứng đó với đôi mắt xa xăm, vầng trán cao thoáng hiện những gợn sóng suy tư. Một lúc sau, Ngài trở ra với cuộn giấy tròn trên tay.

-Ta cho con món quà này, ngay sáng hôm nay con phải xuống núi để tiếp tục khóa học.

- Dạ, bạch thầy!...

Nguyên định nói một điều gì đó, nhưng Ngài khoát tay, chừng như Ngài đã hiểu Nguyên muốn nói gì. Mặc dù chưa hiểu được thâm ý của vị ẩn sĩ, nhưng Nguyên biết cuộn giấy này đối với Nguyên rất quan trọng. Nó sẽ chi phối, quyết định quãng đường còn lại của Nguyên. Nguyên đón nhận với lòng thành kính, tri ân, đánh lễ vị sư già rồi ra đi.

Ra khỏi Thiền Duyệt cốc, sự thôi thúc từ sâu thẳm của cõi lòng buộc Nguyên phải ngoảnh lại nhìn cổng sài. Hai câu đối với nét chữ uyển chuyển, nhẹ nhàng, tiêu sái mà trĩu nặng bước chân đi:

Ngõ Trúc sương len hồn Trí già
Cửa Không mây níu áo Hiền nhân

Băng qua những lùm cây chẳng chịt dây leo và cỏ dại, đến một con suối chảy róc rách, Nguyên ngồi lại nghỉ chân, cuộn giấy tròn trên tay, lời giáo huấn với dòng chữ chưa khô:

Như cô hạc ngàn năm tuổi
trong không tìm lại

Như hoa nở một lần thiên thu là
hiện tại.

Nguyên lặng lẽ xuống núi.

Chơi vui

thơ

*Khung trời quê mẹ... thuở ấu thơ
Khoảnh khắc chơi vui vượt bến bờ
Người đi, về lại thêm hương hóa
Tuổi hạc vàng cao vẫn đợi chờ.
Bên này nắng đỏ nung cát nóng
Chiều buông xuống phủ cả trời không
Cây vẫn xanh tươi, cười với lá
Rong rêu dày bám nợ tang bồng!
Trên đoạn đường xa, ôi quá xa !
Mây cao gió lộng chắn quê nhà
Đứng lặng bóng in giòng xuôi chảy
Ngược đường thăm thăm bước... mưa sa.*

Florida chiều nắng gắt - Thương tặng Vĩnh Bình

Cô tịch

*Con chó nằm im trông trời sáng?
Công phu thiền tọa xong ghé sang
Đừng nhìn dò xét trên đôi mắt
Bỗng thấy tương đồng trên thánh nhan!
Cô tịch ngồi yên với ly trà
Nhập chén 'hư vô' chợt thấy ta
Trên cây chim chuyền từng nhánh nhỏ
Chọn lời chia sẻ những khúc ca.
Đừng dậy khoang thai ta dạo bước
Trên từng ngọn cỏ ướt đêm mưa
Không gian tâm thức bao ngày trước
Rõ thật vô thường ngọn gió đưa.*

HUYỀN VŨ



Sáng sớm, Thu đã có mặt ở chùa. Cửa chùa rộng mở. Chánh điện đèn đuốc sáng trưng, nhưng không có vẻ gì là chùa đang chuẩn bị làm lễ cả. Đặt bó hoa tươi bên thềm tam cấp, cô cũng ngồi xuống bó gối tựa lưng. Trời chưa sáng hẳn. Gió khuya chớm lạnh. Cảnh vật yên tĩnh quá làm hai mắt Thu cứ riu lại.

Thu vừa thiu thiu thì có người tới đánh thức. Mở mắt ra, cô ngạc nhiên khi thấy Huân đứng trước mặt. Thu buột miệng kêu lên:

- Huân... bạn ra bao giờ?

- Huân ra quét sân. Sao Thu lại ngồi đây?

Thu ngạc nhiên hỏi lại:

- Chứ... không phải... hôm nay chùa làm lễ... xuống tóc cho Huân sao? Thu nghe nhỏ Nga nói.

- Đúng rồi. Nhưng tới tám giờ mới hành lễ. Còn phải đợi ba má và anh chị Huân tới đây đủ. Lễ xuất gia cũng đơn giản thôi. Sau đó mời mọi người cùng thọ trai luôn.

- Chắc là vui lắm hả Huân? - Thu cúi mặt hỏi khẽ.

Luân gật đầu:

- Vui lắm. Ngày đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong đời mình mà. À! Thu vào nhà khách nằm nghỉ một chút nhé. Vì sợ làm phiền các bạn, nên Huân không dám mời. Nhưng các bạn tới đông, Huân vui lắm.

Nghe Huân nói, Thu cau mày



MÙI CỦA HOA SEN

Lam Khê

trách nhẹ:

- Ngày quan trọng của đời mình thì phải cho bạn bè biết chứ... sao lại phiền.

Huân vội chuyển hướng:

- Thu đến chùa sớm quá...

Thu ngượng ngừng đứng lên:

- Vì Thu quên hỏi giờ làm lễ. Thu chỉ đến chúc mừng Huân một chút thôi. Sáng nay Thu bận. Hơn nữa, Thu là người ngoại giáo...

Huân ngắt lời bạn:

- Thu lại nói vậy nữa rồi. Mình là bạn học mà. Còn đóa sen này là của Thu à?

Thu ấp úng:

- Là vì... ngày xuất gia của Huân, Thu không biết tặng gì, nên mua bó hoa này.

Huân cười lớn:

-Ồ! Tặng một bó sen lớn cho ngày xuất gia. Huân cảm ơn Thu nhiều lắm. Bạn bè nghĩ đến nhau là quý rồi. Thôi để Huân đem hoa vào chưng trên bàn Phật. Ngày lễ xuất gia mà có nhiều hoa sen cúng Phật thì phước báo vô cùng. Cầu Phật gia hộ cho Thu luôn được mạnh khỏe an vui.

Hai má Thu đỏ bừng. Chẳng hiểu Huân nghĩ gì mà lại cười nói vô tư đến vậy. Bạn bè tưởng đến nhau dù một bó hoa cũng là nghĩa tình, sao lại đi cười nhạo người ta chứ. Nhớ có lần nghe Huân nói thích hoa sen cơ mà. Nghĩ lui nghĩ tới, Thu thấy mình thật ngớ ngẩn. Cô giận mình, giận Huân và giận luôn cả đám bạn. Đến tối hôm qua nhỏ Nga mới gọi điện cho biết.

- Này Thu, ngày mai Huân xuống tóc rồi đó. Bọn mình sẽ đến chùa chúc mừng. Thu có đi không?

- Có nghe Huân... thông báo gì đâu. Đi mừng lễ xuống tóc, vậy mình có phải tặng quà?

- Đến cửa chùa là tùy tâm tùy hỷ. Bọn mình đã hùn nhau

mua một món quà rồi. Vì nghĩ Thu là bạn thân của Huân nên...

Thu thấy phật lòng. Là bạn thân vậy mà ngày Huân bước vào chùa, rồi bây giờ sắp xuất gia, Thu cũng chỉ nghe người khác nói lại. Người bạn thân suốt bao nhiêu năm ấy... đã không muốn mời Thu. Vậy cô đến đó làm gì.

Thu giận dữ không muốn đi. Nhưng sáng nay, cô dậy sớm và quyết định tới chùa. Thu muốn đến gặp Huân để hỏi vài điều. Lúc dừng xe ngang hàng hoa tươi, cô dừng lại thờ thẩn ngắm nhìn. Còn sớm vậy mà chợ hoa đã đông đúc. Có vài bóng tu sĩ lui tới hỏi mua hoa. Thu nghe người ta nói hôm nay là ngày lễ vía gì đó.

À! - Thu nói thầm "Mua hoa chúc phúc cho bạn cũng có ý nghĩa lắm đây. Nhưng mà... tặng hoa gì bây giờ. Hoa hồng thì không được rồi. Hoa cúc, hoa lan, hay hoa cẩm chướng?

- Cháu mua dùm bà bó hoa đi. Hoa sen cúng Phật tốt lắm. Sen mới hái chiều qua, còn tươi rói. - Một bà lão tay ôm bó sen to tướng vừa bước tới. Những búp sen trắng hồng cứ chập chờn mời gọi. Thu chớp mắt nghĩ nhanh "Mình mua bó sen này tặng Huân vậy." Không hiểu hoa sen có ý nghĩa gì cho ngày xuất gia, nhưng Thu biết chắc là Huân rất thích hoa sen. "Hoa sen dù sanh ra giữa chốn đầm lầy, vẫn giữ được vẻ thanh cao tinh khiết. Hoa sen mang biểu tượng cho một đời sống thanh cao thoát tục." Huân đã nói câu ấy biết bao lần. Những lần Thu theo Huân đến cửa chùa ngồi ngắm sen nở giữa trưa hè nắng gió.

Lâu quá không gặp. Không biết Huân lúc này thế nào?

Những lúc ngồi một mình, Thu thường suy tưởng vẫn vợ là vậy. Từ buổi sớm gặp Huân nơi sân chùa, thăm thoát đã hơn mười

năm. Với ngần ấy thời gian, Thu chưa một lần gặp lại bạn. Cũng nghe nói Huân tu ở chùa này chùa kia. Cũng chạnh lòng nhớ về khoảng thời niên thiếu. Nhưng một nỗi mặc cảm vô cơ nào đó cứ ngăn Thu lại. "Người ta nay đã là người xuất gia nơi cửa chùa, mình tìm đến làm gì. Nếu bất ngờ gặp Huân, không biết có nhận ra không nữa. Mà Huân chắc gì còn nhớ đến cô bạn ngớ ngẩn hay hờn dỗi ngày nào!"

Thời gian là một dòng chảy liên tục. Cuộc sống mỗi ngày là một sự đổi thay tiếp nối. Cái quá khứ mờ xa ấy, thỉnh thoảng lại hiện về trong tâm trí Thu như để nhắc nhở bao điều. Lòng người dù còn vương vấn, nhưng cảnh vật đã khác xưa. Bạn bè thân quen lâu ngày có gặp cũng chỉ kịp chuyện trò thăm hỏi đôi câu. Ai cũng có cuộc sống riêng tư để lo toan bận rộn. Chỉ có Huân là đi con đường khác biệt. Con đường ấy hẳn cũng trải qua nhiều bước chông gai thử thách, nhưng chắc chắn là không còn bị cuốn hút trong vòng danh lợi bon chen tất bật.

Mùa hạ về.... Mùa sen nở rộ. Lần đầu tiên trở về thăm ngôi chùa quê suốt bao năm xa vắng, Thu ngỡ người ta đang tổ chức lễ hội hoa sen hết sức trang nghiêm trịnh trọng. Ở vùng này, dân làng chuyên nghề trồng sen. Sen không chỉ đua nở trong chốn cửa thiền, mà cả thôn xóm, nhà nhà đều có ao đầm thả sen. Bây giờ, những ngày lễ hội người ta còn hái hoa mang tới tận cổng chùa chào mời bán cho khách thập phương vắng cảnh. Phật tử đến chùa nghe pháp, ai cũng hoan hỷ với cảnh sen dâng lên cúng Phật. Một việc làm thể hiện niềm kính ngưỡng sâu xa. Cảnh tượng ấy đập vào mắt Thu bao điều thú vị bàng khuâng.

Từ ngày Huân xuất gia. Kỷ niệm tuổi học trò cũng dần quên

lãng. Rồi Thu lập gia đình. Nhà chồng Thu cũng là Phật tử, nên Thu lại có dịp theo mẹ chồng đi chùa nghe pháp. Ngày rằm lễ, Thu lại thích mua hoa sen về chưng cúng bàn Phật. Chồng và hai cô con gái nhỏ của Thu cũng lây nhiễm sự yêu thích đó. Dường như có một cơ duyên nào đó mà Thu chưa rõ lắm. Thu đến chùa chỉ vì lòng còn ngưỡng mộ chút hương xưa. Hương của một loài hoa thanh cao bất nhiễm.

... Hè năm nay, Thu đưa các con về quê. Miền quê yên tĩnh với những con đường đất bụi mù với bạt ngàn ao sen đầm lầy nước đọng. Điều Thu không ngờ



là ngôi chùa cổ, đã trở thành một tu viện kang trang bề thế.

- Chùa được xây dựng lại từ khi thầy Phước Liên về trụ trì. Bây giờ chùa không chỉ là nơi tu tập của quý thầy và Phật tử trong vùng, mà còn là danh lam nổi tiếng của làng mình nữa.

Thu càng bất ngờ hơn khi nghe mọi người thông báo:

- Thầy Phước Liên chính là cậu Huân bạn học của cô đấy mà. Nay đã lên tới chức Đại Đức, Thượng Tọa gì rồi. Có thầy về, chùa sung túc hẳn lên. Hằng tháng thầy tổ chức khóa tu niệm Phật. Mỗi tuần đều có giảng pháp. Phật tử các nơi về đông lắm. Thanh niên trong xóm mình những ngày nghỉ cũng rủ nhau đi chùa tụng kinh, nghe pháp, làm công quả...

Cuối tuần Thu đến chùa.

Cảnh vật thay đổi hay bởi cõi lòng Thu đã trở nên xa lạ với tất cả. Di tích ngôi chùa cổ chỉ còn lại góc ao sen nhỏ. Nhưng hồ sen đã mất đi vẻ hoang sơ yên ả. Hoa nở đầy, mà sắc không còn tươi thắm vì thiếu ánh nắng. Xung quanh hồ, nhà chùa cho xây bờ kè. Một hàng liễu rủ và những cây bàng cao tỏa bóng xuống những chiếc băng đá đặt quanh đó để du khách ngồi nghỉ chân ngắm cảnh. Mọi thứ đều toát lên nhiều màu sắc và ý tưởng mới. Sân chùa tấp nập khách hành hương. Những cô gái trẻ tay cầm những bông sen, miệng luôn nở nụ cười mời khách. Một hình ảnh cũng rất khác lạ đối với miền quê xa xôi này...

- Mẹ! Mua hoa cúng Phật!

Tiếng đứa con gái nhỏ thủ thỉ bên tai. Thu quay lại mỉm cười với con rồi mua hai búp sen hồng còn nụ.

- Một bông cho mẹ nữa chứ.

- À! Hai con vào chùa dâng hoa cúng Phật. Mẹ ngồi ngoài này đợi.

Hai cô gái nhỏ cầm hai búp sen hơn hờ đi về hưởng chánh điện. Ngang qua

đài Quan Âm, chúng dừng lại. Có vị thầy đang đi tới. Hai đứa trẻ đứng nhìn rồi bất thần bước tới thưa:

- Chúng con xin cúng dường sư phụ nhánh hoa sen.

Vị thầy dừng lại mỉm cười xoa đầu cô nhỏ:

- Các con ngoan lắm. Biết đi chùa lễ Phật, lại cúng dường hoa cho thầy. Cúng dường hoa sẽ có nhiều phước tướng, học giỏi thông minh. À! Các con chắc là tử thành phố ra?

Đứa bé quay lại chỉ:

- Dạ ... chúng con đi với mẹ .

Thu bước tới cúi chào, bỗng khựng lại. Vị thầy ngược nhìn rồi khẽ kêu lên:

- Thu... Có phải Thu đấy không? Bao nhiêu năm rồi, Thu mới trở về thăm quê.

Thu lúng túng. Cô không biết

xưng hô thể nào với người bạn học trong màu áo thầy tu khả kính. Giây phút bỗng ngỡ trôi qua, Thu lí nhí đáp:

- Dạ... vâng. Thu không biết là thầy đã về đây và đang trụ trì ngôi chùa này.

- Mấy năm qua, những bạn học cũ trở về đều lui tới chùa. Mọi người luôn hỏi thăm Thu. Dường như Thu không muốn gặp lại bạn bè thì phải.

Thu lắc đầu trầm giọng:

- Thầy mà cũng nghĩ vậy. Ngày trước Thu có hơi ngại ngùng, chứ bây giờ từ tướng thông thoáng hơn rồi. Dầu sao thì Thu cũng đã trở về, gặp lại thầy. Có hơi bất ngờ, nhưng thật thú vị.

Thu chợt im lặng, ngắm nhìn mấy búp sen trên tay thầy rồi thẩn thờ nói:

- Đây có phải là nhân duyên kỳ ngộ mà giáo lý nhà Phật nói đến không thầy? Đáng lý ra... Thu phải gọi là *thầy* và xưng *con* mới đúng phép.

Vị thầy cười lớn. Giọng cười sáng khoái của Huân ngày nào:

- Thu bây giờ quả là có khác. Hẳn đã trở thành một tín nữ thuần thành mất rồi. Dù đạo đời có khác, song chúng ta vẫn là bạn bè, xưng hô thể nào cũng được mà. À! Hai cháu bé... dường như chúng cũng thích gieo thiện căn nơi cửa chùa. Chắc là có cơ duyên nào đó.

Thu cười:

- Chúng thăm nhuần đạo pháp từ trong bụng mẹ mà. Hồi mang thai, Thu hay theo mẹ chồng đi chùa cầu nguyện, cũng ăn chay. Lúc đầu Thu chỉ muốn tìm hiểu cơ duyên nào đã khiến Huân, người bạn học lại ưa thích đi chùa, rời bỏ tất cả tương lai sự nghiệp để xuất gia, sống đời khắc khổ đạm bạc. Thu có xem qua kinh điển nhà Phật, cứ thể mà thăm dò hỏi nào không biết. Có con rồi càng thích đi chùa nghe pháp.

Vị thầy có vẻ thích thú, hóm hỉnh ngắt lời:

- Và Thu còn mua cả bó hoa sen lớn đến chùa cúng Phật, nên các cháu bây giờ cũng thích cúng hoa.

- Thầy lại chế nhạo nữa rồi. Chính nhờ bó sen chúc mừng

người bạn xuất gia ngày ấy, mà Thu có cái nhìn khác hơn. Sau bao năm, Thu mới có dịp về thăm ngôi chùa cũ. Và thật vui khi biết người bạn học nay đã là một nhà sư đầy tâm huyết với đạo pháp quê nhà, lại là một giảng sư tiếng tăm khắp vùng...

- Mô Phật! Nghe nữ thí chủ nói mà bản đạo thêm hổ thẹn. Bản đạo chỉ mong làm hết trọng trách của một sứ giả Như Lai, chứ có gì gọi là to tát tiếng tăm. Nơi nào đạo pháp nhân sinh cần thì mình đến. Với quê hương, chùa Tổ càng phải tỏ lòng tri ân báo đáp.

- Thầy nói vậy chứ, mới mấy năm... từ ngôi chùa quê vắng vẻ đã trở thành một tu viện to lớn. Phật tử những nơi xa xôi còn tìm đến nghe pháp, chiêm bái, hết lòng ngưỡng mộ tôn kính.

- Cũng do cơ duyên đưa đẩy thôi. Ngôi chùa hư mục đã lâu. Mới đầu tính sửa sang lại đôi chút. Nhưng rồi mọi việc cứ tuần tự diễn như được sắp đặt đâu đó. Chốn Già Lam tôn trí nhiều thắng cảnh. Phật tử đến chiêm bái. Dân làng cũng tới chùa bán hoa cho du khách cúng dường lễ Phật. Kẻ mua người bán đều hoan hỷ lợi lạc.

Thu nhìn ra hồ sen, ánh mắt trở nên đăm chiêu tư lự:

- Hồ sen của chùa bây giờ có tráng lệ hơn, nhưng hoa không còn nhiều và cũng mất đi vẻ tươi thắm rạng rỡ.

- Đó là cảm nhận của người đi xa mới trở về. Ai chẳng bồi hồi vì những thay đổi trong cuộc sống. Cuộc đời vốn dĩ vô thường, mỗi sát na là một sự biến đổi khôn lường. Con người hay cảnh vật cũng vậy thôi. Thay đổi theo chiều hướng tốt đẹp cũng đáng để chúng ta đón nhận lắm chứ. Hoa sen không còn nhiều, sắc không rạng rỡ, nhưng vào những buổi trưa hè, hương sen vẫn ngào ngạt lan xa. Hương sen không vì sự thay đổi của thời gian không gian mà mất đi mùi vị thanh tao vốn có.

- Dạ... Vâng. Bạch thầy... (Thu nghiêm nghị nói), Thu đã nghe mùi hương ấy từ hồi theo bạn đến chùa ngắm hoa học bài. Và đến tận bây giờ, mùi hương

sen vẫn không hề bay mất.

Thầy đưa ngẩng lên nhìn trời rồi vội nói:

- Mô Phật. Sắp đến giờ thuyết pháp rồi. Xin mời thí chủ vào giảng đường nghe pháp. À! Hai cháu bé. Sư phụ mang hai bông hoa này vào cắm trên bàn Phật và chú nguyện phước lạc cho các con. Mà các con có nghe sự tích về Tiên nhân Thiện Tuệ chưa? Tiên nhân Thiện Tuệ là tiền thân của Phật Thích Ca đấy. Thiện Tuệ cũng từ bỏ ngai vàng, tìm đường xuất gia học đạo. Trên đường đi, Thiện Tuệ mang hết số vàng bạc đem theo định sẽ cúng dường Phật, để mua năm đóa sen đến tung hoa hiến Phật. Sau đó ngài được Phật Nhiên Đăng thọ ký thành Phật trong tương lai.

Hai cô bé tròn xoe mắt nghe thầy nói. Cô chị vội vàng lên tiếng:

- Thầy là bạn của mẹ con à. Mà con không thích làm Phật đâu. Con chỉ thích ở nhà với mẹ thôi.

Vị thầy bật cười:

- Nếu con thành Phật, trở về độ cho mẹ, chẳng là hay hơn sao? Nhưng đó là chuyện tiền thân của Phật. Các con hiện đời biết gieo hạt giống lành, chắc chắn sẽ gặt hái nhiều quả thiện về sau.

Ánh nắng lên cao. Thời pháp bắt đầu. Cảnh vật hòa cùng lòng người trở về... chợt bừng lên những sắc màu tươi vui rạng rỡ. Sen bên hồ cũng nhẹ nhàng lan tỏa chút sắc hương dâng hiến cho đời.

Lam Khê



KHÓC LÊN ĐI, ÔI TỰ DO!

Trí Thịnh chuyển dịch

ÔI, TIM TÔI ĐẬP, NGƯỜI TÔI RUN! Làm sao mà có chuyện xảy ra như vậy được? Tôi phải làm gì bây giờ? Tôi đã quá xúc động khi xem một đoạn video cảnh sư cô Palden Choetso người Tây Tạng, thật can cảm và nhiệt tình đã đứng bên đường và tự thiêu, người cháy như một ngọn đuốc. Tôi muốn phản ứng để dập tắt ngọn lửa của cô đi. Nhưng vô vọng. Tôi cũng không thể tỏ bày lòng kính phục cô vì sự can đảm, niềm tin về tâm từ bi, ý chí kiên quyết và lòng tin tưởng của cô là sự Hòa giải có thể đạt được. Không biết lúc đó sư cô có hét lớn lên cho Tự Do hay không? Hay cô hét lên cho chính mình? Cho Dân tộc cô? Cho Đất Nước cô? Hay cho sự phụ thân yêu, vị thầy, người đã độ cô?

Tôi thấy một người nữ Phật tử có cung cách, đang đi đường đã giật mình hoảng hốt nhưng cô ta vội vã kịp thời rút trong túi xách ra một tấm khăn trắng, truyền thống của người dân Tây Tạng dùng để cúng dường và tỏ bày lòng cung kính. Cô ta vẫy chiếc khăn trắng về phía người sư cô lúc đó đang cháy như cây cột gỗ, thể rồi người thiện nữ này để tấm khăn vào ngọn lửa để cúng dường trong lúc sư cô Palden Choetso đang hấp hối, ra đi trong sự đau đớn, thân gục ngã xuống mặt đất. Từ trong lòng, tôi cũng xin kính cẩn cúng dường sư cô một tấm vải trắng.

Chúng tôi tụ họp tại tòa nhà Roosevelt House ở Nữ Ước trong một căn phòng lớn được trang trí bằng những lời phát biểu trong bài diễn văn của Tổng Thống Franklin D. Roosevelt về Bốn Quyền Tự Do, cũng có một bức ảnh chụp Tổng Thống FDRoosevelt, Thủ Tướng Churchill và nhà độc tài Stalin tại hội nghị Yalta (cũng chính tại đây, một lần nữa, số phận của nước

Tây Tạng lại không được đề cập tới). Ngài Kirti Rinpoche, người lưu vong tại hải ngoại, là viện chủ của một trong những Tu viện nơi xuất phát một số tăng ni trẻ can trường đã tự thiêu, tuyên bố như sau: *"Đây là một hành động tột cùng của sự bất bạo động!"* Ban đầu khi nghe Ngài nói tôi không rõ và lấy làm ngạc nhiên vì suốt cả buổi tối Ngài cứ than tiếc biến cố đã xảy ra như chúng ta đều thấy. Nếu bất cứ một tăng ni trẻ nào mà có hỏi vị Thầy của mình hay hỏi ngay cả Đức Đạt Lai Lạt Ma rằng: *"Con có nên hiến thân để cúng dường cho quyền tự do hay không?"* Câu trả lời chắc chắn sẽ là: *"Không! Tuyệt đối không được! Quý vị phải nhẫn nhục chịu đựng những áp bức và hãy hướng tâm vào việc thực tập để tiến đến con đường giải thoát giác ngộ và phát tâm bồ đề với tất cả chúng sinh!"* Tuy nhiên, một khi các tăng ni đã quyết định hy sinh mạng sống, chúng ta không khỏi tỏ lòng ngưỡng phục về sự can trường của họ.

Khi bạn hủy hoại thân thể của mình tức là bạn đã xâm phạm đến chính sự sống của mình, sự sống mà trong Đạo Phật gọi là *"84,000 vi sinh"* để tạo ra con người. Như vậy, tự thiêu dường như có vẻ là hành vi bạo động. Tuy nhiên, trong trường hợp này, cá nhân sư cô đã hy sinh mạng sống là để kêu gọi đến kẻ thù của mình, để chuyển đạt tới họ cái thông điệp, mà có lẽ hơi quá cao thượng, rằng họ chẳng có gì phải sợ cô cả, và cô sẽ phản kháng lại cái quan hệ mang sự sợ hãi và hành hạ lẫn nhau bằng cách tự thiêu để cuối cùng cô sẽ không còn trở thành cái mục tiêu cho thái độ ác quỷ của họ nữa. Đó mới chính là bất bạo động — một phương

cách chống đối tuyệt hảo bằng cách hoàn toàn chấp nhận hiến thân mạng. Nếu như nạn nhân của bạn ngăn cản bạn làm hại họ bằng cách chính họ tự hại mình để thoát ra khỏi tầm tay của bạn, thì tại sao bạn lại sợ hãi và ngay từ lúc đầu bạn lại còn muốn hại người ta? Người ta muốn bạn vui vẻ cơ mà! Thật vậy, bằng chính mạng sống của mình, sư cô đã kêu gọi kẻ thù hãy thức tỉnh và mở rộng hai cánh tay để ôm lấy cái sức mạnh của lòng từ — vì trước cái chết, từ tâm không hề sợ hãi, sự thật sẽ được hiển bày qua tâm từ và chỉ có lòng từ mới chế ngự được mọi thù hận.

Chính quyền cộng sản Trung quốc đã lên án Đức Đạt Lai Lạt Ma về những vụ biểu tình bất hợp pháp bằng hình thức chết chóc này dưới cặp mắt của người dân Tây Tạng, nói cho đúng hơn, dưới cặp mắt của cái thế giới đạo đức giả về mặt ngoại giao và buôn bán, chỉ ưu đãi những kẻ giàu có và quyền lực qua những hành vi bất chính, ngay cả đó là kẻ đi cướp nước người ta. Lời lên án này là hoàn toàn bất công. Tôi còn nhớ phản ứng của Đức Đạt Lai Lạt Ma khi nghe Ngài Thubten Ngodup tự thiêu ở Tân Đê Li. Ngài đã đến nhà thương thăm vị lama này trước khi ông qua đời. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tức giận về chuyện này bởi vì ngài Thubten Ngodup đã lớn tuổi, không còn trẻ, là vị tăng rất thông thái suốt đời học hỏi và là người sẽ còn đạt được nhiều thành quả trong tương lai. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tuyên bố: *"Hành vi này là bạo động, ngay cả chính tự hủy hoại mình. Cái năng lực khiến cho một người tự hành động như vậy nó cũng giống như cái năng lực thúc đẩy cho người ta giết hại kẻ khác trong cơn tức giận."* Đức Đạt Lai Lạt Ma rất quan tâm tới thái độ phản kháng mạnh bạo như vậy. Tuy nhiên, Ngài cũng mừng là còn có thể ghé vào tai vị lama, bằng quần đay người vì phòng, để nói nhỏ: *"Ngài chớ để tâm thù hận người Trung quốc. Ngài rất can đảm và đã đưa ra được cái thông điệp, nhưng nhớ đừng để việc mình làm trở thành sân hận."* Ngài Thubten Ngodup tìm cách ra



dấu là mình đã hiểu, Đức Đạt Lai Lạt Ma cảm thấy nhẹ nhõm cả người.

Có một vị tăng can trường đã tự thiêu ngay trước mặt toán cảnh sát dã chiến Trung quốc, họ quá kinh ngạc vì hành động bất thần này nên đã bắn chết ngay vị tăng rồi còn tiếp tục ra tay đánh đập trong lúc ông ta đang hấp hối, như thể là họ muốn trừng phạt nạn nhân vì dám chạy trốn không để họ trừng trị! Đây là một dấu hiệu cho thấy họ đã mất sự sáng suốt hoàn toàn. Những người cảnh sát đã không hiểu được cái sức mạnh qua hành động của vị tăng này là muốn chấm dứt những xung khắc giữa kẻ áp bức và người bị áp bức, họ cũng không nhìn thấy được cái ước nguyện của nạn nhân là tự chủ được mạng sống của mình bằng cách tự thiêu.

Đức Phật đã dạy: thù hận sẽ không bao giờ dập tắt được hận thù — chỉ có lòng từ mới hóa giải được. Lửa sân hận muốn tiêu diệt đối tượng vì người đó được xem như là cản trở hạnh phúc của kẻ đang mang tâm sân hận; thế nhưng tâm từ lại muốn cho kẻ thù hoan lạc mà không coi họ như là một chướng ngại — Chỉ có như vậy mới vượt qua được mọi oán thù.

Bức thông điệp của các tăng ni tự thiêu để kêu gọi những kẻ áp bức vô tâm phải có sự thay đổi đã làm cả thế giới phải chú tâm đến.

Tôi chợt nghĩ đến Ngài Cổ Phật, Đức Phật Nhiên Đăng, Ngài đã dùng thân mình như một ngọn đèn dầu để cúng dường cho các vị Bồ Tát xông pha không biết mệt vào lửa địa ngục và các tầng ngục bên dưới để cứu vớt các chúng sinh, cũng như cứu vớt nhân loại qua biết bao thảm cảnh chết chóc, nghèo đói, bệnh tật và chiến tranh. *Ôi, con cầu xin Ngài Quán Âm, Đức Độ Mẫu hãy dang cánh tay rộng mở tới hương linh các vị tăng ni trẻ đã để lại thân xác đau đớn, quằn quại và hướng dẫn họ tới những quốc độ an lành để họ được tiếp tục sống trong khung cảnh hoàn thiện và thẳng tiến trên con đường tâm linh! Ôi, con cầu xin các chư Thiên, Hộ Pháp, nếu có thể, hãy đến với những kẻ độc tài gian xảo còn đắm chìm trong mộng ảo, xin hãy giúp họ trực diện với sự thật, hướng tâm để nhìn thấy cái sức mạnh của Chân lý mà hãy buông bỏ những ảo tưởng điên cuồng, là họ có thể mãi mãi hãm dọa và áp bức được quyền tự do ở khắp mọi nơi!*

(Trích từ Tập san **Buddhadharma**, mùa Xuân 2012)

* Học giả **Robert Thurman** là giáo sư Jey Tsong Khapa thuộc Phân khoa Phật học Tây-Án tại Đại học Columbia, ông cũng là người đồng sáng lập và là chủ tịch của tổ chức Tibet House tại Hoa Kỳ.

Cry For Freedom

by **Robert Thurman**

Oh my heart! Oh, my life! How can this happen! What can I do? I'm overwhelmed as I watch a video of the brave and passionate Tibetan Buddhist nun Palden Choetso standing in the street, burning herself as a human torch. I want to respond, to douse her flames. It's impossible. So too is it to salute her for her bravery, for her faith in love, for her determination, and her belief that peace is possible. Did she cry out for freedom? For herself? Her people? Her land? Her nation? For her beloved lama, teacher, and savior?

I watch as an elegant laywoman, a passerby startled and gripped with horror, manages to quickly take a white khata greeting scarf out of her bag, a traditional offering of goodwill and respect. She waves the scarf toward the stock-still flaming nun and then offers it into the fire as Palden Choetso passes out, dying in agony, her body crumpling to the ground. I also offer a khata from my heart.

In a gathering we held at Roosevelt House in New York, in a hall adorned with the words of Franklin D. Roosevelt's Four Freedoms and a picture of FDR, Churchill, and Stalin at Yalta (where once again they ignored the fate of Tibet), Kirti Rinpoche, exiled abbot of one of the monasteries where some of these brave monks and nuns who have selfimmolated came from, declares: "This is an ultimate act of nonviolence!" I am not sure at first, and surprised, as all evening he had been deploring that this is happening, as we all do. If any young monk or nun were to ask their abbot or their lama, His Holiness the Dalai Lama, "Should I offer myself for freedom?"— the answer would be an emphatic "No! Absolutely not! Endure the oppression and turn your mind toward practice to attain the ultimate freedom of nirvana and buddhahood for the sake of all beings!" But

once they do commit such sacrifice, one cannot help but respect their courage.

When you destroy your body, you violate your own life, the lives of what Buddhists call “the 84,000 cells” that constitute it. This does seem violent. Yet in this case, the individual sacrifices herself to appeal to her enemy, to convey the perhaps all-too-subliminal message that they have nothing to fear from her, that she will resist their relationship of fear and harm by removing herself from being the target of their ultimately self-destructive, evil behavior. That is true non-harming—perfect resistance by complete surrender. If your victim prevents you from harming her by harming herself and taking herself out of your reach, then why were you afraid of her and wanting to harm her in the first place? Since she won't harm you, she must love you. She wants you to stop fearing and hating; she wants you to be happy! Indeed, she cries out to you with her very life to wake up and behold the power of love—how it does not fear death, how it gives itself away to reality, how it overwhelms hatred.

His Holiness the Dalai Lama is being blamed by the Chinese Communist Party government for these dread-inspiring demonstrations of their illegitimacy in the eyes of the Tibetan people, if not in the eyes of the hypocritical world of diplomacy and commerce that favors the rich and powerful winner of whatever illegal action, even the theft of a country. Such

blame is totally unfair. I still remember His Holiness' reaction to the selfsacrifice of Thubten Ngodup in Delhi, whom he was able to visit in the hospital before he died. His Holiness was very upset by it, and Thubten Ngodup was elderly, not young and brilliant with a whole life of study and achievement ahead of him. His Holiness said, “This is violence, even if it is self-inflicted. The same energy that can cause someone to do this to himself is very close to the energy that enables someone to kill others in fury and outrage.” His Holiness was also worried about this powerful gesture. But he was pleased that at least he was able to whisper into the ear of the totally bandaged victim, “Do not pass over with hatred for the Chinese in your heart. You are brave and you made your statement, but let not your motive be hatred.” Thubten Ngodup somehow signalled that he understood, to His Holiness' great relief.

One of the brave monks who set himself on fire did so in the close presence of Chinese military police, who were so confused by this astonishing gesture, they shot him and then proceeded to beat him as he was dying, as if to punish him for freeing himself from their punishments! It was a sign of their utter confusion. They could not understand the power of his act to completely cancel the conflict of oppressor and victim, nor his wish to take control of his own life by giving it away. Buddha said that hate will never put an end to hate—only love can. Hate wants to destroy its object, a person seen as obstructing the hater's happiness; but love wants even a hating person to be happy, not to be any sort of obstruction—that's how it can overcome the hate.



The numbers of young monks and nuns burning themselves in a final appeal for a change in the iron hearts of their oppressors strikes straight to the heart of our whole world.

I think of the Buddha Dipamkara, Buddha the Lamp-maker, who offered his body as a lamp for the wise and loving enlightened beings who strive ceaselessly to bring beings out of the fires of hell and other nether realms, and humans out of the tragedies of death, famine, plague, and war. Oh please Father Chenrezig and Mother Drolma, reach out to these young souls as they leave their bodies behind in writhing agony and guide them to havens of healing and a further life of ideal circumstances for spiritual advancement! Oh all you savior deities and protecting angels, go to the cruel despots in their dreams if necessary, and help them face reality, heed the power of truth, let go of their paranoid fantasies of making eternal their deadly suppression of freedom everywhere!

*(From the Spring 2012 issue of **Buddhadharma: The Practitioner's Quarterly**)*

* **Robert Thurman** is the Jey Tsong Khapa professor of Indo-Tibetan Buddhist Studies at Columbia University, and cofounder and president of Tibet House U.S.



PHẬT PHÁP VỚI TUỔI TRẺ

Âm nhạc Phật Giáo trong Gia Đình Phật Tử

Tâm Minh Vương Thúy Nga

Kính thưa quý vị và các bạn,
Chương trình tu học của đoàn sinh Gia Đình Phật Tử (GDPT) gồm có Phật pháp, Hoạt động thanh niên, Văn nghệ, và Hoạt động Xã hội. (Riêng ở Hải ngoại còn có thêm bộ môn Việt Ngữ).

Vì vậy, văn nghệ nói chung, âm nhạc nói riêng, là một trong các bộ môn tu học của đoàn sinh GDPT. Vì mục đích của GDPT là truyền bá đạo Phật đến thiếu nhi nên phải cho các em "học mà chơi, chơi mà học" chứ không thể chỉ đến Đoàn để học Phật pháp không thôi. Vì vậy, Văn nghệ cũng như Hoạt động thanh niên là những môn học để "hấp dẫn" các em đến với tổ chức. Văn nghệ GDPT gồm có báo chí, ca, múa, nhạc, kịch, hội họa, điêu khắc... dùng để chuyển tải văn hóa Phật giáo cũng như văn hóa dân tộc đến với đoàn viên GDPT. Chính vì vậy, âm nhạc nói riêng hay văn nghệ nói chung của GDPT có màu sắc đặc biệt, không giống của những đoàn thể thanh niên khác trong xã hội. Một ví dụ nhỏ, một vở kịch, cho dù là hài kịch cũng phải có nội dung luân lý đạo đức hay Phật pháp chứ không được dùng những từ ngữ bất lịch sự, suồng sã... như ở ngoài đời. Âm nhạc GDPT cũng vậy, gồm những sáng tác của những huynh trưởng đang sinh hoạt hay đã nghỉ sinh hoạt, những nhạc sĩ gốc Phật tử, hay có cảm tình với GDPT, v.v... những bài ca ấy đều có nội dung ca ngợi đạo Phật, tình Lam, sự tu tập, cúng dường chư Phật, chư Bồ-tát, v.v... với nét nhạc vui tươi, trong sáng chứ không ca ngợi những tình cảm lãng mạn, yếu đuối với những làn điệu sướt như ngoài đời nên âm nhạc đó có thể được gọi là âm nhạc Phật giáo.

Để đi sâu vào chi tiết, ví dụ quá trình phát triển âm nhạc Phật giáo ở trong nước và hải ngoại cũng như để biết thêm về những huynh trưởng nhạc sĩ hay những

nhạc sĩ ái hữu của GDPT ở khắp nơi, chúng tôi xin mời quý vị và các bạn cùng theo dõi cuộc hội thoại bỏ túi giữa những huynh trưởng A, B, C quen thuộc của chúng ta trong đề tài này.

A: Hôm nay, chúng ta nói về Âm nhạc Phật giáo hả? Sao mà rộng lớn vậy?

B: Đầu có, chúng ta chỉ nói đến âm nhạc trong GDPT mà thôi, nhưng nhạc sinh hoạt của chúng ta thường có nội dung Phật pháp, tu học, v.v... nên gọi là âm nhạc Phật giáo cũng đúng thôi!

C: Đúng vậy, ngay cả nhạc trình diễn, nghĩa là có thể hát đơn ca trong các buổi trình diễn văn nghệ sân khấu hay văn nghệ lửa trại cũng có nội dung Phật pháp hay luân lý với lời ca và nhạc điệu trong sáng, thanh thoát, nhẹ nhàng... nên cũng xứng đáng được gọi là âm nhạc Phật giáo chứ bộ!

A: Đồng ý, nhưng có điều hơi buồn là ngày xưa, văn nghệ GDPT nói chung, nhạc PG của GDPT nói riêng, rất có giá nha, hơn xa bây giờ! Nghe nói ở Huế, những đêm văn nghệ sân khấu do GDPT tổ chức mỗi dịp Phật đàn hay Vía Xuất gia chẳng hạn, xuất sắc lắm nha, vé bán không đủ nữa đó!

B: Đúng vậy, các anh chị lớn kể lại, hồi đó GDPT tổ chức những đêm văn nghệ sân khấu với những bài ca, vở ca kịch, hoạt cảnh, v.v... đều là của những tác giả huynh trưởng GDPT hết!

C: Đến nay cũng còn lưu truyền, như vở kịch Mùa Gặt Ác, Suối Từ, Thoát Ngục Vàng của huynh trưởng Nguyên Hùng. Những nhạc sĩ huynh trưởng như Nguyên Phương Hoàng Trọng Cang, Lê Cao Phan, Đỗ Kim Bằng, Phạm Mạnh Cường, Anh Lạc Nguyễn Đình Luyện, Lê Mộng Nguyên, Lê Mộng Bảo, Dương Xuân Dưỡng, Dương Xuân Nhơn, Ngô Mạnh Thu, v.v...

A: và sau này cũng có nhiều

huynh trưởng nhạc sĩ như Như Vinh Nguyễn Văn Xứng, Nguyễn Đình Bửu Ân, Đức Quảng Nguyễn Hoàng Phụng và những HTr. nhạc sĩ bên Âu Châu, Úc Châu nữa... Ngoài ra, còn có các vị Tăng Ni trẻ trong nước cũng như HN nữa.

B: Đúng vậy, về âm nhạc, GDPT chúng ta có thật nhiều nhân tài, đó là chưa kể những bài Thiên ca từ các đạo tràng tu học khắp nơi từ trong nước ra tới hải ngoại với các nhạc sĩ vô danh (nghĩa là các bài ca mà chúng ta thường hát không thấy ghi tên tác giả!)

C: Còn ca sĩ gốc Phật tử và GDPT cũng nhiều nha! Ví dụ như Hà Thanh, Thanh Thúy, Thanh Mai, Bảo Yến, Quang Lê, Ngọc Hạ, Trang Mỹ Dung, Mộng Lan, Trọng Nghĩa, v.v...

A: Cũng phải nhắc lại là huynh trưởng GDPT ngày xưa rất nhiều vị vừa là Hướng đạo sinh (Boy Scout) nữa như anh Phan Cảnh Tuân (thầy Phổ Hòa – đã viên tịch năm 2011), anh Lê Cảnh Đạm, anh Lê Bá Ngữ, v.v... nên GDPT cũng dùng chung những bài hát của Hướng Đạo, miễn là có nội dung thích hợp với GDPT.

B: Phải đó, vì Hướng Đạo không chỉ phải là Phật tử, họ không cần ăn chay, không cấm sát sanh như Anh Chị Em mình nên họ dạy cho đoàn sinh đi câu cá, bắt chim, đi săn bắn, làm bẫy, v.v... là những điều mình không dạy cho các em mình.

C: Ồ vậy hả? Nhưng đâu có bài hát nào nói chuyện đi săn đâu!

A: Có chứ, không phải dạy đi săn nhưng ví dụ như bài "Con Cò" có lời ca bắt đầu như vậy: "Ta ra thăm đồng đêm tối không trăng sao..." gặp được một chú cò, anh ta nói "Cò ơi mi chớ hồng tha!", rồi sẵn đây anh ta bắt chú cò, đem trói lại rồi hện sẽ về nướng chú cò lên để "chén" _ cái này Anh Chị Em mình đâu có được! (điều luật của Oanh Vũ: "em thương người và loài vật", thì phải bảo vệ loài

vật chú, sao thấy con cò đi ăn đêm lại bắt về làm thịt ăn!!)

B: Vì vậy, âm nhạc GDPT có thể nói là âm nhạc Phật giáo (PG) vì nó phản ánh tinh thần từ bi của PG, trong cái vui cũng phải có chừng mực, không sa đà để rồi phạm giới đã phát nguyện.

C: Đúng rồi, kỳ đi trại ở một khu đất trại có cái hồ lớn mà chủ nhân cho câu cá thoải mái, thế nhưng huynh trưởng và đoàn sinh chúng mình không ai nghĩ đến chuyện câu cá cả khiến chủ nhân ngạc nhiên và có phần nể nữa!

A: Âm nhạc GDPT, theo các bạn có mấy loại?

B: Mình thấy có các loại sau đây: 1. Nhạc sinh hoạt; 2. Nhạc Đạo; 3. Nhạc Lễ; 4. Thiền Ca.

C: Mình cũng đồng ý cách phân chia của bạn B; ví dụ loại 1: Nhạc sinh hoạt như những bài Gia Đình Thân Ái, Vui Dựng Gia Đình, Kết Đoàn, Em Đến Chùa, v.v... loại này nhiều vô số; 2. Nhạc Đạo như "Đêm Thành Đạo", Trái Tim Bỏ-tát, Từ Đàm quê hương tôi, v.v... 3. Nhạc lễ như những bài chỉ hát trong khi làm lễ Chào cờ Sen Trắng, hay chào cờ Phật giáo hay lễ Phật, ví dụ: "Trầm Hương Đốt", "Phật Giáo Việt Nam", Đóa Sen Trắng, v.v... 4. Thiền Ca như "Đây là Tịnh độ", "Sáng nay đi thiền hành", "Mặt trời hồng tình thức", v.v...

A: Các bạn dài dòng quá! Đáng lẽ các bạn chỉ trả lời mình: hãy xem cuốn sách Nhạc "Ánh Đạo Vàng" của anh Đức Quảng đã xuất bản cách đây mấy năm, với hơn 500 bài hát ảnh sưu tầm cả Nhạc và Lời thì biết ngay! Tuy nhiên, mình muốn hỏi các bạn một điều nữa: những bài nhạc xưa có còn thích hợp với tuổi trẻ hôm nay không?

B: Về tinh thần, nội dung thì mình thấy không có gì cũ cả, nhưng với các em của chúng mình ở hải ngoại, tiếng Việt không rành nên những bài dài quá các em không thuộc được, trở ngại cho sinh hoạt chung.

C: Đúng vậy, cho nên phải soạn lại những bài hát sinh hoạt sao cho ngắn, ít từ khó và dễ nhớ, dễ thuộc như bài "Yêu Mẹ Cha" chẳng hạn, với Oanh Vũ thì những bài hát kèm theo điệu bộ càng tốt.

A: Phải đó, cố huynh trưởng nhạc sĩ Bửu Ấn đã có nhận xét:

"Cuộc sống của tuổi trẻ hôm nay so với 40 năm trước đã có quá nhiều xáo trộn và đổi thay, cả về vật chất lẫn tinh thần, chúng ta phải làm cách nào để phát huy hiệu quả tốt nhất cho bộ môn văn nghệ theo đúng đường hướng GDPT, Phật giáo và Dân tộc vì văn nghệ (âm nhạc nói riêng) đóng vai trò hấp dẫn trong vui chơi giải trí mà cũng là một phương tiện huấn tập sâu sắc, nhẹ nhàng và vững chắc, để thấm sâu tinh thần Phật giáo, dân tộc, tuổi trẻ khi vào đời..."

B: Đúng rồi, nhưng đó là việc đại sự, ngoài buổi hội luận của ACE mình, xin nói thêm: âm nhạc GDPT còn có một đặc điểm nữa là không phân biệt nhạc trong nước hay nhạc ở hải ngoại, tất cả đều có Đạo vị, GDPT và màu Lam; và được nhanh chóng phổ biến trên Net nên Anh Chị Em trong nước và ngoài nước (cả Âu Châu, Úc Châu, Hoa Kỳ và Canada) đều biết.

C: Để kết thúc, mình xin đề nghị mỗi người chúng ta hát một bài mà chúng ta thích nhất và theo thứ tự, người bắt đầu hát một bài ca sinh hoạt, người tiếp theo hát một bài nhạc Đạo còn người thứ ba phải hát hai bài, một bài nhạc Lễ và một bài Thiền ca.

A: Được thôi nhưng chúng mình "hát" mà ghi lên giấy thì chỉ có lời thôi chứ đâu có nhạc!

B: Nhạc thì xem trong cuốn sách nhạc của anh Đức Quảng đó.

C: Phải rồi! Mình xin bắt đầu trước bằng một bài ca sinh hoạt mà mình thích: Anh em ta về cùng nhau ta sum họp này: 1, 2, 3, 4, 5. Anh em ta về cùng nhau ta sum họp này: 5, 4, 3, 2, 1. 1 đều chân bước nhé, 2 quay nhìn nhau đi, 3 cầm tay chắc nhé, không muốn ai chia lìa, 4 nhớ rằng chúng ta bốn bề anh em một nhà, 5 nhớ mãi tình này trong câu ca!

A: Mình xin hát bài nhạc Đạo: Con về nương tựa Phật, người đưa đường chỉ lối cho con trong cuộc đời! Nammo Buddhaya. Con về nương tựa Pháp, con đường của tình thương và sự hiểu biết! Nammo Dharmaya. Con về nương tựa Tăng, đoàn thể của những ai nguyện sống cuộc đời tinh thú! Nammo Sanghaya.

B: Đến phiên mình, xin hát một bài thiền ca mình thích vì bài bạn A vừa hát gọi là nhạc Lễ cũng được mà nhạc Đạo cũng được: Đây là Tịnh độ, Tịnh độ là đây! Thở vào Chánh niệm, An trú hôm nay. Phật là lá chín, Pháp là mây bay, Tăng thân khắp chốn, Quê hương nơi này. Thở vào hoa nở, Thở ra trúc lay. Tâm không ràng buộc, Tiêu dao tháng ngày.

A: Như vậy là đầy đủ cho buổi hội luận hôm nay rồi nha! Xin tạm biệt!

B và C: Tạm biệt! Tạm biệt! ■



LẮNG NGHE ĐỂ HIỂU, NHÌN LẠI ĐỂ THƯƠNG, MỈM CƯỜI TRONG THÔNG DONG

Tâm Lắng Nghe Sâu

Pháp Phật bao la, Phương Tiện rộng lớn nhưng trong cuộc sống có hai pháp thực tập có thể đem đến cho mình sự hạnh phúc và an lạc rất thực tiễn và sâu sắc. *Lắng Nghe Để Hiểu, Nhìn Lại Để Thương* là hai phương pháp vô cùng đơn giản nhưng chưa chắc đã dễ thực tập vì thường tình chúng ta ít biết lắng nghe, và nếu có lắng nghe chúng ta luôn luôn lắng nghe trong bức bối và giận hờn. Hoặc khi có nghe, chúng ta thường thân nhận lời nói của người đối diện rồi đưa chúng vào những lập trình phân tích, rằng những lời mình vừa nghe đây là những lời ngậy dại, những lời chua chát, những lời có ý hiềm chỉ mình điều gì, những lời nói không có vị tươi mát, có khi chỉ là lời nói theo gió bay thể nhưng ta có thể nếm được một vị như đắng ngắt và chua chát. Ta đem về dày vò chúng thành những cục giận rồi đem ném trả lại.

Mấy hôm nay hình ảnh em mãi khơi dậy làn suy tư trong tâm trí tôi khiến tôi ngồi nhìn lại chính mình trong cuộc sống. Tự dưng tôi cảm thấy thương em quá, tôi rất muốn làm điều gì và nói một vài lời có nghĩa để giúp em nhưng cứ sợ lời nói của mình chưa thật sự có hiểu biết, hay còn những vướng về để mà giúp em mở tỏa những khó khăn chướng ngại. Tôi bỗng thấy thương em hơn lúc nào hết; tôi muốn ôm em vào lòng để vỗ về em. Mỗi lần ngồi nói chuyện và hỏi thăm em, tôi đều thấy mắt em ươn ướt. Em cố kìm hãm cảm xúc không để cho tôi thấy nước mắt em rơi nhưng tôi cảm nhận được sự đau khổ. Tôi rất muốn nói nếu như em muốn khóc, hãy để cho những giọt nước mắt tủi hờn hay khổ đau kia rời khỏi đáy lòng em, em sẽ cảm thấy dễ chịu hơn, hãy để tâm mình tự do và trống trải, để

em có thêm tự tin nhìn sâu vào những vấn đề em đang vướng mắc. Em hãy để lòng mình tự do và trống trải để hạt giống Phật được nảy mầm bằng chất liệu thương yêu và hiểu biết của mình.

Tôi là người nhạy cảm nhưng tôi thấy em lại vô cùng mong manh hơn cả mình. Những tổn thương nhỏ cũng có thể làm cho em đau khổ. Trong em có quá nhiều nội kết cần được tháo gỡ nhưng một mình em không thể làm được, em rất cần sự giúp đỡ từ người thân thương nhất của em, từ những người bạn, người anh, người chị đồng sự của em. Đôi khi tôi cũng buồn về những sự vướng về của em nhưng khi nhìn những giọt nước mắt em rơi, tôi cảm nhận được nỗi buồn của tôi dường như không thể đo lường được với những khổ đau và buồn giận của em; chúng trở thành vô nghĩa và tôi cảm thấy thương cảm em.

Còn nhớ lần họp trước, em tâm sự trong thốn thức rằng những hành động của tôi đã gây cho em rất nhiều phiền não và mệt mỏi. Em nói "Anh Huy ảnh thương chị Hoa quá đi, ảnh chiều chị Hoa, chị Hoa nói gì ảnh cũng nghe hết. Tại em nói ảnh tháo bằng ghề ra, ảnh đồng ý nhưng khi chị Hoa gọi điện thoại kêu ảnh đừng tháo xuống là ảnh nghe theo chị Hoa." Em biết không, thoát nghe tôi thấy trong lòng tôi trở dậy sự bức tức, tôi muốn giải thích cho em hiểu rằng tôi đã không cố ý vì lúc ấy trong lòng tôi không cảm thấy an tâm vì nghĩ đến sự an toàn của những người trên xe và những sự không may xảy ra trên đường đi khiến cho mọi người mệt mỏi nhưng khi nhìn thấy em khóc. Tôi bỗng dưng chỉ có thể nói được hai câu "Hoa xin lỗi, nếu như những lời nói hay hành động vướng về của mình trong lần nào đó đã gây cho các chị phiền não gì đó thì ngày hôm nay Hoa thật tâm xin lỗi." Tôi đã nói như vậy đúng ba lần như thế nhưng em

vẫn không cảm thấy vui hơn chút nào vì vết thương đã ngấm vào trong tâm em. Tối hôm ấy, trên đường lái xe về nhà dưới trời mưa đêm nhẹ, tôi đã rất xúc động làm một bài thơ về em, tôi lấy tựa đề là "Buồn" vì tôi cảm nhận được nỗi buồn của em, phần lỗi của mình chắc chỉ là nhỏ thôi, nhưng có thể nó đã làm hâm nóng nỗi buồn sâu sắc nào đó đã có trong lòng em từ rất lâu rồi. Bài thơ đó tôi làm cho em, nhưng tôi chưa bao giờ gửi cho em đọc.

Buồn

*Thành phố chiều nay buồn
Mưa thu về giăng ngang
Ngây ngô đôi mắt thỏ
Đợi chuyến tàu đi qua*

*Ngày gió đem mây về
Rủ hồn rơi trên tay
Ôi ta hồn bỗng dại
Ngồi đếm lá vàng bay*

*Lạy em xin thứ tha
Lạy ta tha thứ nhau
Để mai đến với nhau
Ánh mắt thôi hờn đau*

*Lạy ta không biết đau
Giữa không gian rộng*





*không Ta mơ lên đỉnh cao
Hóa thân thành muôn sao*

Nhìn xuống trần gian buồn (!)

Em ơi, em biết không khi ấy tôi nhìn vào mắt em, đôi mắt ngây thơ của chú thỏ dễ thương đang cần sự an ủi và chở che. Tôi không đang tâm làm em bị tổn thương nữa. Phiền não như những toa tàu dài, tiếp nối nhau chậm chậm ẩn hiện trong tâm mình làm cho lòng mình càng thêm trĩu nặng phải không em. Bất giác tôi tưởng tượng mình đang đứng trước Đức Quán Thế Âm, chắp tay lạy xuống, nhìn vào tự tâm mình, tôi mong em mở rộng cánh cửa tâm hồn của em và của tôi để hai chúng ta có thể nhìn nhau với ánh mắt tràn đầy của tình thương khi chúng ta gặp lại, thế nhưng phải mất rất nhiều tháng ngày em mới mở cửa cho tôi bước vào tim em thêm lần nữa.

Chấp nhận và tha thứ cho người đã làm mình tổn thương rất khó, nhưng em đã làm được như thế: em đã và đang đi trên con đường thực tập mà Đức Phật đã dạy chúng ta. Nhưng hình như những tác động bên ngoài vẫn còn quá lớn đối với em; em vẫn còn thấy dường như thế giới này nhỏ hẹp quá, bầu trời không mở ra thênh thang cho đời sống của em. Em mỗi ngày vẫn phiền muộn. Em không cảm thấy mình hạnh phúc, hạnh phúc của em qua mong manh và dễ vỡ. Ngày

trò chuyện với em hôm qua, tôi cảm nhận được ánh mắt sâu của em một nỗi buồn vô tận. Có lẽ mình vẫn chỉ còn thương nhau bằng nhiều lời nói quá phải không em? Mình đã đến với nhau chỉ bằng những cảm giác hồ hững để rồi khổ ai nấy lo, hờn ai nấy giữ. Tôi đã cảm thấy như thế. Tôi muốn nói với em và người thương của em rằng "Em ơi, đừng đem phiền não của người khác về nhà đặt để lên người thương

của mình. Hãy tạo dựng cho mình một niềm tin yêu để làm nền tảng hạnh phúc dài lâu. Em có thể đã chưa khéo léo trong cách sinh hoạt hay tiếp xúc với mọi người, điều đó làm cho người khác khó chịu. Khó chịu tạo ta phiền não, nhưng mình nên sáng suốt đừng mang lấy phiền não của người khác bỏ vào cuộc sống của riêng mình. Hãy luôn đứng bên nhau, là chỗ dựa vững chãi cho nhau. Chấp nhận và giúp nhau sửa đổi. Khi ta cô đơn, đau yếu, chỉ có người thương bên cạnh ta lo lắng và chăm sóc cho ta, người ngoài không làm được như thế. Em hãy trân quý và hãy cho người thương của mình sự triu mến và nâng niu. Chúng ta ai cũng có lúc mong manh như những cánh hoa và cần sự nhẹ nhàng hơn là trách móc và giận hờn.

Có thể em đã đang rất phân vân về con đường tương lai trước mặt. Em phải có sự lựa chọn, một sự lựa chọn sáng suốt nào đó để sau này mình không phải hối hận. Hãy mừng tượng mình đang đi chung một con đường đầy hoa thơm và tiếng cười, nhưng đến một lúc nào đó, bỗng thấy mình đang đứng ở hai lối rẽ. Chúng ta có thói quen, khi nhìn thấy con đường bỗng nhiên chia làm hai, chúng ta thường suy tư xem mình phải chọn con đường nào tốt để đi. Chúng ta thường có thói quen nhìn về phía trước. Em ạ, chỉ cần chúng ta xoay người lại một chút thôi, sẽ thấy trước mắt ta chỉ có một con đường mà thôi, con đường mà chúng ta

đã từng đi chung trong hạnh phúc, đầy những hoa tươi và tiếng cười. Nhìn lại và thử dắt tay nhau đi trở lại con đường chúng mình đã từng đi qua như một sự khởi đầu với niềm tin yêu ban đầu thì chúng ta sẽ cảm thấy cuộc sống mình chia sẻ với nhau có nhiều ý nghĩa hơn. Ta sẽ thấy tình yêu của mình tha thiết hơn. Tôi đã nói với em hôm qua không biết em có hiểu ý tôi không "người con gái cần sự chăm sóc và đôi khi sự thiết thòi rèn luyện cho mình cái tính nhẫn nhịn trong thương yêu như đất; mình phải biết tranh thủ, nắm bắt hạnh phúc của mình đừng để mình rơi vào trường hợp mà mình làm một cái quyết định tầm thường như bao nhiêu người khác đã làm."

Em ơi! Bây giờ tôi với em, chúng mình hãy cùng nhau thực tập thật sâu qua lời dạy dịu dàng của Đức Phật "tập lắng nghe, lắng nghe với tâm không thành kiến, lắng tai nghe để hiểu những điều chưa nói và những điều đã nói; con hiểu rằng chỉ biết lắng nghe thôi, con đã làm với đi những niềm đau của kẻ khác." Mình hãy ngồi lại cùng nhau, nhìn lại chính mình, nhìn lại người thương của mình để mình nối lại sợi dây truyền thông giữa hai tâm hồn, giữa những tâm hồn với nhau. Mình sẽ thấy những nét đẹp riêng của mỗi chúng ta, chấp nhận nhau và tha thứ nhau, gây dựng một tình cảm chân thật bớt trách móc và tạo phiền não cho nhau; mình sẽ thấy nụ cười của mình rất tươi, rất chân thật và tràn đầy chất liệu thương yêu.

Em hãy cùng tôi mình cùng dắt tay nhau, cùng thực tập em nhé. Tôi tin rằng một ngày nào đó, em sẽ được hạnh phúc và em sẽ được thông dong như những áng mây thênh thang trên bầu trời. Hãy cười và cùng nhau thở những hơi thở của tử bi và hiểu biết.

*Đến với người em gái thân thương,
người bạn đồng sự của tôi.*

*Thân mến,
May 22, 2012*

Tâm Lắng Nghe Sâu

LÒNG THƯƠNG YÊU SỰ SỐNG

Người dịch: **H.T. THÍCH TRÍ CHƠN**

Nguyên tác: THE LOVE of LIFE by **G. B. TALOVICH**

MỘT TAI NẠN VÌ SĂN BẮN

Một Tai Nạn Vì Săn Bắn

Núi đồi thật đẹp. Nhưng ông Ngô không chú tâm đến việc ngắm cảnh. Ông và người con dành nhiều thì giờ để săn bắn tại vùng núi này. Ông Ngô là người xử dụng cung tên rất giỏi. Ông không bao giờ bắn trật phát nào. Không cần nhắm ông vẫn bắn trúng đích. Ông chọn xong mục tiêu, giương cung lên bắn là trúng ngay. Không một con vật nào có đủ mau và lanh lẹ để tránh được những mũi tên của ông.

Trông kia, nơi đó, một con nai con. Giữa cảnh thiên nhiên, nai con là một trong những con vật đáng yêu nhất, nhưng ông Ngô lên núi không phải để ngắm cảnh thiên nhiên. Vừa thấy nó, ông liền rút mũi tên ra khỏi ống và vù một cái, con nai liền ngã lăn ra chết. Cách đó vài phút (feet) ông Ngô thấy mẹ nó trong bụi cỏ. Từ nơi ông đứng, ông không thể bắn trúng nó, cho nên ông chờ.

Nai mẹ vô cùng buồn khổ cho đứa con nhỏ của mình! Nó khóc than và liếm trên những vết thương của con nai. Khi nó đang chú tâm săn sóc cho con nó, ông Ngô bắn lẹ một phát, nai mẹ liền chết ngay tại chỗ. Nhưng ông Ngô vẫn chưa thấy đủ. Ông nghĩ có thể còn nhiều con nai khác ở trong vùng, vì ông nghe có tiếng động xào xạc chung quanh đám cỏ. Có thể có ít nhất là một hoặc hai con nữa.

Ông nghĩ "ba con nai tốt hơn là hai con," và ông chuẩn bị. Rồi ông xác định vị trí nơi phát ra tiếng động và bắn vào bóng mát nơi đám cỏ.

Ông vui mừng khi nghe tiếng của một con vật khác chết ngã xuống đất, nhưng niềm vui của ông đã biến thành sự đau khổ khi ông nghe có tiếng rên!

Con nai kêu rên như vậy! Đó là tiếng rên của con người! Ông Ngô vội vàng chạy lại và thấy mũi tên thứ ba của ông không phải bắn hạ con nai mà đã giết chết đứa con trai cùng đi săn với ông!

Ông Ngô vô cùng kinh ngạc. Hình như ông nghe có tiếng nói bảo ông: "Này ông Ngô! Giờ đây chắc ông đã thấm thía nỗi đau khổ, khi thấy đứa con đã bị giết chết bởi chính mũi tên của mình? Loài vật cũng yêu thương con của chúng như ông vậy. Ông có thấy từ trước đến nay ông đã gây ra không biết bao nhiêu sự đau thương chết chóc cho cha mẹ của những con vật nhỏ?"

Ông Ngô đứng đó, chết lặng người, trong lòng ngập tràn đau khổ và ông chú ý nghe có tiếng động gần đó. Trong giây lát ông nhận thấy rằng con vật trong đám cỏ không phải con nai mà là con cọp! Nhưng quá trễ. Trước khi kịp chạy thoát, miệng cọp đã vồ ngoạm lấy cánh tay ông thường dùng để bắn

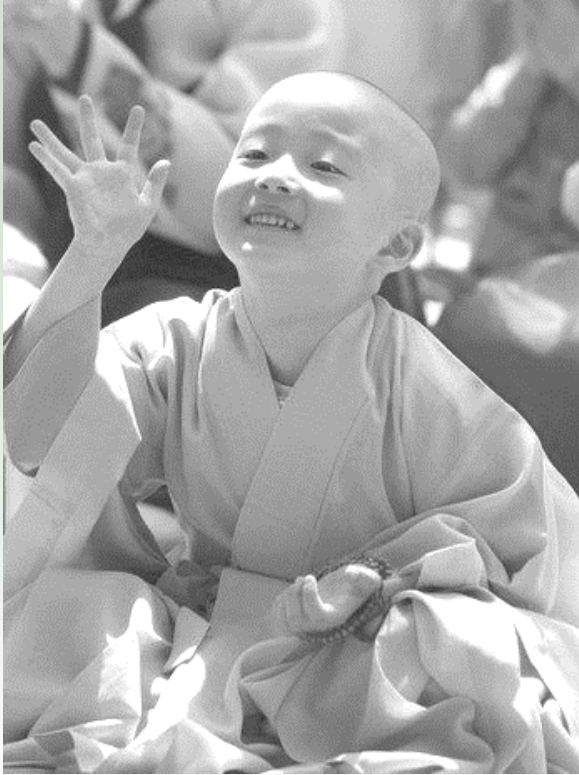
giết thú vật, và trong phút chốc toàn thân người ông cũng bị cọp ăn hết.



A TYPICAL HUNTING ACCIDENT

The mountains were splendid. But Wu didn't care a whit for scenery. He and his son spent a lot of time hunting in these mountains. Wu was a dead shot with his bow and arrow. He never missed. He was such a good shot that he barely had to aim. He just picked a target, pulled his bow, and shot it down. No animal was quick enough or agile enough to escape his arrows.

Look, over there, a little fawn! A little fawn must be one of the most adorable animals in nature, but Wu wasn't in the mountains to admire nature. As soon as he spotted it, he whipped an arrow out of his quiver and zoom! the fawn fell over dead. Then



Wu noticed its mother a few feet away in the grass. He couldn't get a good shot at her from his angle, so he waited.

She was terribly sad about her little baby! She let out a cry as she starting licking her baby's wounds. Just as she was concentrating on that, Wu pulled off a quick shot and the mother deer died on the spot.

But that wasn't enough for Wu. He thought there might be more deer in the area, because he heard something rustling around in the grass. There was at least one more in there, maybe two.

"Three deer is better than two," he thought, as he prepared. Then he located the source of the sound and shot at a shadow in the grass.

He was proud to hear the sound of another dead body falling to the ground, but his pride turned to anguish when he heard a groan!

Deer don't groan like that! That was a human voice! Wu rushed over and saw that his third shot had killed not a deer, but his own son, who had come out hunting with him.

Wu was stupefied. He seemed to hear a voice telling him, "Wu! Now do you know what it is like to see your baby shot to death with an arrow? Animals love their young as much as you do. How much anguish have you caused animal parents?"

Wu stood there, numb, too heartbroken to pay attention to a sound that came from the side. Then in a flash he realized that the other animal he had heard in the grass was not a deer, but a tiger! But he was too late. Before he could move, his shooting arm was in the tiger's mouth, and in a moment, the rest of him was, too.

YẾM TRỢ CHÁNH PHÁP

Nam mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý Phật tử và bạn đọc gần xa,

Nhằm phổ biến giáo lý Giác ngộ của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni và tạo mối dây liên hệ tinh thần giữa Phật giáo đồ khắp nơi, báo Chánh Pháp ra đời. Thời gian qua, báo Chánh Pháp đã tạo được niềm tin cậy và yêu thích của bạn đọc, xuất gia hay tại gia.

Tuy vậy, để báo Chánh Pháp được duy trì và phát triển trên đường dài, Ban Chủ Trương chúng tôi mong mọi được sự yểm trợ sâu rộng của chư tôn đức và quý Phật-tử qua các phương thức sau:

- Chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu xin đóng góp bài vở, gửi về tòa soạn (nội dung liên quan Phật giáo, Văn Hóa, Xã Hội, Từ Thiện...)
- Quý Phật-tử có thương vụ xin đăng quảng cáo để ủng hộ
- Quý Phật-tử đồng hương xin phát tâm ủng hộ mỗi vị \$5 một tháng (để trang trải cước phí gửi báo đi khắp nơi)
- Giới thiệu báo Chánh Pháp đến thân nhân, bằng hữu, bạn đạo khác.

Sự yểm trợ của chư tôn đức, văn thi hữu và bạn đọc sẽ giúp cho nội dung báo Chánh Pháp ngày càng phong phú, đặc sắc hơn, giúp chúng tôi vượt qua những trở ngại tài chánh để nuôi dưỡng tờ báo dài lâu, góp phần hoằng dương Phật đạo.

Thành thật tri ân chư liệt vị.
Tỳ kheo Thích Nguyên Trí

Tịnh tài xin gửi: CHÁNH PHÁP
11502 Daniel Ave.,
Garden Grove, CA 92840 – U.S.A.
Tel.: **(714) 638-0989**

Bài vở xin gửi:
baivochanhphap@gmail.com